

# PHÔ THÔNG

Tạp-chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

29

Giám-Đốc: NGUYỄN-VŨ

- Tao-dàn Phô-Thông ..... P. T.  
Bài thơ Châu-Chấu đá voi ..... NGUYỄN ĐÌNH DIỆM  
Một đời người (hồi ký) ..... THIẾU SƠN  
• SAINT-EXUPÉRY, một văn hào phi công... NG. KHẮC THIỆU  
Đèn vàng điện ngọc ..... MAI HƯƠNG VÂN  
Pho tượng của Bà Chúc ..... NGUYỄN ANG CÀ  
★ Trái bom nổ trong buổi bình minh ..... MẶC-THỦ  
★ «VƯƠNG THÚY KIỀU» truyện của Tàu ..... BẠCH-THÙY  
Những áng thơ hay ..... THẦM THÈ HÀ  
• Cho tôi: ông PHAN KHÔI ..... PHAN THỊ MỸ KHANH  
• Văn sĩ thi sĩ tiền chiến ..... NGUYỄN-VŨ  
Chem cho cái số... «Hoa Đào» ..... LƯU TRÙNG HUNG  
Bạn tôi lấy vợ (truyện ngắn) ..... HOÀNG THÁNG  
★ Vài nhận xét về văn hóa Nhựt ..... T. TSUGIYAMA  
• Những đêm cầu cơ tại nhà Victor Hugo ... TÂN-PHONG  
Nàng chính phỷ trong Chính phỷ ngầm ... VŨ ĐỨC TRINH  
★ Mình ơi! ..... DIỆU HUYỀN  
Không Minh ..... NGUYỄN QUANG LỤC  
• Một giờ nói chuyện với Sujono .... NGUYỄN THU MINH  
Tôi làm phim ..... THÁI THÚC DIỄN  
Dưới chân Thượng Đế (thơ) ..... NHƯ LAN  
Buôn đêm mưa (thơ) ..... HOÀI HƯƠNG

## TRUYỆN DÀI

Kiên trinh truyện dài của Cô VÂN NGA

Cô gái điện truyện dài của TÙ-VU

Bản dịch của VI HUYỀN ĐÁC

(Xem mục-lục đầy đủ ở trong 4-5)

<b>LOẠI I</b>	mở ngày	<b>16/2/1960</b>
— II	—	<b>8/3/1960</b>
— III	—	<b>30/3/1960</b>
— IV	—	<b>12/4/1960</b>

### **GIÁ MỖI VÉ 10\$00**

<b>I Lô Đặc Đắc</b>	.	.	.	:	:	<b>1.000.000\$00</b>
<b>5 Lô</b>	.	.	.	.	.	<b>100.000\$00</b>

và nhiều lô trúng khác như loại vé  
Kiến thiết thường

\*

\* \*

- Một dịp làm giàu mau chóng
- Một cách giúp phần xây dựng  
văn hóa Việt-Nam.

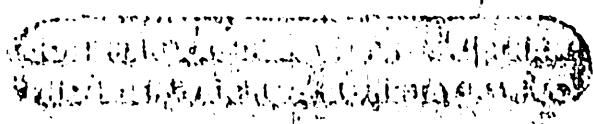
Menthol

MÙI ĐIỆU  
THẬT THƠM  
HÚT VÀO MÁT CỔ



# PHÒ THÔNG

ẤP 1971



Giám-Đốc, Chú-Bút: NGUYỄN-VĨ

Quản- lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — P. T. Sài-gòn 307

ẤP 1971 SỐ 20 X 1,2 TỶ ĐỒNG

1.— Tao đàn Phò-thông.	... . . . . .	: . . : .P. T.	7 — 9
2.— Đèn vàng điện ngọc.	... . . . .	Mal-hương-Vân	10 — 18
3.— Bài thơ Châu-Châu đá voi	. . . . .	Nguyễn-định-Diệm	19 — 20
4.— Một đời người (hồi ký)	... . . . .	Thiếu Sơn	21 — 25
5.— Danh nhân : Saint-Exupéry	... . . . .	Nguyễn-khắc-Thiệu	26 — 33
6.— Pho tượng của Bà Chúa	... . . . .	Nguyễn-ang-Ca	34 — 37
7.— Khổng-Minh	... . . . .	Nguyễn-quang-Lực	38 — 40
8.— Dưới chân Thương-Đέ (thơ)	... . . . .	Như-Lan	41
9.— Nhặng áng thơ hay	... . . . .	Thàm-thệ-Hà	42 — 45
10.— Vương-Thúy-Kiều	... . . . .	Bạch-Thùy	46 — 55
11.— Trái bom nổ trong buổi bình minh	... . . . .	Mặc-Thu	56 — 58
12.— Nàng chinh phụ trong Chinh-phụ ngâm. Vũ-đức-Trình	... . . . .		59 — 64
13.— Cố viện Chàm (thơ)	... . . . .	Hoài-Nhân	65
14.— Chém chà cái số. « Hoa Đào »	... . . . .	Lưu-trùng-Hưng	66 — 68

15.— <i>Bạn tôi lấy vợ</i> (truyện ngắn) . . . . .	Hoàng-Tháng	69 — 76
16.— <i>Một giờ nói chuyện với Sujono</i> . . . .	Nguyễn-thu-Minh	77 — 80
17.— <i>Những đêm cầu cớ tại nhà Victor Hugo</i> . .	Tân-Phong	81 — 84
18.— <i>Cha tôi : Ông Phan-Khôi</i> . . . . .	Phan-thị-Mỹ-Khanh	85 — 91
19.— <i>Ván sâm thi sâm tiên-chiến</i> . . . . .	Nguyễn Vỹ	92 — 96
20.— <i>Vài nhận xét về Văn-hóa</i> . . . . .	Sugiyama	97 — 101
21.— <i>Buồn đêm mưa (thơ)</i> . . . . .	Hoài-Hương	— 102
22.— <i>Cô gái diên</i> . . . . .	Vi-huyền-Đắc	103 — 106
23.— <i>Đời mới dưới mắt họa sĩ</i> . . . . .	Gyao	107
24.— <i>Mình ơi!</i> . . . . .	Diệu-Huyền	108 — 116
25.— <i>Giới thiệu sách báo mới</i> . . . . .	P.T.	117 — 118
26.— <i>Thơ lên Ruột</i> . . . . .	Diệu-Huyền	119 — 120
27.— <i>Kiên trinh</i> . . . . .	Cô Văn-Nga	121 — 122
28.— <i>Đáp bạn bốn phương</i> . . . .	Cô Bạch Yến và D. Huyền	123 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . . .

**Cô Diệu-Huyền**

\* Bản kẽm . . . . .

**Nguyễn-Văn-Dầu**

\* Bìa Offset . . . . .

**Vạn-Quốc**

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỎ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỎ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Viêt-Nam

Jai Tân  
Thơ Chồng  
— ★ —

## Khai - Bút Xuân Canh - Tý

Đầu năm nay, chúng tôi có nhận được 2 bài thơ  
«khai bút» của hai nhà Thi-sĩ Cố lão có thịnh tình gđi  
thăm trong dịp Tân Xuân :

— Cụ U'NG-BÌNH THÚC-GIÁ-THỊ,

84 tuổi, (Hương-Bình Thị-Xã, Huế).

— Cụ THƯỜNG-TIỀN LÊ-QUANG-NHƠN,

78 tuổi, (Nam-Phong Thị-Xã Saigon).

Xin đăng nguyên văn hai bài sau đây, mời các bạn  
Tao-Đàn Phò-Thông tùy sở thích họa chơi với hai Cụ cho  
vui.

Tao-Đàn cũng rất hoan nghênh những bài *khai bút*  
khác của các Thi hưu bốn phương.

Chúng tôi sẽ chọn đăng lần lượt những bài hay nhất  
nơi mục *Tao-Đàn Phó-Thông* khởi từ số sau.

## KHAI BÚT XUÂN CANH TÝ 1960

của Ưng-Bình Thúc-gia-Thị

Nửa đêm trù-tịch dốt lò hương,  
Giờ sách xưa xem chuyện Tống, Đường.  
Nghe tiếng chuột reo khi xὸn gió,  
Nhìn con bướm liệng buổi tan sương.  
Liễu giăng trước cửa khoe màu lục.  
Mai nở quanh sân dượm sắc vàng.  
Đè vịnh có dôi câu chuyết thảo,  
Gửi thăm thi-si bạn từ-chương.

BÁC-THẬP-TỨ TUẾ LÃO-PHU  
UNG-BÌNH THÚC-GIA-THỊ

(\*)

## KHAI BÚT XUÂN CANH TÝ

của Thường Tiên LÊ-QUANG-NHƠN

Còn sóng đôi năm thế cũng vừa,  
Mặt đất ngăn ấy phi cho chưa?  
Công danh dần chẳng nên ông lớn,  
Sự nghiệp may ra có của thừa.  
Kết bạn năm châu tràn mạch hưng,  
Gieo tình bốn bề làm duyên ra,  
Bây mươi tám tuổi trời không phụ,  
Tinh đường hồn thơ mãi lọc-là.

THƯỜNG - TIỀN.

## XUÂN TỰ TÌNH

Kinh họa nguyễn-vạn Cụ Thúc-gia-Thị

Dêm Xuân ấm áp khói, trầm, hương.  
Riêng bóng bơ-vơ mây néo đường.  
Mù-mịt Nước Non, hồn gọi gió,  
Ngậm ngùi thân thế, nhạn kêu sương.  
Câu thơ vướng lệ vàng sao bạc,  
Tiếng dế cầu kinh hận suối vàng.  
Lè kiếp âm thăm, vại triu nặng :  
Nợ tình, nợ nghĩa, nợ văn chương !

N. V.



## KÍNH HỌA THƯỜNG TIÊN TÔN HUYNH

Đời sống bao năm cũng chẳng vừa.  
Bảy-mươi-tám tuổi thật già chưa ?  
Thần tăm nhã kén, e không đủ,  
Giống mộng uốn hoa vẫn có thừa.  
Ngọn bút phô màu, hương sắc thắm,  
Nu cười tươi nhuy, bướm ong ra.  
Túi thơ bầu rưng, trắng, mây, giò,  
Vững bước thiên thu, lọ kén lừa !

N. V.



# **Đèn vàng điện ngọc**

hay

*Những thiên tình  
sử ly kỳ của chồn*

**I.O.O I DÊM**

\* MAI-HƯƠNG-VÂN

# I.— MỘT CUỘC ĐỔI CHÁT BÀY MÁNH KHOÉ

**O** Ai nghi chẽm chẽ trên  
chiếc ngai vàng ngậm ngọc,  
quốc vương En-Nát-Sơ rao mắt  
nhìn một lượt bợn cung tần mỹ  
nữ đang rồi thành hình cung  
nguyệt trên sàn điện lát bằng đá  
cẩm thạch lấp lánh. Rồi nhà vua  
võ tay đóni dỗp ba cái, đồng  
dạc truyền lệnh :

Nào, mỹ nương của Trẫm đâu  
hãy lên gần trẫm.

Vừa nghĩ, tiếng gọi, một cung-  
phi khôn thai đứng dậy rồi chồ  
ngồi tiến về phía long sàn rồi ngoan  
ngoãn phục phục dưới chơn nhà  
vua. Quốc Vương En-Nát-Sơ  
đưa tay vuốt râu khoái chí, rồi  
ra dấu :

— Đẹp lắm ! đẹp lắm ! Trẫm  
cho phép ái khanh bình thân !  
Lệ Uyên của ta ơi !

Người đẹp từ từ ngẩng lên  
ngước nhìn mặt rồng rồi tung hô:

— Tiện thiếp Lệ Uyên cúc  
cung kính chúc thiên nhan tuế  
tăng vạn tuế.

Quốc Vương En-Nát-Sơ rộn  
rã lên vì lời nói dịu dàng của  
người ngọc, ngài vội khoát tay :

— Không; không trẫm miễn lể

cho ái khanh mà. Lê Uyên liếc  
cặp mắt sắc như dao về phía  
nhà vua rồi nói :

— Tiện thiếp xin cảm tạ ơn  
rồng.

Nhà vua lúc ấy dè mê cả tâm  
thần hồn phách như phiêu  
diêu vào chín tùng mây. Ngài  
không ngại ngùng gì ra lệnh :

— Lê-Uyên ơi, nàng biết nàng  
đẹp lắm không, ta cho phép nàng  
cởi tất cả vải che phủ bên ngoài...  
lột tất cả.

Lệ Uyên hơi giật mình khi nghe  
vua truyền : Lột tất cả ! dè phô  
bày tẩm thân kiều diễm của nàng  
ra trước trào đình à ? không ! Lê  
Uyên không thè nào làm việc dè  
tiện như vậy được... nhưng bây  
giờ chống lại ư ? Chỉ chuốc lấy  
cái chết. À ! Lê Uyên chỉ còn  
cách là dùng sắc đẹp dè bỏ ý định  
của nhà vua. Nàng nhăn mày cúi  
rập đầu lâu :

— Tấu thiên nhan ! Tiện  
Thiếp cúi rập mình dưới chơn  
rộng mong ơn trời biển cả tha cho  
tiện điều ấy... vì tiện thiếp  
khó mà phơi bày ra trước trào  
đình đồng dù bá quan vẫn vô như  
vầy... dù sao tiện thiếp cũng là  
của... riêng thiên nhan kia mà.

Nhưng Quốc Vương En-Nát-  
Sơ muốn tức là đã trời muốn

không ai dám cãi lại ngài điếu  
gì cả ! Từ trước đến nay mới  
chỉ mình Lệ Uyên là dám cãi lại.  
Nhà vua vỗ long án thét :

— Không thể được, không thể  
được. Nàng là cung phi. Ta là  
Thiên Tử. Nàng chỉ có một  
quyền duy nhất là phải tuân lệnh  
ta ban truyền ! Biết chưa ? biết  
chưa ?

Lệ Uyên đứng lặng người, sắc  
đẹp của nàng đã không cường lại  
ý muốn đầy nhục dục của Quốc  
Vương, nhưng nếu bây giờ tuân  
lệnh thì trời ơi ! còn gì là danh giá  
còn gì là thể diện. Nhuốc nhơ đê  
tiện quá. Nàng đau khổ muốn  
khóc thét lên nhưng nàng lại nghe  
như từ thần lặng vắng bên mình  
thôi thì Lệ Uyên dành nhầm mắt  
làm liều chứ biết sao giờ ! Hôm  
qua nàng chỉ là con nô-lệ như  
muôn ngàn thiếu nữ khác, may  
nhờ sắc đẹp hôm nay nàng được  
làm cung phi — nhưng ngày mai  
sắc đã tàn, hương đã nhạt, liệu  
nàng ra sao ? Đứng trước uy lực  
quyền cao của một vị quốc vương,  
nàng biết làm gì hơn là cúi đầu  
tuân lệnh... khuông vài che mặt  
toi lần... rơi lăn luôn cả manh  
lụa mỏng dính phủ thân nàng, một  
tấm thân lộ liễu như tượng khỏa

thân phơi bày ra trước mắt Quốc  
Vương En-Nát-Sơ và vị quý  
khách của Quốc Vương là En-  
Sa-La vua xứ Ai-cập.

Quốc Vương En-Nát-Sơ vừa  
khoái chí vừa hân diện quay  
sang vị tân khách của mình đang  
thả hồn vào cõi mộng.

— Này vương huynh, chắc  
chưa bao giờ vương huynh được  
thưởng thức một sắc đẹp, một  
thân hình kiều diễm như vậy chứ ?  
Này... này vương huynh hãy  
nhìn kỹ những đường cong tuyệt  
mỹ khêu gợi nhất trần đời —  
nàng quả là một nữ thần của thế  
gian...

Quốc Vương En-Nát-Sơ vừa  
kè với giọng khiêu khích dục tình  
Quốc Vương En-Sa-La, vừa nhìn  
theo trạng thái biến chuyen của vị  
vua giàu tiền háo sắc kia... Ông  
ta cứng đờ người và mãi chớ mắt  
vào Lệ Uyên — Quốc Vương En-  
Nát-Sơ thích chí cười híp mắt và  
kè tiếp :

— Làn da trinh bạch của Lệ  
Uyên còn dịu dàng hơn cả hoa  
hồng trong vườn Thượng uyên —  
và nhất là đôi mắt đen láy bồ  
câu của nàng đẹp hơn cả vạn bài  
thơ đẹp của thế nhân... lấp lánh  
hơn cả muôn vì tinh tú trên trời,

và sáng hơn cả ánh sáng của vàng  
thái dương lúc ban mai trên biển  
cả. Nào vương huynh thử sờ  
những sợi tơ óng à, mịn màng mà  
trời đã ban cho nàng chứ không  
phải là tóc nứa...

Đôi mắt cú vọ của quốc vương  
En-sa-la vẫn hau háu dính liền  
thân hình ngà ngọc của Lê-Uyên.  
Cái nhìn của ông ta bộc lộ tất cả  
sự thèm muốn đang bốc cháy  
trong lòng ông ta. Và như không  
kèm hâm được sự dồn ép, khao  
khát rạo-rực trước những lời diễn  
tả của En-nát-sor quốc vương, đại  
quốc Ai-Cập chợt nói :

— Vương huynh muốn bao  
nhiều đệ trả cho ! Mười vạn tiền  
vàng được không ?

Nhưng thay vì chiều lòng vị  
quốc vương háo sắc kia để gâ  
cảm tình thì trái lại quốc vương  
En-nát-sor cười to bảo :

— Hà, hà ! dù cho vương  
huynh trả một triệu đồng tiền vàng  
tôi cũng không bằng lòng lựa là  
mười vạn ! Vì nàng là ái phi tôi  
sủng-ái nhất ; vì nàng là viên ngọc  
quý nhất đời ; vì nàng là cái gì  
vô giá trên cõi này, vì nàng là...  
v... v...

Sự thèm muốn càng tăng khi bị  
tù chối, quốc vương Ai-Cập càng

nài nỉ :

— Hay vương huynh cho đệ  
đồi tất cả kho tàng của đệ trong  
các Kim-tụ-Tháp...

Càng cười to hơn, quốc vương  
En-nát-sor nói :

— Càng không được nữa vì  
vàng đâu có ôm-ấp được. Vàng  
đâu có thể đem lại cái sảng-khoái  
ha, ha, vương huynh đừng đòi  
vô ích.

Quốc vương Ai-Cập giận tím  
mặt, vỗ át thư quát :

— Thế tại sao vương huynh  
lại đem cái lõa thiề, cái khêu gợi  
của nàng ra để tán tụng trước mặt  
đệ. Y hệt những tên chuyên bán  
nô-lệ ở ngoài chợ vậy.

Quốc vương En-nát-sor đưa tay  
thông thả vuốt chòm râu cầm,  
cười nham hiểm :

—Ồ ! Như vậy là vương  
huynh hiều lầm thiện chí của đệ  
rồi ! Vì đệ tỏ lòng kính trọng  
tôn sùng vương huynh, đệ mới  
mang cái kho tàng vô giá, cái  
công trình tuyệt mỹ của tạo hóa  
kia ra để vương huynh mục kích  
thể thôi.

Nàng cũng như một bức tượng  
pha-lê trong suốt nhưng vô tri, đệ  
cho vương huynh xem như thế,

nào dẽ có ý bán pho tượng ấy đâu mà vì muốn khoe với vương huynh là dẽ có pho tượng đẹp vậy mà.

Mặc cho những lời lý luận thừa của Quốc Vương En-Nát-Sơ, vị vua của đại quốc Ai-cập vẫn van nài :

— Vương huynh quá quắc đến thế là cùng, đây là lần chót dẽ van huynh nhường Lê-Uyền lại cho dẽ, dẽ sẽ tặng huynh một triệu đồng tiền vàng, ngoài ra dẽ sẽ liên minh với huynh trên hai mặt kinh tế — quân sự để ngăn giữ quân Mông Cổ — và Gia Tô huynh có bằng lòng không ?

Thấy con mồi của mình đã sa bẫy, Quốc Vương xứ Si-ry cười híp mắt nói :

— Lê ra dẽ không bao giờ dê ái phi của dẽ lìa xa dẽ tắc nào — nhưng nề tình huynh là bạn lân bang — dẽ sẽ nhận điều kiện của huynh là trao đổi nàng Lê-Uyền để nhận một triệu đồng tiền vàng và ký kết tờ hiệp ước liên minh quân sự — kinh tế.

Thật ra ý định của Quốc Vương En-Nát-Sơ là cố giài bẫy dẽ nhận số tiền vàng của Quốc Vương Ai - cập. Quốc Vương



Si - ry lại không ngờ durec số tiền to như vậy. Với số tiền đó Quốc - Vương sẽ cải tổ lại quân đội — phát triển kinh tế — lại còn hiệp ước nữa. Như vậy từ đây quốc gia Si-Ry không còn sợ bị

mất đất vì bọn Mông Cổ và Gia Tô. Chiến thuật của Quốc Vương En-Nát-Sơ quả cao cường thật, vờ từ chối để đưa cái thèm khát của Quốc Vương Ai-cập đi đến cực độ. Khi ấy Quốc Vương quên cả sự bẫy rập mà chỉ còn nghĩ đến việc chiếm đoạt cho được người đẹp là đủ rồi, dù khi chiếm được phải trả một giá rất đắt.

Thế rồi hai hôm sau Quốc Vương Ai-Cập lên đường về nước bên cạnh có nàng Lê-Uyền đẹp mê hồn ! Trong lúc ấy tại Si-

ry nhà vua ra lệnh toàn dân ăn mừng một thành công bất ngờ... Mà cũng vì cuộc thay đổi ấy mà cuộc đời của nàng Lê-Uyên lại thêm một khúc quanh mới.

## II. CUỘC ĐỜI CỦA NÀNG LÊ-UYÊN

Lê-Uyên vốn là người Mông-cồ, mẹ nàng gốc ở ' Cô-Ca '. Với vẻ đẹp mặn mà hiếm có lúc còn niên thiếu, mẹ Lê-Uyên bị bắt bởi bọn xâm lăng Mông Cồ khi chúng tràn đến lãnh thổ Cô-Ca dưới quyền chỉ huy của Tướng-lãnh ' Gen-gi-Khan '. Đầu tiên mẹ Lê-Uyên bị giam chung với hơn một ngàn người đẹp khác trong doanh trại riêng của quân Mông Cồ. Nhưng rồi vì sắc đẹp của bà đã lọt vào mắt của ' Gen-gi-Khan '. Thế rồi từ một nàng nô lệ mẹ Lê-Uyên được đem lên hàng áp trại phu nhân ' Gen-gi-Khan tướng quân ' . Và chính thế mà nàng Lê-Uyên ra đời tại doanh trại quân Mông-cồ với hai dòng máu Mông-Cồ (cha) và Cô-Ca (mẹ). Nàng và mẹ được trú ngụ tại một lều bằng ní phủ lông cừu, dù tuyết đồ hay mưa rơi vẫn ấm áp như thường. Nhưng một ngày kia,

ngày buồn nhất của Lê-Uyên và mẹ nàng : Đại Tướng quân ' Gen-gi-Khan ' , thình lình bạo bệnh qua đời...

Cái tang Cha và Chồng chưa mãn thì bọn tướng lính dưới trướng của ' Gen-gi-Khan ' , lại tranh nhau giành cho được mẹ Lê-Uyên vì dù sao bà vẫn còn trẻ đẹp. Thế rồi gót chân xâm lăng của quân Mông-Cồ lần lượt dẫm lên Trung-Hoa — Ba-Tư — Si-Ry — Ai-Cập v.v... và trong ấy có cả mẹ con nàng Lê-Uyên !.. Và khi đoàn quân đến Thổ-Á đóng trại chưa kịp chỉnh đốn hàng ngũ thì bị ngay quân binh Thổ tràn tới đánh úp và bắt theo cả đàn bà con gái ! Trong số ấy có cả Lê-Uyên còn mẹ nàng thì vô phúc bị tử thương trong lúc tên bay đạn réo. Thế là từ đấy Lê-Uyên dành xa hẳn người mẹ thân yêu đã xuống tuyển dài hội ngộ với cha nàng. Năm nay Lê Uyên vừa được 13 tuổi.

Tuy còn trẻ tuổi nhưng Lê-Uyên có một vẻ đẹp khác thường hơn hẳn người, một vẻ đẹp sớm phát triển hơn cả các đám trẻ cùng lứa tuổi với nàng. Vì thế rất nhiều kẻ toan rắp ranh bắn sét ; có lẽ vì sắc đẹp mê hồn ấy nên không ai

còn coi nàng là trẻ con nữa. Trái lại nàng là một thiếu nữ yêu kiều, diễm lệ hoàn toàn này nở với tuổi dậy thì. Thế là Lê Uyên trở nên một nàng nô lệ đắt tiền nhất.

Rồi tình cờ một hôm quốc vương sứ Si-Ry En-nát-Sơ gặp được nàng, mê mẩn tâm thần với bỏ tiền ra mua ngay Lê Uyên về để áp út, để diêm tông cung vàng điện ngọc của nhà vua thêm lộng lẫy.

Tuy thế, nào ai biết đâu theo sát bên mình Lê Uyên vẫn có một người âm thầm yêu nàng và bảo vệ nàng, người ấy là một thanh niên Thồ-nhí-kỳ bị bắt trong lúc cha mẹ Lê Uyên còn oai quyền. Chàng đã yêu nàng tha thiết đậm đà nhưng chỉ yêu trong thầm lặng. Thanh niên ấy tên là : « Dã Bình ». Chàng rất khỏe người, đẹp trai và cũng chính chàng đã bao lần cứu Lê Uyên thoát khỏi cảnh ô-nhục. Lê Uyên biết chàng lắm nhưng nào rõ lòng chàng. Khi quân Thồ cướp trại quân Mông-Cồ. Dã Bình được giải thoát. Nhưng vì dã yêu Lê Uyên nên chàng vẫn theo sát bên nàng. Và trong lúc Lê Uyên ở trong cung thì Dã-Bình được nàng đem vào làm vệ-sỹ với chức « điều

chinh » nghĩa là cầm đầu toán vệ-sỹ. Toán vệ-sỹ này có việc duy nhất là bảo vệ nàng Lê-Uyên. Cũng vì thế mà Dã-Bình và Lê-Uyên luôn luôn gần nhau.

Khi Lê-Uyên được bán cho quốc vương Ai-Cập En-sa-la thì toán vệ-sỹ cũng được mua luôn để giữ nàng. Dã-Bình rất mừng rỡ vì được gần người yêu nhưng chàng có biêt đâu Lê-Uyên chỉ coi chàng như người anh thôi ! Vì trình tiết đã bị ô-nhục rồi ! Nàng không còn thiết gì đến một tình yêu chân thật cả.

### III. ĐỜI SỐNG MỚI CỦA LÊ - UYỀN TẠI AI-CẬP

Về tới Ai-Cập, Lê-Uyên được quốc vương En-sa-la sủng ái ghê gớm. Ngày cũng như đêm nhà vua đều buộc nàng phải ở luôn bên cạnh. Tất cả việc trào nội vua giao cả cho quan nhiếp chính « Lã-Băng ». Còn nói gì hoàng hậu và bọn cung phi của vua đều vô nghĩa cả ! (Chỉ tội nghiệp Hoàng Hậu Ai-Cập : Ý-Thế-Liên cũng là một bông hoa đẹp ngày nào bị vua cưỡng ép thế mà bây giờ đành lùi vào ký-ức của vua). Nhà vua thường nhủ với Lê-Uyên :

— Lê-Uyên của lòng trắc lẻo vẻ đẹp của nàng dâ vượt hẳn Cờ-Lê-Bích (Cléopâtre) và Liên - Ca Bạch-Nga (Lucrèce Borgia) nữa cơ...

Thế rồi vì quá mê Lê-Uyên nên quốc vương En-sa-la đã không ngăn ngại phế hoàng hậu để đem nàng lên chức cao cả của bức mầu nghi. Lê-Uyên bây giờ là chánh-hậu. Còn nàng Ý-Thế-Liên bây giờ phải giam lánh cung, (kiếp hồng nhan đa truân có khác) Lê-Uyên được nhà vua yêu vì bao nhiêu thì Dâ-Bình càng đau khổ bấy nhiêu. Cũng như Lê-Uyên nàng chỉ phó mặc cuộc đời cho định mệnh vì dù sao đời nàng cũng như là cánh hoa tàn rồi. Nàng sống cuộc đời giữa chốn lầu vàng điện ngọc nhưng hoàn toàn tê liệt và ê-chề...



Cái tin đao quân Gia-Tô sắp sửa tiến binh vào Ai-Cập để giải phóng Thánh-Địa (Giê-ru Sa-lem với chúa Cứu thế đã ra đời và chết tại đây dè ba ngày sau sống lại thêm bốn mươi ngày nữa rồi thăng thiên) lan ra rất nhanh khiến dân chúng hoảng hốt tấp nập tản cư. Vua En-sa-la được cắp báo hung tin giật mình tháo tinh!

Và vì đã có ký hiệp ước liên minh chống quân Gia-Tô nên quốc vương liền huy động quân lực chống lại giặc của Vương quốc Pháp ở bên kia trời Âu do chính hoàng đế Louis đệ cửu điều khiển.

Quân Gia-tô nhởn nhơ có lối trang phục giáp sắt kỳ lạ nên tiến đến đầu quân Ai-Cập sợ bỏ chạy đến đấy; và đoàn thập tự quân của Pháp chiếm thành không tốn giọt máu. Chẳng mấy chốc đoàn quân Gia-tô đã chiếm đến kinh thành Đạt-Mích (Damiette) tại bờ sông Nil. Trong khi ấy tại Da-Mách (Damas) cách Đạt-Mích hai trăm dặm (335 km) Quốc-Vương En Sa La vì quá say mê dục tình nên khi nghe tin thành Đạt-Mích thất thủ mất tinh thần phun huyết cả vũng và thọ bệnh luôn. Nhưng vì tinh thần và ý chí đấu tranh nhà vua ra lệnh cho hai mươi vạn quân tinh nhuệ lên đường trực chỉ Đạt-Bích dè một phen trống mái với quân Gia-Tô. (có điều nhà vua vẫn mang theo Lê-Uyên bên mình) Đoàn quân chưa đến Đạt-Bích thì quốc vương En Sa La vì yếu quá nên thăng hà trên kiệu... cũng vì nhà vua quá yếu lại ở tài sức của mình... cũng vừa lúc ấy đoàn Gia-tô qua

được sông Nil và tiến lăn về Phả - rơ - Kua (Farreskour). Đến đâu quân Ai cập tan nát đến đấy... còn nàng Lê-Uyên vì quá đau khổ nên tự ái bên mình quốc vương En-sa-la. (Thế là một kiếp hoa tàn theo chinh chiến) !

Đúng lúc ấy Dá-Bình nhảy ra cầm đầu đoàn quân quyết cảm tử chống bọn Gia Tô nhưng than ơi ! Tài trai có thừa mà cô độc thì có ích gì... Chàng dã ngã gục dưới lưỡi giáo oan nghiệt của bọn Thập Tự quân và khi tắt hơi thở

cuối cùng đã thét lên :

— Lê-Uyên ! Lê-Uyên chờ anh theo với...

Đoàn quân Ai-Cập mắt chủ tướng như rắn không dầu chạy tán loạn...

Trận ấy quân Gia-Tô toàn thắng và kéo luôn về Ða-Mách chiếm quốc gia Ai-Cập, chấm dứt luôn một triều đại En-sa-la từng oanh liệt một thời. Mà cũng chấm dứt luôn một thiên tình éo le của nàng Lê-Uyên.



## \* CHUYỆN CON CHUỘT BÊN MỸ

Theo tin báo Mỹ, hôm tép vừa rồi một con chuột làm náo động cả đường phố Chicago. Nguyên-do vì một con chuột ở trong một căn nhà bò ra, bị một con mèo rượt băng qua đường. Một con chó đuổi theo con mèo. Chuột, Mèo, Chó, chạy loanh-quanh trên đại-lộ, khiến cho xe cộ phải ngưng lại. Thế rồi tung đoàn xe bị kẹt trên quãng đường dài, sự lưu thông bị đình-trệ mất 20 phút sau mới giải toả được. Kết cuộc : con chó bị xe cán chết, con mèo bị thương nát chân, con chuột chạy trốn thoát.

## \* CHỈ CÓ MỘT... THÔI

*Giờ Luân, cô giáo ra đầu dè : «ta con nèo nhà em nuôi».*

*Lúc chấm bài, cô giáo thấy bài của hai chị em trò Thoa giống hệt nhau. Khi trả bài, cô mắng cả hai :*

— Các em có biết chép bài của nhau là xấu lắm không ?

*Hai chị em trả Thoa thản nhiên :*

— Cô mắng oan chúng con quá. Vì ở nhà chúng con chỉ có một con mèo thôi ạ.

T. P.

# Bài Thơ

## « Châu-châu đá voi »

### Của « ÔNG TƯƠNG CHÂU - CHÂU »

\* NGUYỄN-DÌNH-DIỆM

**C**HÂU CHÂU đá voi,  
thoát nghe cùi tướng nó  
là câu vi thông thường nhưng  
mà biết đâu nó lại bao hàm rất  
nhiều ý nghĩa. Thi gia thường  
hay mượn nó đặt làm đề tài,  
viết những vần thơ châm biếm  
chả thế mà cách đây mấy tháng,  
Vũ-hoàng-Chương thi sĩ, trong  
một bữa tiệc nào đó, tức cảnh  
ngâm lại hai câu, rồi bị Nùng-  
Sơn Tiên-Sinh nhận quyền sáng-  
tác, nhưng sau cũng lặng lẽ đến  
đi-hòa.

Cũng trong thời gian ấy,  
Vương-hồng-Sển tiên sinh lại  
nhắc cho độc giả biết: Cụ Tam-  
Nguyễn Yên-Đỗ ngày trước cũng  
có một bài châu châu đá voi, đã  
lừng in trong thi tập.

Chẳng những thế, ngay chính  
tôi đây trước kia cũng đã được  
nghe một bài, bài ấy sáng tác lại

có nguyên-Ủy, nhân tiện cũng  
xin thuật lại như sau:

Nguyên do mười mấy năm  
trước, khi ở Hà-thành lần cui về  
huyện Kim-Động thuộc tỉnh Hưng  
Yên, nhân có một hôm đến thăm  
ông bạn nhà nho, Ông vốn là  
người biết nhiều nhở kỹ, sau  
mấy câu chuyện hàn huyên,  
Ông bèn giới thiệu cho biết:

Vùng đây trước kia là vùng  
bãi sậy, câu chuyện kháng chiến  
của các vị vua thần Ông kể lại  
rất trường tận, lạ nhất là câu  
chuyện của một Ông tướng nhà  
nho mà thời đó ai cũng kêu là  
Ông tướng Châu - Châu ! Châu  
châu đá voi thế mà voi cũng  
nhiều phen thất diên bát đảo !

Nghe thấy cái tên lạ-lạ chúng  
tôi vội hỏi : Ô này Bác, chuyện  
bãi sậy chính tôi đã đọc nhiều  
lần nhưng chưa từng thấy vị

## CHÂU CHẤU ĐÁ VOI

anh hùng nào lại có cái tên như vậy ? Vậy Tướng Châu-chấu là ai ?

Ông đáp : Ông chao ! Trong đám bãi Sây ngày xưa, biết bao anh hùng hảo hán, sở dĩ không ai được biết tên tuổi, chỉ vì sau ngày tan vỡ, các vị đều phải thay họ đổi tên lánh đi nơi khác, rồi sau quân Pháp kéo đến thì ai còn đám nhắc nhở đến tên, Ông tướng châu chấu cũng vậy, lúc ấy ông cũng vượt tuyến sang Tàu, rồi sau tuyệt vô âm tin, nhưng ông là người cùng xã, nhờ có các Cụ ngày xưa thuật lại, nên tôi mới biết đó thôi, vậy tôi cũng xin kè lại đề Bác được rõ.

Nguyên ông tên tự là Châu, thi đỗ Tú Tài, chẳng những văn hay chữ tốt, võ nghệ lại rất cao cường, người bé lách tách thế mà can đảm lạ thường, lúc bãi Sây nồi lên thì Ông ở trong hàng ngũ cầm tử, vẫn thường cầm đầu những toán nho nhỏ để đánh úp các nơi, đương đêm xòng vào trại địch chém giết một hồi sau lại thoát ra như bỡn, làm cho quân Pháp lầm pheu hoảng hồn ! Nhất là bọn lính khổ đỗ khổ xanh, mỗi lần nghe thấy tiếng thét của ông, thì chúng run lên cầm cập ! Vì thế chúng mới tặng ông một cái mỹ danh, gọi là Ông Tướng Châu Chấu !

Thế rồi vào khoảng cuối năm

Binh Tuất hay là Đinh Hợi (1886-87) gì đó, các vị văn thân xa gần, kéo về bãi Sây, dự tiệc tất niên. Trước là cùng nhau chuỗi chén rượu Xuân, sau là kiêm diêm công việc năm qua đề tìm kế hoạch chiến đấu năm tới, lúc gần mãn tiệc, ông được Đốc-Cóp đứng lên tuyên dương công trạng, cử tạ vỗ tay liên tiếp ! Ba tiếng Tướng Châu chấu vang động cả mây gian phòng, ai cũng khen ngợi, chủ soái thấy vậy, gọi ông lại gần ban cho một chén rượu lớn và bảo :

Này ông Tú Châu hay là Ông Tướng Châu chấu, ông hãy nhận lấy phần thưởng, uống cạn chén rượu này đi, chén rượu có đầy hương vị thắng lợi ngày Xuân, rồi ông lấy ngay bốn chữ Châu chấu đá voi làm đầu đề ngâm một bài thơ, để cho các vị cùng tôi thưởng thức.

Ông cúi đầu phung mạng, giơ tay đỡ lấy chén rượu uống cạn một hơi rồi ông cất giọng ngâm luôn một bài bát cú.

Thơ rằng:

Sinh chấu sao giờ lại đẻ voi ?  
Sợ gì chấu chẳng đá voi chơi.  
Đôi chân xá nán khi chà đạp  
Một đòn khôn yên lúc đứng ngồi  
Ta dẫu ngáng xe nhưng mạnh  
cánh  
Người sao thấy kiến lại co vòi ?  
Ai ơi chó vội cướp châu chấu.  
Hãy tạm dừng chân thử ngắm  
coi.

HỒI KÝ

# Một Đời Người

THIẾU-SƠN

PHẦN THỨ HAI

XII

## HỘI PHÁP VIỆT VÀ HỘI NHÂN QUYỀN

(Tiếp theo P. T. số 28)

**D**À N G Xã-Hội có quyền hoạt - động công - khai ở Đông-Dương. Đảng Cộng - Sản Pháp không có quyền đó, chỉ được phép tò-chức thành một nhóm nghiên-cứu chủ - nghĩa Mác-Xít gọi là Groupe culturelle marxiste.

Nhóm này cố - nhiên là có những liên-lạc bí-mật mật-thiết hơn đối với những đồng-chi của họ ở trong khu. Họ không tin nhóm Xã-Hội và nhóm Xã-Hội cũng không tin họ. Nhiều khi cũng có những hành động thống nhứt nhưng hai bên vẫn sanh-hoạt riêng và có những đường lối chủ trương riêng.

Nhóm Mác-Xít ủng hộ kháng-

chiến có đồng-g-chi của họ ngầm - ngầm lãnh-đạo. Nhóm Xã-Hội ủng hộ kháng chiến vì là một cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc, nhưng không muốn cho đảng nào lấn dâng nào và lại càng không muốn đè đảng Cộng Sản nắm quyền lãnh đạo. Tôi có tiếp xúc với mấy anh Canac, Saulnier, Petelot. Các anh cũng tuyên bố đồng quan điểm với chúng tôi nhưng các đồng chí Xã-Hội bảo tôi phải đè-dặt và đè cao cảnh giác, miễn đừng làm súc mẻ đoàn kết khi còn cần phải hợp súc lại đè đương đầu với thực-dân.

Nhóm Văn-Hóa Mác-Xít cũng xin ra được tờ báo chữ Pháp, tờ Lendemains (Những ngày

mai) nhưng tờ này được ít lâu bị đóng cửa.



Cũng vào năm 1946 một kỹ-sư người Pháp tên là Tuillier được Cao- ủy- phủ Ủy- nhiệm thành- lập hội «Thân- Hữu Pháp- Việt Đồng- dương ». Ông Tuillier mời các nhà tri- thức Pháp- Việt tới nhóm họp ở Tòa Đô - Sảnh để thảo- luận điều- lệ và bầu ban chấp- hành. Nhưng số người đến họp phần - đông là những phần - tử dân- chủ. Thế rồi điều- lệ bị sửa đổi bô- bàng, ban chấp - hành được bầu lên bầu- hết không lán thành chánh - sách của Cao- ủy- phủ. Tuillier thất - bại vì thấy mình cô - độc trong ban chấp- hành được bầu lên. Ông thua buồn, chửi thề rồi rút lui có trật- tự.

Ông Courteneuve, một vị kỹ- sư khác được công- cử lên làm Hội - Trưởng. Ban Chấp - Hành mới đổi luôn danh- tánh của Hội mà đặt là Hội Pháp - Việt, một chi- nhánh của Hội France - Việt- nam do ông Justin Godart lãnh đạo đương công- khai hoạt- động ở Pháp.

Chi - nhánh Saigon biên tho- qua Ba Lê xin gia- nhập và được chấp- thuận cấp - kỳ. Thế là Hội Pháp- Việt thành- lập công - kha i và hợp - pháp, cùng với Đảng

Xã- Hội, Hội Nhân - Quyền hoạt- động mạnh- mẽ để phung - sự công- lý chống lại cường - quyền và bạo- lực.



Ông Courteneuve đã lớn tuổi, vẻ mặt khác - khồ mà lòng dạ thẳng ngay, yêu công - lý hơn thân mình, coi nhân - loại hơn nhà mình. Ông đương làm với Hằng Denis Frères thấy sự coi- mặt của mình trong một hằng tư- bản là trái - ngược với lý- tưởng bình- sinh nên ông làm đơn từ- chức để sống trong cảnh túng- thiểu, nghèo- nàn.

Ông là một trong những người đã ký tên dưới bản kiến- nghị đòi độc- lập cho Việt- Nam nói ở chương trên. Ông làm Hội - Trưởng hội Nhân - Quyền nay kiêm luôn hội trưởng Hội Pháp- Việt. Ông đã can - đảm yêu cầu hủy bỏ chế độ «Nam kỵ quốc», hủy bỏ «Hội đồng Nam kỵ», rút Cao - ủy D'Argenlieu; về Pháp và chấm dứt chiến tranh ở Đông- Dương. Ông xin gia nhập đảng Xã- Hội, viết báo Justice với bút hiệu Homo.

Homo tiếng la - tinh nghĩa là người. Ông là một người có đầy đủ đức tính của con người, một người trọng nghĩa, khinh tài, một hoa thơm của vườn hoa nhân loại. Đứng trước một

cuộc chiến tranh nho bần mà ông cho là một cuộc huyền-dệ tương tàn, ông đã hy-sinh tất cả để mong bắc lại cây cầu đương sụp đổ. Nhưng ông đã làm việc nhiều quá, quá với sức chịu đựng của tuổi già. Ông đau rót đau nặng, và nằm nhà thương Đồn-Dất rồi ông chết luôn ở đó.

Ông chết ngày 15 tháng 2 năm 1947. Dám tang ông, người Việt đi đưa đông hơn người Pháp. Tôi đi gần quan tài hỉn thấy mùi thời thùi bay ra càng rõ thêm cảnh nghèo túng của gia đình ông không đủ tiền mua được một chiếc hòm tốt cho kẻ quá cố.

Hiện nay hài cốt ông còn nằm trong nghĩa-địa Đô-Thành, dưới những lớp đất matted của trước Việt - Nam mà ông đã thương yêu và phục - vụ hết mình. Ông Jacques Courteneuve đã sống đời sống cao đẹp của một người. Con người đó tôi nhắc tới ở đây với cả một tấm lòng thương tiếc.



Ông Courteneuve có một người bạn cũng già như ông nhưng mạnh hơn ông, không kín đáo trầm-lặng như ông nhưng cũng cao-thượng và nhiệt-thành như ông.

Sau đó là giáo-sư Prétou đã

từng đào-luyện nhiều lớp thanh viên ở các trường Trung-học miền Nam, vẫn được tiếng là người tốt.

Nhưng con người tốt đó dưới chế-dộ thực-dân chỉ có thể tốt một cách vừa phải thôi. Phải chờ cho đến khi toàn dân Việt Nam đứng dậy đòi độc-lập, ông mới thấy rõ chỗ đứng của ông là không thể về phe thực - dân xâm - lược trái với lòng yêu-chương công-ly và hòa-bình của ông. Ông đã gia-nhập Đảng Xã-Hội từ lâu, có ký tên vào bản kiến - nghị, bị lính Tây chặn đường muối đánh ông nhưng ông đã thuyết-phục được họ và yên-đòn về nhà. Trong mỗi kỳ nhóm họp Đảng Xã-Hội ông là người luôn luôn bình-vịc những ý-kien tiến-bộ nhất. Ông có tài hùng-biện, có tình dẽ-dai, cởi mở, nhiệt - thành và lạc quan. Ông về Pháp nghỉ phép trở qua vào lúc ông Courteneuve tạ thế. Trước ông đã làm hội - trưởng hội Nhân - quyền, nay ông lại được giao lãnh chức - vụ đó. Đồng thời anh em cũng mời ông lãnh luôn chức Hội-trưởng Hội Pháp - Việt thế cho ông Courteneuve.

Ông đã can - thiệp cho nhiều vụ vi - phạm nhân - quyền hoặc thương-tửn đến tình hữu-nghị Pháp-Việt.

Lối đầu năm 1947, hai nhà

## MỘT ĐỜI NGƯỜI

tri-thức kháng-chiến bị quân đội Cao-Đài bắt là anh Hoàng-xuân-Binh, em ruột ông Hoàng-xuân-Hãn và anh kỹ-sư Trương-công-Phùng.

Tôi nghe tin đỗ lật - đặt cho ông hay thì ông liền kêu nài với Cao-Ủy-phủ buộc phải bảo đảm sanh mạng cho hai người tù binh theo cách đổi xử của những nước văn minh nghĩa là không thủ tiêu và cũng không ngược đãi. Cao Ủy phủ phải chấp thuận ý kiến của ông, ra lệnh cho quân đội Pháp phải thả hai anh, đưa về Khám lớn Saigon, cho các anh được hưởng một chế độ đặc biệt trước khi đem các anh ra trước tòa. Ra tòa cũng được xử rất nhẹ, sau khi được trả tự do hai anh có lời cảm ơn ông Prétou thì, ông nói một cách tự-nhiên : « Đó là nhiệm-vụ của tôi. »

Một lần khác ông nghe tin ở Nha-trang quân-đội Pháp yết-thị sẽ đem bốn người tù Việt-Nam ra bắn nếu hai người thân binh bị bắt cóc không được trả về. Ông lập tức can thiệp với những lý lẽ như sau :

« Tôi không tán thành những

sự bắt cóc như thế và đồng ý rằng những thủ phạm sẽ bị truy nã và trừng trị nghiêm nhặt. Nhưng bắt người khác phải chịu tội thay cho họ là một việc làm vô nhân đạo, chỉ có bọn Phá-l-xít Đức mới làm được. Nur-o Pháp vẫn minh không nên bắt chước những lề lối dã man của Phá-l-Xít. »

Thế mà ông đã thành công. Cao-Ủy-phủ buộc lòng phải ra lệnh không cho bắn con tin theo như đã yết-thị.

Đành rằng công việc làm của ông Prélou không nhân đạo hóa được toàn di ện cuộc chiến tranh nhỏ bần ở Việt-Nam, nhưng ông đã làm điều bót được phần nào những căm thù uất-hận do chiến cuộc gây nên. Ông đã cứu vãn được phần nào tình hữu-nghị giữa hai dân tộc.

Vì ông hoạt động hăng quá nên nhà cầm quyền Pháp bắt buộc ông phải về lưu-trú trước thời hạn.

Trước đây ông có viết cho tôi một bức thư trong đó có một đoạn như sau :

« Chúng ta đã cố gắng hợp tác với nhau để gây thắng lợi cho

nhiều lý tưởng công bằng, bác ái, để hàn gắn lại tình huynh đệ giữa hai dân tộc Việt-Pháp... Nhiều nỗ lực đó, chúng ta sẽ ghi vào lịch sử hai nước bằng những hàng chữ đẹp đẽ không dám màu nhưng vẫn biết kính trọng những giòng máu đã chảy ra...

Bàn tay trong sạch của ông Prétou và của những người Pháp như ông tôi đã siết chặt và thấy lòng rung động với những tình cảm mặn nồng, tha thiết chen lén với một niềm tin tưởng về sự tốt đẹp của loài người.

(còn nữa)



## ★ THẬT TUYỆT

Trong một rạp hát (chưa có máy lạnh) & lô hạng nhất có ba nữ khán giả ngồi kế cận một ông khách lạ.

Không chịu được sự nóng bức, cả ba bà đều quạt phanh phách mà vẫn không khỏi mồ hôi toát ra như tắm.

Bà thứ nhất than :

— Tôi mồ hôi dầu khó chịu quá.

Bà thứ hai :

— Tôi thì mồ hôi... dãm.

Bà thứ ba :

— Tôi thì mồ hôi... muỗi.

Ông khách liền vội vàng thêm :

— Ồ thật là đáng tiếc, giá có sẵn mồ rau ở đây thì ba bà làm được một đĩa rau sà lách trộn tuyệt ngon...

## ★ ĐƯỜNG BÁN KÍNH

Giờ hình học, thầy giáo hỏi trò Minh :

— Anh cho biết đường bán kính của hình tròn là gì ?

Trò Minh :

— Đó, đường bán kính là đường... chung quanh chợ Bến Thành à.

Thầy giáo ngắt lời :

— Tôi nhắc lại đường bán kính là đường gì ?

Trò Minh vẫn giũ vững lập trường :

— Đường bán kính là đường chung quanh chợ Bến Thành vì bao con làm nghề bán kính (kiến) vẫn bán ở đây à.



**MỘT VĂN HÀO PHI-CÔNG ĐƯỢC THANH-NIÊN THẾ GIỚI YÊU CHUỘNG NGÀY NAY**

*Saint-  
Exupéry  
(1900 - 1944)*

**T**RƯỜNG-hợp Saint-Exupéry là một trường-hợp hy-hữu trong văn-học Pháp. Lúc sinh-thời, Saint-Exupéry được thiên-hạ gọi là “một tiêu-thuyết gia” thì Saint-Exupéry coi đó là một vinh-hạnh ; ông nghĩ rằng độc-giả vì cảm-tình riêng với ông mà tôn ông lên địa-vị ấy, chứ thật ra ông chưa xứng-dáng, vì ông chỉ mới là một sĩ-quan phi-công.

Ai ngờ bây giờ, 15 năm sau ngày ông mất tích, người ta không những sắp Saint-Exupéry vào hàng những văn-gia tiếng-tăm nhất của nước Pháp, mà người ta còn gọi ông là “một nhà đạo-

đức”. Và do đó, phần lớn tiêu-thuyết của Saint-Exupéry được đem vào loại sách giáo-khoa triết-học (phần Đạo-đức học) trong chương-trình giáo-dục, và cuộc đời của Saint-Exupéry được coi là *cuộc đời mẫu mực* cho thanh-niên. Saint-Exupéry sống được có 44 tuổi. Ông mất tích giữa lúc trận-chiến II đang dang dở ! Giữa lúc thiên-tài của ông bắt đầu chuyền qua địa-hạt khác, mà địa-hạt này lại hứa hẹn một sự-nghiệp rực-rỡ hơn nhiều !



\* NG.-KHẮC-THIỆU

Saint-Exupéry tên thật là Antoine-Marie-Royer de Saint-Exupéry, sinh ở Lyon (Pháp) ngày 29 tháng 6 năm 1900 trong một gia-dình quyền-quý ; con thứ ba trong 5 anh em : hai người chị, một đứa em trai và một đứa em gái. Bố-côi cha lúc 4 tuổi. Từ đó năm chị em dại quây-quần dùm bọc lấy nhau. Saint-Exupéry phải bình vực hai người chị và hai đứa em đè chổng trả với bọn trẻ con hàng xóm hay gây sự. Còn hai người chị thì mềm mỏng, âu yếm săn-sóc em út, hay kè chuyện thẩn-tiên cho em nghe. Nhờ vậy mà Saint-Exupéry sớm có những năng-khiếu đặc-biệt. Hoàn-cảnh cõi cút tạo cho Saint-Exupéry những tính bướng-bỉnh, gan lỳ, ngỗ nghịch. Và thừa hưởng ở hai người chị tính mơ mộng, da cảm, thâm-trầm và tý-mỷ, yêu-mến thú-vật ; cho nên mới 6 tuổi đầu Saint-Exupéry đã biết làm thơ. Thường thường giữa khuya cậu bé Saint-Exupéry đánh thức cả nhà dậy nghe cậu ngâm thơ.

Khi đã lớn, Saint-Exupéry hay phàn nàn : "Tôi sinh ở Lyon chỉ là một sự tình cờ, chứ tôi đâu phải là người Lyon". Câu

nói này tiên-đoán được cả cuộc đời <sup>9</sup> của ông. Giang sơn xứ sở của Saint-Exupéry còn mênh mông bát ngát hơn nhiều...

Khi Saint - Exupéry đi học, không bạn bè nào dám chọc ghẹo ông, dầu ông có cái mũi nhọn "pic-bec". Ai cũng gorm cái tính liều-linh và súrc khoẻ của ông. Một hôm bị thầy giáo phạt oan, bắt ông quỳ gối, hai tay nắm hai quyền tự vị dang thẳng ra. Được một lát không chịu nổi, ông ném mạnh hai quyền sách vào giữa lớp, đứng dậy mạnh dạn bước ra rồi đóng sầm cửa lại.

Học xong ban Tú-tài, ông thi vào trường Hàng-Hải. Nhưng qua được kỳ thi viết, Saint-Exupéry hỏng văn - đáp. Hỗng vì Pháp văn. Còn người về sau đã làm rạng rỡ cho tiếng Pháp mà bài Pháp-văn có 7/20.

Đến khi được gọi đi quân-dịch, ông xung vào ngành huấn-luyện trong một xưởng sửa chữa phi-cơ. Rồi sau ông được chuyển qua ngành Phi công. Thế là người ta đã đặt Saint-Exupéry vào đúng chỗ ngồi của ông. Saint-Exupéry không thè là một anh lính lục-

chiến đèn trườn, đèn lết ngoài trận mạc. Ông phải bay cao. Đời ông là đời cánh chim đại bàng; thế giới của ông là chín tầng mây, là bầu trời thăm thẳm đầy sao kia...

Trong thời gian huấn luyện, tính liều lĩnh, can đảm và thông-minh của ông khiến người ta chú ý đặc biệt đến ông. Nhưng tuy can đảm có thừa mà kinh nghiệm không có mấy nên ông đã bị nạn: ông bị thương nặng. Buộc phải nghỉ ngơi. Năm đó ông mới 25 tuổi. Ông quay qua viết văn. Một tạp chí chịu đăng tác-phẩm đầu tiên của ông : chuyện MANON. Từ đó ai cũng tưởng ông quay hẳn về văn-nghệ. Nhưng năm sau ông làm phi-công trên con đường Toulouse-Dakar. Năm 1927 ông làm Quản đốc cho hãng tàu bay ở Cap-Juby sát biên-giới Maroc thuộc Tây-Ban-Nha.

Rồi ông làm phi-công trên con đường băng qua sa-mạc SAHARA. Ông đã tìm đẽ tài trong các chuyến bay của ông. Hễ có thì giờ là ông vội ghi chép ngay những kỷ-niệm, những cảm-xúc của ông, nhờ đó tư tưởng của ông càng ngày càng phong phú, càng ngày càng mới lạ. Không

bao lâu cuốn COURRIER SUD ra đời (1928) và được dịch ra năm thứ tiếng, được quay thành phim. Về phương-diện nghệ-thuật cuốn này còn nhiều thiếu sót. Dàn chuyện thì lỏng lẻo, xếp đặt rời rạc ; trang thì thật tuyệt mà trang thì tầm thường. Nhưng nói chung thì cuốn này đã ảnh-hưởng sâu-xa đến người đọc, vì sách đã toát ra cho người đọc một sức-sống nội tâm rất dồi-dào : dồn dập những kỷ-niệm cũ, những ý-nghĩ sống trong đời phi-công của ông. Saint-Exupéry còn say sưa trong lối trình bày những thắc-mắc, những suy-nghĩ của một thanh-niên mới bước vào đời, đang tần ngần trước bao nhiêu vấn-dề như ái-tình, tôn giáo, gia-dinh, xã-hội... Trước Saint-Exupéry chưa có một nhà văn nào có một tác phẩm tương-tự, cho nên cuốn *Courrier Sud* mang một sắc thái riêng biệt, mới mẻ, ai đọc cũng say-sưa, bị lôi cuốn trong một sức hấp dẫn kỳ lạ. Tuy thế tác-phẩm này về sau ít ai nhắc đến, vì những tác phẩm sau của Saint-Exupéry đã làm lu mờ nó bằng những ánh sáng chói-chang hơn.

Ít năm sau Saint-Exupéry đã

qua làm việc ở vùng khác. Từ Châu Phi dời qua Châu Mỹ. Ông phụ-trách những chuyến bay đêm. Công việc này rất nhiều nguy-hiểm và có lầm bắt ngờ. Nhưng Saint-Exupéry không lấy đó làm ngại. Mà trái lại, 28 tuổi đầu ai mà chẳng thích những cảm xúc mới lạ, những gấp gáp bắt ngờ !

Nhờ đó, năm 1931, *VOL DE NUIT* ra đời (Văn Hào André Gide đề tựa). Cuốn này chiếm được giải thưởng *FÉMINA* và liền đó được dịch ra 12 thứ tiếng. Người Mỹ quay thành phim và người Ý diễn thành kịch.

Cuốn này ra đời nhằm lúc thế giới đang xao xuyến trong cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Hàng ngàn người bị phá sản và cả Âu châu đang bi quan. Nhưng trong *Vol de Nuit*, Saint-Exupéry đã phơi bày cho người đọc những tư tưởng ham sống mãnh-liệt : thiết tha tin-tưởng nơi nghị lực, nơi giá trị tinh thần của con người. Hai đức tính đó coi như căn bản để nâng đỡ con người và như thời cho con người một luồng sinh khí vô cùng tươi mát. Và do đó Saint-Exupéry được hoan-nghênh nhiệt-

liệt. Từ đó về sau Saint-Exupéry sống nhộn-nhịp. Nhộn-nhịp trong cuộc sống bên ngoài và nhộn-nhịp trong tinh thần. Phụ-nữ lúc bấy giờ coi Saint-Exupéry như nhân-vật điển-hình của người đàn ông lý-tưởng. Nhưng Saint-Exupéry không nghĩ thế. Ông ghét những cái a-dua xu-thời lầm. Bởi vì Saint - Exupéry không những là một nhà văn, một thi-sĩ, mà còn là một triết-nhân, một nhà phát-minh. Cho nên ông coi thường phụ-nữ mà lại thích trầm-ngâm trước cốc café trong một quán vắng, với vài ba người bạn để bàn về triết-lý, về khoa học..,

Saint - Exupéry vẫn không ngừng bay. Những chuyến bay của ông càng ngày càng hiềm-nghèo. Ông đã thành một viên phi-công dò đường (Pilote d'Essai). Khi bay đến Saint Raphael, chiếc phi cơ cõi lỗ của ông đâm đầu xuống biển. Nhờ một phép màu nhiệm nào đó, Saint-Exupéry tuy thoát chết, nhưng không khỏi bị ngạt gần tắt hơi.

Nhưng Saint-Exupéry vẫn bay. Ông nói : "Tuy bay giữa không gian bát ngát bao la như thế, nhưng hình như luôn luôn có

## DANH NHÂN THẾ GIỚI

những cánh tay của tử-thần vươn ra chục năm tôi lại». Những hiềm nghèo mà ông đã trải qua, đối với chúng ta, nếu không có vẻ huyền-hoặc như chuyện thần thoại, thì cũng có vẻ huyễn-hoang như chuyện người đi xa mới về. Nhưng Saint-Exupéry đã trải qua thật. Saint-Exupéry bao giờ cũng thành thật, thành thật với mình, với người.

Saint-Exupéry vốn hoạt-động. Ông cần đến vũ-trụ, cần đến không gian và ông lại bay đè nối liền đường PARIS—SAIGON (1935). Nhưng ông lại bị tai nạn. Saint-Exupéry thoát chết. Hai năm sau ông lại bay đè nối liền đường New-York với Terre-de-feu. Chiếc tàu bay của ông lại bị tan tành ở Guatémala. Một lần nữa ông thoát chết (nhưng bị thương nặng), Tiếng tăm của ông nhở đó lại vang lên hơn bao giờ hết.

Và ông vẫn tiếp tục sáng tác mạnh mẽ hơn. Ông cũng tiếp tục ghi những kỷ-niệm, những suy nghĩ của ông. Đến năm 1936 cuốn sách thứ ba của ông ra đời. Cuốn *Terre des hommes*. Cuốn

này chiếm được giải thưởng tiêu thụyết hay nhất trong năm của Hàn-lâm-viện Pháp, và được dịch ra mười thứ tiếng.

So với hai quyển trước, quyển này vượt xa. Một câu trong sách là một tư-tưởng thâm-trầm, chứa đựng trong lối văn đầy nhạc điệu. Dư luận coi nó là «một tác phẩm cao siêu». Ai đọc cuốn đó cũng cảm tưởng như lạc vào thế giới tư tưởng của người ĐÀN ÔNG, đẹp và mạnh. Đẹp đẽ trong hành động và mạnh mẽ trong tư tưởng. Những kỷ niệm trong sách không màu mè bay bướm như những kỷ niệm son trẻ của mối tình đầu của thuở đôi mươi. Đẹp đẽ ở đây hùng vĩ như vùng thái dương quyền rực rỡ và thu hút như đỉnh núi phủ tuyết... Người đọc đi vào tác phẩm này cảm thấy ngây ngất như được uống một cốc rượu sau khi đứng hàng buổi ở ngoài mưa lạnh. Những hình ảnh trong sách cũng hết sức tế nhị, có vẻ phơi-phới nhẹ nhàng.

Đến khi Saint-Exupéry được bình phục, thì giấc mơ hoạt động của ông cũng được phục hồi theo.

Năm 1936 ông cùng với người bạn tâm huyết, *Henri Guillaumet* qua New-York để thử bay con đường băng qua Bắc-Đại-Tây-Dương. Có kết quả. Rồi Saint-Exupéry trở về Châu Âu: năm này chiến tranh bùng nổ khắp nơi. Nước Pháp khai chiến với Đức. Saint-Exupéry xung vào đội thám thính, Ông lại có dịp làm giàu kiến thức và sống với nguy hiểm. Nhưng đến năm 1940 Pháp đầu hàng Đức. Saint-Exupéry phải giải ngũ. Hết công việc và hết tiền. Saint-Exupéry đâu có chịu ngồi yên được. Ông đi Nuru nước. Đến đây ông cảm thấy lè lói, Người Mỹ bắt đầu coi thường người Pháp (vì người Pháp đã chiến bại) Kiều dân Pháp sống ở đây đã không thấy nhục — nhục vong quốc mà con trở lại công kích, xỉ và 40 triệu dân Pháp đang sống làm than dưới bàn tay Hitler. Saint-Exupéry cho xuất bản cuốn *FLIGHT TO ARRAS* (tức cuốn *PILOTE DE GUERRE*) Trong cuốn này ông ghi lại những kỷ niệm trong thời gian ông chiến đấu chống Đức. Cũng những ý nghĩ mạnh mẽ cao đẹp, những cảm xúc sôi-nỗi, thiết tha của ông cùng với bạn đồng đội. Nhờ có

cuốn này ông đã phuộc hồi được địa vị người Pháp trong lòng người Mỹ. Người Mỹ không còn nghi ngờ sức chiến đấu của người Pháp nữa. Saint-Exupéry vẫn không ngừng tranh đấu bằng ngòi bút ở Mỹ. Ông viết báo, diễn thuyết. Trong tác phẩm *LET-TRE À UN OTAGE* — được coi là một « kiệt-tác văn-nghệ » của ông — ông bày tỏ tâm sự của ông, nỗi lòng căm-phẫn của ông đối với kiều dân Pháp thờ ơ với tinh quark lâm nguy. Ông còn bày tỏ nỗi lòng thiết tha của ông đối với quê hương xứ sở. Ông nhớ đến con ông, nhớ đến những đứa trẻ đau khổ vì chiến tranh, ông mới viết một cuốn truyện thần tiên cho trẻ con.

Đến khi thế trận có chiều thay đổi, ông trở về Pháp, cố vận động để được trở lại làm phi-công. Nhưng chính phủ lấy cớ ông có tuổi và nhiều lần bị thương mà từ chối. Ông càng vận động thêm. Sau Chính phủ phải cho ông vào làm Huấn-luyện viên ngành Không quân. Công việc này không làm ông thỏa mãn. Sau ông phải vận động để vào ngành Phi công chiến đấu. Chính phủ

cho ông và đợt cơ 2/23 (cơ cũ của ông mới được thành lập lại). Ông được giữ trật Thiếu Tá Không Quân. Ông đã bay đi thám thính 17 lần. Ông đã vượt qua tất cả tai nạn, thoát khỏi những trận tấn công và săn đuổi của phi cơ Đức. Bao giờ ông cũng trở về bình yên. Nhưng lần bay thám thính miền đông nam nước Pháp sáng ngày 31 tháng 7 năm 1944 ông không trở về nữa. Không rõ phi cơ ông hư hỏng hay bị quân Đức hạ.

Thiếu-tá phi-công Saint-Exupéry sau đó không bao giờ trở về nữa. Tuy tác phẩm sau cùng của ông, cuốn *LA CITADELLE* còn dang dở dang, nhưng cũng đánh dấu cho sự chuyen hướng tốt-dẹp của ông. Trong tác-phẩm này, tư tưởng của ông bắt đầu thiên về luân-lý, nghiêm về chiều Thượng-Đế, vươn tới Thượng-Đế... thì ông đã về với Thượng-đế rồi.

Đời của Saint-Exupéry đã là một tác-phẩm vỹ-dai rồi. Cuộc sống của ông kiêu hùng, dồi-dào những ý nghĩa cao đẹp. Ông đã biết chịu khó suy nghĩ theo chiều hướng riêng của mình, biết xét đoán và biết tìm một lối sống

thích đáng. Ông biết chọn cái Khò cái Nguy đè sống cho ra, người ĐẢN ÔNG, không thà sống yên lành đè mai một với cỏ cây. Cho nên trong tác-phẩm của Saint-Exupéry, tưởng tượng chiếm một địa vị khiêm nhường, còn bao nhiêu là những kinh nghiệm, những suy tư rút từ trong cuộc sống mãnh liệt của ông. Người đọc sẽ tuyệt vọng, nếu muôn tìm qua tác phầm của Saint-Exupéry những câu chuyện đè tiêu khiển, đè quên lảng đời sống bên ngoài. Bởi vì tác-phẩm của Saint-Exupéry không phải là những tác-phẩm đè giải trí như loại của Alexandre Dumas, hoặc của Peter Cheney.. Đi sâu vào tác-phẩm của Saint-Exupéry người ta tưởng như đi sâu vào bể cả tư-tưởng. Tư-tưởng của ông thâm-trầm, thiết tha và lôi cuốn một cách kỳ diệu. Saint-Exupéry thiết tha với xung-quanh, với đồng loại. Một câu văn của Saint-Exupéry đã là một tư-tưởng cao dẹp, một hình ảnh thi-vị trong sáng. Chỉ những người thích suy nghĩ, thích hoạt động mới ngây ngất mỗi khi đi sâu vào thế-giới tư-tưởng Saint-Exupéry. Càng đọc càng say sưa. Cố nhiên tác-phẩm của Saint-

Exupéry không thích hợp với những người nhẹ dạ, lười suy nghĩ.

Trong tư tưởng, Saint-Exupéry thừa nhận con người có một giá-trị cao quý. Giá-trị này không cẩn cứ vào những ý-tưởng siêu-hình viễn vông mà căn cứ ở nơi đồi sống tinh thần của con người. Cái căn-bản giá-trị đó là TÌNH THƯƠNG. Tình thương đối với xung quanh, với đồng loại. Chính tình thương này mới tạo cho con người đủ sức mạnh. Con người như thế mới có nhân vị. Nhân-vị theo Saint-Exupéry không ràng buộc vào quan niệm linh hồn như chúng ta tưởng, mà ràng buộc vào tình đồng loại, tình Đoàn-Thề, tình Bằng Hữu. Cho nên Nhân-vị có nghĩa khi con người ràng buộc với nhau trong tình thương, trong tình thần trách nhiệm. «Tôi không còn hy-vọng tự mình thoát ra khỏi cô đơn. Một viên đá không hy-vọng gì khác hơn là đá. Nhưng chồng chất lên nhau đá hoá ra một đền

thờ... Bởi thế nên tôi đứng riêng ra ngoài mọi đoàn thể, tôi không có nghĩa gì và không thỏa mãn được tôi...»

Saint-Exupéry sống có 44 tuổi nhưng sự nghiệp của ông đã sống muôn đời. Địa-vị của ông trong quân-đội mới là một viên Thiếu-tá Không-quân, nhưng địa-vị của ông trong văn-dàn ngang hàng với những người anh cả của học-giới như André Gide, André Malraux, Jean Paul Sartre...đời sống và văn-nghiệp của Saint-Exupéry 10 năm về trước không những là tấm gương sáng cho thanh niên Pháp, mà là bài học chung cho người. Con người ĐÀN ÔNG trong muôn thuở. Cho nên người Pháp gọi Saint-Exupéry là một CON NGƯỜI VĨ-ĐẠI. Tóm tắt sự-nghiệp của Saint-Exupéry, J. ROY đã nói : «SAINT-EXUPÉRY ĐÃ MỞ RỘNG CỦA TRỜI CHO TA...»

# PHO TƯỢNG

của

# Bà Chúa

(Viết theo lời ông Pang trên chuyến về Bình-Dịnh)

Trên sườn núi cheo leo  
bên kia dãy Trường-Sơn,  
có một làng nhỏ của  
đồng bào thiểu số.

Tự sáu đời, làng Thái vẫn sống  
trong cảnh thanh bình.

Và ở làng « Mỹ Nữ » này, từ  
bao lâu rồi người ta chẳng biết  
đến hay nghĩ đến chiến tranh,  
máu đổ, tang khóc... Hoạ hoán  
thỉnh thoảng chỉ có đám xác,  
nhà theo tục lệ nghĩa đồi thi  
chết tức là về ; chẳng có gì phải  
khóc than, cứ vật trâu bò ra rời  
tha hồ mà đánh chén.

Trong làng « Mỹ Nữ » (vì thiếu  
nữ ở đây đẹp xinh tuyệt trần  
nổi tiếng khắp vùng) có một gã  
sống với nghề nắn chén bát. Gã  
tên là Tzinh, thời cứ gọi gã là  
Vinh cho tiện. Vinh rất khéo  
tay, chén bát do anh nắn rất đẹp

\* NGUYỄN-ANG-CA

chẳng kém người miền xuôi  
văn minh làm bằng máy móc  
chút nào. Chiều ấy, tiếng cồng  
đã ngân lên báo hiệu chiều tà..

Cảnh chièo tà tại làng « Mỹ-  
Nữ » rất vui. Kia, mấy cô thiếu  
nữ đi lấy nước suối trong vịnh  
về. Có cô đội nước trên đầu,  
cô cô văn minh hơn bắt chước  
Nàng Khơ, gánh nước trên vai.  
Gánh nước nhanh và tiện hơn  
vì đội chỉ có được một tinh,  
trái lại gánh sẽ được hai. Khơ  
đẹp lắm. Có lần về chợ, Nàng  
Khơ đã khiến cho mấy chàng  
trai miền xuôi phải... đau ma !

Hễ nghe tiếng cồng, lần nào  
cũng như lần nào, Vinh ra đứng  
trước cửa đón Khơ. Dàn trê-  
chạy đuổi lợn, bò về chuồng và

## PHO TƯỢNG CỦA BÀ CHÚA

mấy anh làm rẫy cũng đã quay  
đòi nghèo về nhà.

Khạ bao giờ cũng chậm bước  
về sau.

Nếu khi đi ngang qua nhà Vinh  
Khạ ngồi mặt Vinh đó là  
âm hiểu : « Chiều nay dời ta sẽ  
gặp nhau ở cuối vườn ». Bằng  
nếu Khạ ngồi sang lưỡng dời nhìn  
thác lũ, là ngữ ý « Dừng đợi em,  
không rảnh ».

Dôi bàn Vinh Khạ, yêu nhau  
từ lâu. Mỗi tình của dôi lứa,  
ông bà Khinh, cha mẹ của nàng  
Kha hay rõ nhưng vì Vinh quá  
người chưa đủ tiền mua lợn, nếp,  
rượu để rước Khạ về đó thôi.

Đêm tối hiện về, Vinh Khạ  
say sưa nắm tay nhau ngồi trên  
phiến đá cuối vườn để mặc cho  
đôi tim rung động.

Thì cũng những câu nói  
ngày ngò :

- Vinh yêu Khạ không ?
- Yêu tê người chờ lại.
- Vinh có tiền đủ chưa ?
- Sấp ủ.
- Khạ yêu Vinh nhiều quá.
- Nhiều đâu lên không ?
- Nhiều lắm lắm.
- Vinh !
- Khạ !

Với họ, những lời mộc mạc  
ấy là những vần thơ bất hủ mà  
mỗi lần ngâm lên là hai cõi  
lòng Khạ Vinh đều ngây ngất,  
say sưa.

Vinh đã bán hết chén bát của

chàng. Được lời nhiều nhờ  
phiên chợ này đông, Vinh chưa  
vội về toan đến hàng người Huê  
Kiều mua tặng Khạ một chiếc  
lược, thì có tiếng gọi :

— Ngày bắc thợ.

Vinh quay lại. Một ông lão  
quê vùng Bắc Việt tuổi ngọt từ  
tuan vui vẻ mời Vinh vào nhà.  
Nhà Ông ta ở cạnh chợ, ông  
chỉ ở một mình với tên tiều bộc.

— Bắc nhún xem, Vinh ngạc  
nhhiên quá khi thấy chén bát  
của mình hầu hết đều ở đây.  
Nghĩa là ông lão Bắc Việt này  
đã mua chén bát của Vinh  
nhiều nhất.

Ông lão mời Vinh ngồi và mời  
Vinh hút thuốc lào.

— Ngày Bắc Thợ — ông lão nói  
— tôi rất mộ tài bắc nên tôi  
muốn cậy bắc một chuyện.

— Vâng, cứ cứ nói. Vinh đáp.

— Không dấu gì bắc tôi ra  
mua đồ cỗ lắm nên tôi mới lặn  
lội đi tìm kiếm đồ cỗ tích. Cách  
đây một trảng, nhân đào đất  
đè trồng kiền tôi có tìm được  
một pho tượng.

Ông lão vô buồng khệ nệ bưng  
ra một pho tượng bằng đất sét  
trắng. Pho tượng tạc hình một  
thiếu nữ thât đẹp, cao lối 7 tấc.  
Ông lão chỉ cho Vinh xem rồi  
nói tiếp :

— Rủi thay lưỡi cuốc của tôi  
chạm bè hết nửa lưng của pho  
tượng. Tôi tiếc quá, muôn nhớ

## PHO TƯỢNG CỦA BÀ CHÚA

bác kiếm màu đất thứ này sửa pho tượng lại cho tôi được lành lặn. Bác có thể làm được không ? Tôi sẽ đèn đáp xứng đáng.

Vinh mừng rõ hết sức. Dịp đâu may mắn, chàng sẽ có tiền đủ mua đồ sinh lễ đền cưới Khê. Lẽ tự nhiên, Vinh nhận lời và bí hùng ôm pho tượng về.

Đến nhà, trời đã tối. Vinh ăn qua loa cho no bụng rồi dờ tò giấy bọc ngoài. xem lại pho tượng. Dưới ánh đèn mờ mờ, Vinh sững sờ ngắm pho tượng. Hình một thiếu nữ đương xuân chỉ khoác trên thân ngà một miếng xiêm y mỏng, nàng có một thân thể đều đặn, hai đùi dài, nhũ bộ nõi, ngón tay nhỏ, mũi cao, miệng tươi...

— Ô, nàng đẹp quá. Vinh thấy lòng mình rạo rực. Chàng đưa tay vuốt nhẹ tấm thân người thiếu nữ, mắt mơ màng. Chàng tự hỏi : « Pho tượng này của ai ? Nàng là ai mà đẹp quá, và đẹp quyến rũ ? »

Thế rồi Vinh lấy đất nhồi, nắn, chàng đẽ tâm cố sửa lại tấm lưng ong của pho tượng mà vì vô tình lưỡi cuốc của ông lão miền xuôi đã làm nát hết nữa bên.

Công việc sửa chữa chửa xong thì đã hết nửa đêm. Một mồi quá, Vinh gục dưới chân pho tượng ngủ.

Bỗng đâu có tiếng ai gọi :

— Chàng Vinh ! Chàng Vinh.

Giụt mình tỉnh giấc, Vinh bàng hoàng. Chàng quá sợ hãi đánh bò cạp.

— Chàng Vinh ! Chàng Vinh, Vinh toan ia lên. Hải hùng chửa, pho tượng ấy hứa ra một thiếu nữ bằng xương bằng thịt, đẹp tuyệt trần, đẹp như tiên nữ. Nàng dơ tay nắm lấy tay Vinh. Vinh ngoan ngoãn theo nàng bước ra ngoài. Con trăng tan treo lơ lửng trên trời thanh. Gió hiu hiu thổi, sương rơi lạnh lẽo mà thiếu nữ thi chỉ có một mảnh vải che thân mỏng manh. Đất Vinh ra bên con sông, cạnh ngôi đền cổ, thiếu nữ bảo Vinh ngồi xuống. Nàng nhìn Vinh, dịu dàng bảo:

— Chàng Vinh có biết ta là ai chàng ? Ta là My È, hoàng hậu xứ Chiêm-Thành, ta chết gần 700 năm rồi. Nơi sông này, trên ngọn đồi kia trước là giang san Chiêm Thành đây. Vì muốn giữ tròn trinh tiết ta tự vẫn ở con sông này trong lúc vạn quân xâm lược đang dày xéo lên giang san của đồng bào ta.

Thiếu nữ kê đến dày nức nở khóc :

— Chàng Vinh ơi, ta chết với mối cảm hồn vong gia thất thô thi làm sao ta quên được mối hận thiên thu ấy. Gia đình ta tan nát, Đất nước ta tan nát và hiện giờ đây dân tộc Chiêm Thành gần hoàn toàn tiêu diệt !

## PHO TƯỢNG CỦA BÀ CHÚA

Trời ơi đau đớn cho ta chưa !  
Vinh ơi, khi ta chết có một  
thanh niên Chiêm Quốc tặc  
tượng ta để thờ, nào ngờ đâu  
phong ba lận đận, ta lại lọt về  
tay người Việt-Nam, một dân  
tộc đã dày xéo Đất Nước ta, đã  
tiêu diệt giống nòi ta. Lẽ nào ta  
lại để thần ta lọt vào tay kẻ thù.  
Vậy ta nhờ chàng khi hoàn thành  
việc sửa chữa nhỏ đem ta đến  
đây mà thả ta trôi theo giòng  
nước... Ta chẳng muốn lọt vào  
tay kẻ thù chàng biết chưa ?  
Nhớ nhé, ơn chàng ta sẽ chẳng  
bao giờ quên.

Giọng Mỹ È đều đều, buồn rầu  
rượi như một bản dân thất quốc,  
ai oán não nùng mà từ xưa đến  
nay Vinh chưa hề được nghe.

Khi Mỹ È cùng Vinh về đến  
nhà thì trời đã sáng.

Nàng nhìn Vinh cười rồi biến  
mất, Vinh bàng hoàng tỉnh lại  
nhưng mùi hương mỹ nhân còn  
tỏa ngát trong phòng, trở lại  
chỉ còn có pho tượng.

Trọn ngày đó, Vinh cố tâm  
sửa chữa pho tượng. Bàn tay  
chàng làm việc không ngưng.  
Tượng thiếu nữ như mỉm cười  
nhìn chàng khuyễn khích. Bỗng  
có tiếng két cửa. Khạ bước vào

nàng nói trong nước mắt :

— Tại sao đêm rồi tôi đợi anh  
mà anh không đến ?

Khạ bỗng nhìn thấy pho tượng.  
Khạ nhiều mày căm tức. Vinh  
toan giải nghĩa cho Khạ nghe,  
nhưng Khạ đã vừa chạy ra vừa  
khóc.

Đến nữa đêm hôm đó. Công  
việc đã hoàn thành, Vinh sung  
sướng quá, đứng nhìn pho  
tượng với bao vẻ say sưa. Chàng  
ra sau mức nước rửa hai tay  
dính đầy đất của mình.

Bỗng nghe tiếng đập phà trên  
nhà. Vinh hốt hoảng chạy lên.  
Trời ! Khạ tay cầm búa đập nát  
cả pho tượng rồi !

Vinh thấy mình có thể chết  
ngất đi được. Chàng nghẹn  
ngào... ra nước mắt. Khạ đến  
trước mặt chàng, quì gối xuống,  
mặt tái xanh :

— Vinh, sao vậy ? Em yêu anh  
quá, em không muốn anh yêu  
ai hơn em hết mà.

Vinh gỡ tay Khạ ra, rồi chạy  
biến mất vào màn đêm chẳng  
nói một lời.

Sáng hôm sau dân làng Mỹ  
Nữ tìm thấy xác Vinh bên con  
sông, cạnh ngôi đèn cờ. Vinh  
chết, miệng ứ đọng máu tươi,  
như uất ức ngậm hờn...

*Chuyện cũ người xưa*



# Không Minh

\* NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo P. T. số 27)

## LỖ - LÚC VỚI TÔN QUYỀN



**V**ề việc lập kế cự Tào Công, bắt đầu do Lỗ Túc xướng lên. Thời bấy giờ, Chu Du đi sứ Phiên Dương, Túc khuyên Tôn Quyền gọi Du về.

Khi Chu Du đi sứ Phiên Dương về đã thăm đồng tâm với Lỗ Túc. Vì vậy hai người gộp sức mới nên công lớn.

Chính Tôn-Quyền hời quắn thắn hỏi kế, chỉ có Chu Du bồ cả ý kiến cầu hòa của hội nghị, một mình hiến kế kháng cự.

Đó là lời quá khen Chu Du. Thực ra Lỗ Túc đã có mưu từ trước.

Ta phải đặt Lỗ Túc là người có công đầu.  
(Lời luận này của Bùi Trung.)

Chứ không phải hoàn toàn đúng cả. Lỗ Túc sở dĩ bấy giờ được đứng vào bậc thứ nhứt, có công chủ trương cự Tào Tháo là vì Chu Du phải đi sứ Phiên-Dương còn vắng mặt. Thực ra, Du đã có ý kháng cự Tào Tháo từ vụ Tào Tháo bắt giữ con tin.

Chắc rằng Lỗ Túc đã thông cảm với Chu Du từ lâu nên gặp vào đại sự, Túc thấy mình quá ư kẽ loí trong chủ trương cự chiến, phải nói với Tôn Quyền gọi Du về để bảo vệ vững vàng lập thuyết của mình.

Nói tóm lại, trong việc đại thắng Tào Tháo, Lỗ Túc, và Chu Du đều có công lớn cả.

Muốn biết rõ hơn, ta hãy xem cái tâm sự của Lỗ Túc trong cảnh.

### ĐỘC-HỒ QUẦN-HỒ

Đây nhắc lại, bấy giờ Quyền gặp vào hồi Tào Công muốn hỏi đến Giang Đông.

Tôn Quyền liền họp hội nghị các tướng. Người nào cũng khuyên nên nghênh tiếp Tào Tháo. Riêng Lỗ Túc ngồi lặng không nói câu nào. Khi Quyền đứng lên dứt áo ra về, Lỗ Túc theo tối nhà. Tôn Quyền biết ý căm tay Lỗ Túc nói :

— Khanh muốn gì?

Túc đáp :

— Xét những người bàn nghị, người nào cũng làm lẩn túng quân. Không thể mưu đỗ việc lớn. Nay như Túc tôi có thể đón Tào. Còn tướng quân thì không sao đỗ.

— Lời Khanh nói thế là sao?

— Nay Túc tôi đón Tháo, Tháo vẫn cho Túc tôi ngồi lưỡng-đáng như xưa. Thăng phảm trật ngồi thư, không đến nỗi mất địa vị, cũng có độc-xa để cưỡi, cũng có lại-tốt theo hầu, cũng được giao-du chốn sầm-lâm, đời đời làm quan mà không đến nỗi mất chân quận. Còn như tướng quân đón Tào Tháo, thì tướng quân định muốn về đâu để tìm kẽ an-toàn? Xin tướng quân định lại kẽ lớn đừng nghe lời nghị-luận của chúng nhân.

Nghe lời Lỗ Túc, Quyền cảm-kích nói :

— Mọi người trì-nghị làm tiêu tán cả nguyện vọng của ta. Nay khanh khoáng-trương kẽ lớn, thật hợp ý ta, quả trời đã đem khanh tới cho ta.

(Về đoạn này, sách Ngụy-Thư và Cửu Châu Xuân Thu đều

chép : Tào Công đánh Kinh Châu, Tôn Quyền cả sợ. Bản tâm Lỗ-Túc muốn khuyên Quyền kháng cự Tào, bèn dùng lời nói khích, bảo Quyền :

— Tào Công thật là một địch thủ ghê-gớm. Vừa thôn tính Viên-Thiệu binh mã rất là sắc bén, nhân thura cái uy chiến thắng, mà đánh một nước tang loạn bối rối, tất thế nào cũng được. Chỉ bằng ta quay binh lại giúp Tháo, rồi đem gia đình tướng quân về Nghiệp-Quận. Trái lại, ta sẽ bị nguy.

Tôn Quyền nghe nói cả giận, muốn chém Túc. Túc lại nói :

— Nay việc đã gấp. Nếu tướng quân không bằng lòng thì tôi mưu đồ kẻ khác. Như vậy sao tướng quân không đem quân giúp Lưu Bị. Đã tắt tướng quân muốn chém tôi ?

Quyền lấy làm phải liền cho Chu Du giúp Lưu Bị.

Ngô - Thư và Giang - Biểu truyện đều chép : Lỗ Túc một khi yết kiến Quyền, nói ngay đến việc cự địch Tào Tháo và luận bàn kế lược để vương. Khi Lưu-

Biểu chết lại xin đi sứ xem xét tình hình, không duyên có gì lại lấy lời du-thuyết khích Quyền. Vả lại vào thời ấy, rất nhiều người khuyên Quyền hàng Tào. Vậy mà Quyền chỉ muốn chém Lỗ Túc thôi ư ?

Lời nói trên về Lỗ Túc khích Quyền thật là vô lý).

**Không-Minh với Tôn-Quyền.**

Bấy giờ Chu Cát Lượng đến Đông Ngô vào yết kiến Tôn Quyền.

Lượng bảo Quyền rằng :

— Nay khắp nơi đại loạn. Tướng quân khởi binh đã chiếm được Giang Đông. Lưu - Dụ - Châu cũng thu quân & HÀN NAM cùng Tào Tháo tranh thiêng hạ. Nay Tháo đã bình định được nhiều bọn đối cự, vừa rồi lại phá Kinh Châu, uy danh chấn động bốn bề. Người anh hùng không còn nơi dụng võ. Vì vậy Lưu-Dụ-Châu phải chạy.

(còn nữa)

# DƯỚI CHÂN THƯỢNG ĐẾ

Hồn vọng tưởng từng đêm về Thượng-Đế  
Dưới chân ngài, con trả áo thư sinh  
Tuổi đôi mươi trong ý nguyện trưởng thành  
Nét ngà ngọc còn phong tr-shirt mới.

Dưới Thượng-Đế con cúi đầu khấn vái  
Cho hoa đài nở trọn giữa bàn tay.  
Bước đầu tiên còn vụng dại, thơ ngây  
Mắt xanh biếc trong niềm vui tin tưởng.

Quá non dại nên phải nhiều lo lắng  
Lòng thiết tha về Thượng-Đế vô biên.  
Xin được vui trong khung cảnh im lìm  
Với đám trẻ tóc thơm mùi khết nắng  
  
Rời thời giàn, vẫn cuộc đời phảng lặng  
Vẫn tâm tình đơn giản đến vô tư.  
Tiếng ê-a lời trẻ vọng mờ hờ:  
Nguồn an ủi thực vô vàn cao quý.

Dưới chân ngài, con cúi đầu, Thượng-Đế  
Buổi vào đời, con đang tuổi hai mươi  
Tình cho đt, sẽ không đám hỏi đồi.

NHỮ-LAN

(Gia-dịnh)

# những áng thơ hay

## \* THẨM-THỆ-HÀ \*

Nơi mục này, mỗi kỳ, thi-si  
THẨM-THỆ-HÀ sẽ giới thiệu  
một bài thơ đặc-sắc của một  
thi-nhân đã nổi tiếng hoặc một bài  
thơ đầy màu sắc và truyền cảm  
của một tài-thơ vừa chớm nở  
nhưng đã biểu lộ ít nhiều hứa hẹn  
ở tương-lai.

Bạn THẨM-THỆ-HÀ sẽ  
phân tách nghệ-thuật bài thơ —  
về hình-thức lẫn nội-dung — để  
các bạn yêu thơ cùng thưởng thức  
nguồn cảm-hứng tinh-nhị và phong-  
phú của thi-nhân, đồng thời giúp  
cho các bạn trẻ mài tập làm thơ  
tinh-tưởng thêm tinh-hoa thi-  
nghệ.

P. T.

— Em ơi ! nhẹ cuốn bức rèm  
tơ,  
Tìm thư chân mây khói tỏa  
mờ,  
Có bóng tình quân muôn dặm  
ruồi,  
Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa  
mơ ?

\*

Xa nhìn bên cõi trời mây,  
Chỉ ơi em thấy một cây liễu  
buồn.

— Bên rừng em hãy lặng nhìn  
theo  
Có phải chàng em ngựa xuôi  
đèo ?  
Chỉ ngồi như chàng lên tiếng  
gọi  
Trên mình ngựa hí, lạc vang  
reo.

— Tên chí ai gieo giữa gió  
chiều,  
Phải chàng em hối tiếng chàng  
kêu ?  
Trên dòng sông lặng em nhìn  
thử  
Có phải chàng người của chí  
yêu ?

— Sóng chiều đưa chiếc thuyền  
lan,  
Chỉ ơi con sáo gọi ngàn bến  
sông.  
Ô kia bèn cõi trời dòng

Ngựa ai còn ruồi dặm hồng xa  
xa.



— Ngày lặng em ơi lặng-lặng  
nhìn  
Phải chẳng mình ngựa sắc  
hồng in ?  
Nhẹ-nhang em sẽ buông rèm  
xuống,  
Chị sợ trong sương bóng  
ngựa chìm.



— Ngựa hồng đã đến bên  
hiên :  
Chị ơi ! trên ngựa chiếc yên...  
vắng người.

#### THANH-TỊNH

Đây là bài thơ miêu-tả tâm-trạng nhân-vật mà tác-giả đã đặc-biệt phô-diển dưới hình-thức văn đối-thoại. Tâm-lý nhân-vật không hiển-hiện ra trong những dòng suy-tư giả-tạo hay những tràng cảm, nghĩ triền-miên. Ở đây, dưới ngòi bút vỗ cùng linh-déng của Thanh-Tịnh, tâm-lý nhân-vật biểu-hiện ra trong cử chỉ, ngôn-ngữ, và ngoại-cảnh luôn luôn chi-phối tâm-hồn để tạo ra những chuyen-bien tâm-lý mong-manh hoặc đột-biển.

Nhân-vật trong bài là hai chị em chinh-phụ, mỗi người mang

một tâm-trạng khác nhau. Chính-phụ vốn là con nhà trâm anh dài các, tâm-hồn giàu cảm-xúc và mơ-mộng. Sự mơ-mộng đã tạo cho nàng một sức tưởng-tượng dồi-dào. Lần thứ nhất, trông thấy đám bụi tung bay xa xa, nàng đã ngỡ trong đám bụi có bóng ngựa hồng của chồng nàng, bóng ngựa hồng mà chàng đã cõi lên đường ra chiến-trận. Lần thứ nhì, nghe tiếng gió xao-đèng ngàn cây và tiếng con nhạn lạc, bầy kêu sương, nàng ngỡ có tiếng ngựa xuồng đèo và tiếng của chàng kêu. Lần thứ ba, nghe tiếng con sáo gọi ngàn bên sông, nàng lại tưởng tiếng chàng gọi chính tên nàng giữa gió chiều, trên dòng sông lặng.

Mới đọc qua mấy đoạn thơ trên, ta tưởng như Thanh-Tịnh đã diễn tả tâm lý chinh-phụ một cách quá giả tạo. Nhưng xét kỹ, ta thấy sự tưởng tượng của nàng rất hợp lý. Với một tâm hồn giàu tình cảm, giàu mơ mộng, nàng đã sống trong cảnh chờ đợi đã đến giai đoạn mỏi mòn. Những biến chuyen của ngoại vật — dù nhỏ nhặt đến đâu — cũng chi phối được tâm

hồn nàng, khiến cho nàng tạo ra những niềm hy-vọng, rồi từ hy-vọng đến tưởng tượng, nàng hướng tất cả mong hồn về người nàng mong đợi, nhớ nhung.

Đối với những chuyển biến tâm lý của chính-phụ, ta thấy ngoại cảnh đã đóng một vai trò quan trọng. Có thấy con đường trước mặt chạy thẳng đến chân mây, nàng mới đặt hy-vọng thứ nhất vào con đường ấy, rồi nàng tưởng tượng... Có thấy cảnh rùng bên kia đường, nàng mới đặt hy vọng thứ nhì vào nơi ấy, rồi nàng tưởng tượng... Có thấy dòng sông lặng lẽ bên này đường, nàng mới đặt hy vọng thứ ba vào chốn này, rồi nàng tưởng tượng... Những ngoại cảnh ấy hiện ra trước mắt ta lần lượt qua từng nét vẽ phác họa của một họa sĩ tài hoa, để cuối cùng tạo thành một bức tranh vô cùng đẹp đẽ và nên thơ.

Thế là ba lần hy-vọng, ba lần nàng thất vọng liên tiếp. Trong khi không còn ngoại cảnh nào để cho nàng đặt hy vọng nữa, bỗng người em thốt lên:

*Ô kìa ! bên cõi trời đông,*

*Ngựa ai còn ruồi dậm hòng xa xa...*

Trái với chị giàu mơ mộng, người em luôn luôn ngoan ngoãn và lúc nào cũng thật tế. Lần thứ nhất, nghe chị bảo nhìn ra cõi trời mây, để tìm bóng ngựa hồng, người em đã ngoan ngoãn vâng lời, và với tâm hồn bình tĩnh và thực tế, nàng không thấy bóng ngựa hồng đâu cả. Nhưng để an ủi chị, để tỏ rằng mình thông cảm với nỗi đau buồn và cô đơn của chị, nàng đã湿润 « cây liêu buồn » để tượng trưng cho kẻ vong phu. Lần thứ nhì, nàng ngoan ngoãn vâng lời chị, nhìn qua bên rùng và nàng đã nhận ra được thật tế : không có tiếng chàng gọi, không có tiếng ngựa hí, lạc reo đâu cả, mà chỉ có tiếng gió rung cây, và tiếng con nhạn lạc bầy kèu thương thảm-thiết. Lần thứ ba, nàng lại ngoan ngoãn vâng lời chị nhìn ra dòng sông, và nhận thấy không có tiếng ai gọi cả, mà chỉ có tiếng con sáo gọi ngàn.

Thanh-Tịnh tả hai tâm trạng tương phản nhau và phân tách rất đúng, tâm lý của chị cũng như của em. Người em ngoan ngoãn và thật tế như vậy, nên

lần này tia hy vọng mà nàng gieo vào lòng chị không phải là do sự tưởng tượng mơ hồ. Em ngạc nhiên mà chị lại càng ngạc nhiên hơn. Một sự mâu thuẫn dột ngột diễn ra trong tâm lý của chính phụ và nàng hồi hộp bảo em :

*Này lặng emơi, lặng-lặng nhìn  
Phải chàng mình ngựa sắc hồng in?  
Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuồng,  
Chi sơ trong sương bóng ngựa chìm.*

Qua phút ngạc-nhiên, chính-phụ lại hy-vọng nhưng lần này thì nàng dè-dặt hơn, sợ hy-vọng lại tan biến đi như bao lần trước. Giờ phút mới trang-nghiêm làm sao! Hình ảnh bóng ngựa hồng lại hiện ra trong tâm não, nàng bảo em hãy « **lặng-lặng nhìn** », sợ rằng một tiếng động nhẹ cũng có thể làm cho hy-vọng tiêu-tan chẳng? Dè-dặt hơn nữa, nàng bảo em hãy « **nhé - nhàng buông rèm xuồng** ». Nàng đã thất-vọng quá nhiều nên lần này nàng không dám đặt cả hy-vọng vào bóng ngựa đàng xa. Nàng sợ rằng bóng ngựa ấy biết đâu chẳng là bóng ngựa của chàng kỵ-mã nào đó lướt qua rồi chìm mất trong sương chiều...

Nhưng người em ngoan-ngoãn ấy lần này không vâng lời chị. Nàng không buông rèm xuồng, vì nàng cảm-thông với tâm-trạng mâu-thuẫn của chị. Nàng vẫn lặng-lặng nhìn ra cửa, nàng ughen-ngào thốt ra một sự thật đau lòng :

*Ngựa hồng đã đến bên hiên,  
Chịơi! trên ngựa chiếc yên vắng  
người.*

Tác giả không nói đến chính-phụ nhưng ta có thể hiểu rằng chàng đã tang thân ngoài chiến-địa.



Qua những điều nhận-xét trên, ta nhận thấy Thanh-Tịnh có ngòi bút tả cảnh và tả tình rất thần-diệu. Khi tả tình thì hiện ra cảnh; khi tả cảnh thì hàm-súc được tình. Cảnh và tình ở đây hòa-hợp tương-xứng với nhau.

Một đặc-diểm khác là tác-giả biết phối-hợp nhạc-diệu của thơ Tàu và thơ Ta để diễn-đạt sự chuyên-diệu trong ngôn-ngữ nhân-vật, vừa tạo cho bài thơ một âm hưởng nhịp-nhàng.

Có thể nói bài « **Mòn mõi** » hoàn-toàn về cả ba phương diện : Từ, Điệu, Pháp.

Một tài-liệu mới là

chưa hề được khám-phá

trong Văn-Học-Sứ Việt-Nam

«Truyện THÚY-KIỀU»  
của NGUYỄN-DU

Khác hẳn

«Vương THÚY-KIỀU Truyện»  
của TÀU như thế nào ?

**VƯƠNG THÚY-KIỀU** là một nhân vật lịch-sử trong thời Minh Triều Kháng Nhựt chiến-tranh (Đời Vua Gia-Tịnh, 1522-1566), chứ không phải một nhân vật tiểu-thuyết.

(Tài liệu trong quyển «LỊCH ĐẠI-DANH NHƠN DẤT SỰ» của NAM-CUNG-BÁC xuất-bản ở Hương-Cảng, 1955)

Nhưn xem quyển sách « LỊCH-ĐẠI-DANH-NHÂN-DẤT-SỬ » của ông NAM-CUNG-BÁC xuất bản năm 1955 ở H:orong-Cảng, thấy có một bài nói về Vượng-Thúy-Kiến và Minh triều kháng Nhật chiến tranh, tài liệu siêu tầm để viết bài ấy — theo Ông Nam-Cung-Bác — một phần do sử-liệu, một phần do quyển « VƯƠNG - THÚY - KIỀU TRUYỆN » mà Ông Nam-Cung-Bác cb, thấy cốt truyện cb liên-quan đến Truyện Kim-Vân-Kiều mà cụ Nguyễn-Du đã viết thành một kiệt-tác bất hủ, xin dịch để công hiến bạn đọc.

## \* BẠCH-THỦY

**D**Ở I GIA-TỊNH triều Minh (1522 — 1566), người Nhật - Bồn thường đến cướp bóc ba tỉnh duyên-hải Trung Hoa : Giang-Tđ, Chiết-Giang và Phúc- Kiến. Danh tướng trong lịch-sử kháng Nhựt của Trung-Quốc là THÍCH - KẾ - QUANG đã lập được công to trong lúc bấy giờ. Căn cứ theo sử nhà Minh : Đại-qui-mô xâm-lược của người Nhựt-Bồn, khởi thi năm Nhâm - Dần, niên hiệu GIA-TỊNH thứ 31, đến năm Nhâm-Tý, niên hiệu Gia-Tịnh

thứ 41 mới bình loạn (theo bảng niên-giám trong Tù-Nguyên, thì năm Gia-Tịnh thứ 31 là năm Nhâm-Tý (1552) và năm Gia-Tịnh thứ 41 là năm Nhâm-Tuất (1562), đồng thời xin chú-thích), trước sau cộng 10 năm. Thích-Kế-Quang là danh tướng bình Nhựt thời hậu ; chí ư vào trước sau năm Gia-Tịnh thứ 35 (Bính Thìn — 1556) là thời kỳ giặc toàn thịnh, bộ hạ của NGHIÊM-SUNG, tề tướng thời bấy giờ, là Triệu-Văn-Hoa và HỒ-TÔN-HIẾN, dốc binh chính chiến, mấy phen thất bại, sau nhờ một phụ-nữ bình nạn giặc lùn, định an vùng Giang-Chiếc.

Người phụ-nữ giúp Triệu-Văn-Hoa và Hồ-Tôn-Hiến lập công, xuất thân là một kỹ-nữ ở Kim-Lăng (Nam-Kinh), tên VƯƠNG THÚY - KIỀU, định kế bình loạn, nhưng chính nàng lại tao ngộ một kết cuộc của một màn bi kịch.

Theo truyện « Vượng-Thúy-Kiều » mà tôi (Nam-Cung-Bác) có, viết rằng : THÚY-KIỀU vốn người Lâm-Tri, thuộc tỉnh Sơn-Đông, ấu thời bị bán vào thanh-lâu, theo họ mẹ nuôi (tú bà) là Mã thi, lớn lên nàng đẹp và thông minh, được người trong thanh-lâu thường thức, chuyên bán đến

Giang Nam (Vùng thuộc các tỉnh ở phía Nam Dương-Tử-Giang, gồm : Chiết-Giang, Phúc-Kiến, Giang-Tây, Hồ-Nam, Giang-Tô, An-Huy và Hồ-Bắc), nhập tịch Kim-Lăng (Nam-Kinh) và được dạy thuần thục những bản ca hát miền Ngô (Vùng Giang-Nam) và đàn tỳ bà. Đương thời, Nam-Kinh là lưu-dô, văn vật Giang-Nam đều tập trung tại đây, hai bên bờ sông Tần-Hoài, kỵ-viện rất thịnh đạt, danh tiếng nàng Kiều cũng rất nỗi trong giới Bình-Khang. Nhưng cá tính Thúy-Kiều, lại không a-dua, không iết phường trọc phú. nàng bị tú bà ghét, song lại muốn ép gả nàng cho phú-thương. Phong trào lúc ấy, hễ danh kỵ thì phải được gả cho văn-nhơn mới là vinh hạnh, còn lấy thương-gia là cùng đường. Thúy-Kiều không muốn là hẫu-thiếp của thương-gia, nên lập-kế liên lạc với một phú ông, nhờ người này bỏ tiền ra chuộc nàng khỏi thanh lâu, rồi nàng lén dẫn con hồn tên LỤC-CHÂU trốn đến Gia - Hưng (huyện lỵ gần sông TIỀN - ĐƯỜNG, thuộc phủ Gia - Hưng, tỉnh Chiết-Giang), đơn độc nêu cờ kiều-diễn.

Lúc ấy, có một người ở tỉnh An-Huy, tên LA-LONG-VĂN, đến Gia-Hưng du ngoạn, mến Thúy-Kiều diễm - lệ, chẳng tiếc tiền bạc, cưới Thúy - Kiều luôn cả Lục-Châu. La-Long-Văn nổi tiếng hào - hiệp, sau trở thành người tâm - phúc của Nghiêm Thế-Phiên là con của Tè-tướng. NGHIÊM-SUNG.

La-Long-Văn là người có dã-tâm, lại rất giàu có, ứng-dụng vô số tiền tài để kết giao với quan-lại, vì vậy, nên được theo hầu dưới trướng của Nghiêm Sung; đồng thời, đối với những khách giang-hồ, chàng chẳng nệ hạ mình giao-du.

Trong lúc LA-LONG-VĂN và VƯƠNG-THÚY-KIỀU ăn ở chẳng bao lâu, một lần, có một vị hòa-thượng ở chùa Hồi-Báo thuộc Hàng-Châu, tên TÙ-HẢI, nhơn trốn-tránh một vụ nợ-nần về cờ-bạc, chạy vô nhà của Văn xin ẩn. TÙ - HẢI pháp - danh MINH-SƠN hòa-thượng, nhưng một khi vị hòa-thượng này đi ra khỏi chùa, thích mặc y - phục thường-tục; chàng có sức mạnh, giọng nói to, bầm tách giang-hồ hào-hiép, La-Long-Văn cho là hực kỳ tài, ưu-ái lẽ tiếp, chàng

những giúp tiền trả nợ cho Tử, mà còn mời chàng về ở chung, lại tặng nàng Lục - Châu cho chàng ; Tử Hải không một lời cảm tạ, ở chung với La-Long-Văn được một tháng, bỗng một ngày, Tử nói với La rằng : Mảnh đất này không phải là chỗ dắc-ý của chúng ta, đại-trương-phu không thể u-buồn nương-náu lâu dưới bệ của người, tôi muốn đi lập-thân, anh cũng nên nỗ-lực, ngày sau như được phú quý, ta chớ quên nhau. Tử nói rồi đi luôn, không biết tông-tích đâu nřa.

Sau lại, La-Long - Văn vào kinh, vào phủ của Nghiêm Sung, theo phò Nghiêm - Thế - Phiên, thành người tâm - phúc. Còn VƯƠNG - THÚY - KIỀU vẫn cùng Lục-Châu ở lại Gia-Hưng, bế môn tạ-khách.

Năm GIA - TỊNH thứ 33 (Giáp - Dần — 1554), có giặc lùn (Nhựt-Bồn), xâm chiếm tỉnh Chiết - Giang, nhập Giang - Tô, triều - đình trước ra lệnh cho Trương Kinh, tòng-dốc quân-sự vùng Giang-Nam, qua năm sau, ăn thứ nhứt được thắng lợi, Nghiêm Sung ganh - ty công lao của Trương, mượn cớ giết tướng

này, Nghiêm Sung lại bảo - cử người tâm-phúc của mình là HỒ-TÔN - HIẾN kế Trương làm tòng-dốc và Công - Bộ Thượng-Thơ là Triệu - Văn - Hoa (cũng người trong phe đảng của Nghiêm), với chức Thái Tử Thái-Bảo đến Giang-Nam thị-sát quân-vụ, La-Long-Văn cũng theo bọn này xuống miền Nam.

Vào lối năm Gia-Tịnh thứ 34-35 (1555 - 1556), quân Minh thường bại trận, Gia-Hưng cũng mất, tuần-vũ NGUYỄN-NGẠC bị bao vây tại Đồng Hương (một huyện gần sông TIỀN-ĐƯỜNG, thuộc phủ Gia-Hưng, tỉnh Chiết Giang), HỒ-TÔN-HIẾN chỉ có thề tự thủ, chẳng dám ra ứng chiến, VƯƠNG-THÚY - KIỀU nương - náu tại Gia-Hưng, cũng bị bọn giặc lùn cướp bắt.

Nhưng sau khi Thúy - Kiều bị sah cầm, nàng lại gặp một sự Phát triển ngoài ý tưởng - tượng : Thủ-lãnh của bọn giặc lùn ở miền Tây Chiết Giang, không ai khác hơn là người gấp gối năm xưa ở Gia-Hưng tên TỬ-HẢI.

Tử Hải vốn một nhơn-vật giang-hồ, từng làm hòa-thượng ở Hàng-Châu, sau lại làm cướp biển và kết-nạp một bọn người tại

Châu-Sơn (thuộc huyện Định-Hải, tỉnh Chiết-Giang) và đến xin đầu giặc Nhựt-Bồn, trở nên một đạo quân chủ-lực của Nhựt, xâm chiếm Trung-Hoa.

TÙ - HẢI gặp VƯƠNG - THÚY - KIỀU, tuy vắng mặt nhiều năm, nhưng tình lưu-luyến xưa không phai lạt. Mặc dầu xưa kia Tù ăn ở với nàng Lục-Châu, song dạ lại thăm yêu Thúy Kiều, nay trong một lúc, tình cờ có cơ-hội được tái-ngộ giai-nhân, lẽ tự nhiên Tù mừng rỡ vô hạn, liền lập Kiều làm phu nhơn tại doanh trại, bảo tất cả hầu thiếp ra bái yết nàng.

Về sau, Thúy-Kiều được Tù chuyên sủng, bởi Tù cho Kiều là bạn cùng chung hoạn nạn, nên các việc quân-cơ đại sự, Tù đều thương nghị với nàng. Trái lại, THÚY-KIỀU rất không bằng lòng việc Tù-Hải phò tá Nhựt-Bồn, nhiều loạn tǔ quốc, nàng thường hay khuyên giải và chỉ trích Tù về việc này. Nhưng quan niệm của Tù thì cho rằng : Đại - trượng - phu cần phải dọc ngang bờ cõi, chẳng quản việc mượn binh ngoại xâm. Vì vậy, tuy Thúy-Kiều được Tù sủng hạnh, song nàng thường u buồn

không vui, ngoài mặt bàng tinh quân-cơ với Tù, thật tế, nàng lại muốn cho quân lùn mau thất bại.

Lúc ấy, quân lùn tại vùng Chiết-Giang, ngoài Tù-Hải, còn có đạo binh của TRẦN-ĐÔNG, cũng rất hùng mạnh, thứ nữa, có hai đạo binh của VƯƠNG - TRỰC và MA-DIỆP, nhưng thực lực kém hơn Tù và Trần.

Tông - đốc HỒ-TÔN-HIẾN thấy quân lực Tù-Hải mạnh như, lại bao vây Đồng - Hương rất khẩn cấp, liền tập-trung quân-lực đối phó với quân Tù, và cũng cho người đến chiêu Tù hàng, hứa cho lộc hậu ; Tù Hải thấy quân lực mình chiếm ưu thế, chẳng chịu hàng, lại còn muốn trảm lai xú. Thúy Kiều nghe tin, cực lực can ngăn, lại còn khuyên Tù làm lễ tiếp sứ giả và đưa về, nhờ vậy, tin VƯƠNG - THÚY - KIỀU là phu-nhơn của TÙ - HẢI, mới truyền đến doanh trại của quân Minh.

Trong lúc này, LA-LONG-VĂN nhơn theo TRIỆU-VĂN-HOA thị sát quân lực tại Giang-Nam, nghe biết tin thủ lãnh của quân Nhựt là Tù-Hải, bạn cõ giao của mình, liền đến yết kiến

HỒ-TÔN-HIẾN, tình nguyện vào doanh trại của Từ đế thám thính hư thiệt và nếu có cơ hội, sẽ khuyên Từ qui hàng, được Hồ chấp thuận. La-Long-Văn liền cài trang y phục lảng du khi xưa, trực chỉ doanh trại họ Từ.

TÙ-HẢI nghe có cỗ-nhơn đến viếng, đặc biệt hoan nghinh, thử tiệc tiếp tân tại đại bản dinh. Từ-Hải cũng đoán được phần nào ý định của La-Long-Văn, nên qua vài tuần rượu, liền hỏi thẳng cỗ-nhân phải chăng vì HỒ-TÔN-HIẾN đến làm thuyết khách?

La-Long-Văn trả lời rất khéo rằng : Chàng không làm thuyết khách cho Hồ Tôn Hiến mà là muốn làm trung thần cho cỗ nhơn; liền đó, La giả tạo cơ mật, báo cáo với Từ Hải rằng : Một thủ lãnh khác của quân lùn là VƯƠNG TRỰC đã bí mật đầu hàng Hồ Tôn Hiến, nếu Từ chẳng kịp thời theo đầu hàng, sợ bị tai họa.

Từ Hải tin bạn, nhưng không tức khắc bàn định việc lớn, chàng dẫn La Long Văn vô hậu đường, gọi THÚY KIỀU và Lục Châu ra bái yết Long Văn. Long Văn nhìn thấy bạn lòng năm xưa, rất xúc cảm, nhưng

chàng duy trì nỗi sự cảm động, chẳng một lời nhắc đến việc xưa. Từ Hải trong lúc đắc ý, chẳng quên lời hứa : "Phú quý bất vong" năm xưa, chấp nhận cỗ hữu, chờ khi bình định Giang Nam, sẽ thường cao quan hậu-tước cho La.

La-Long-Văn lại bàn sơ chui ít tình thế, àn ý khuyên Từ qui hàng ; Vương-Thúy-Kiều cũng xen vô khuyên giải, Từ Hải chỉ ăn nhậu, bắt sang chuyện khác. Tiệc xong, La-Long-Văn thấy kẽ mìn không thành, cáo lui, chàng chỉ có liếc mắt với Kiều ngỏ ý nhờ nàng khuyên Từ qui hàng thôi.

THÚY KIỀU bị kẹt trong vòng mâu-thuẫn, nàng yêu TÙ HẢI, nhưng lại cũng yêu LA-LONG-VĂN và nàng thương nhất là quốc-gia của nàng.

Sau khi tan tiệc, Thúy Kiều kéo tay Từ Hải trấn thuyết sự lợi hại cho Từ nghe, lấy tình cảm đê lay động chàng ; nàng bảo Từ Hải là người Trung-Quốc, chẳng nên phò trợ giặc Nhụt, nên thừa cơ-hội này xin qui hàng Minh triều, chẳng những không mất quan-tước mà còn bảo tồn được sự phú quý.

TÙ HẢI ở trong trạng huống bàng-hoàng, chàng bảo chẳng phải không muốn qui-thuận, nhưng vì các quan to của triều đình không hiểu sự lý, ý kiến rất bất đồng, chính e khi qui hàng, một ngày kia chàng sẽ bị nhục mạ.

VƯƠNG - THÚY - KIỀU thấy ý Tù có hơi lay chuyền, khuyên chàng nên thương-lượng với La-Long-Văn, nàng cương-quyết xin Từ bái binh, dấu cho điều-kiện xin hàng không được chấp-thuận ôn-thỏa, nàng cũng bằng lòng theo Từ phiêu-bạc hải hồ.

TÙ-HẢI thuận tình, trở ra thương-lượng với LA-LONG-VĂN, bằng lòng trước tiên mở vòng vây cho Đồng-Hương và sau sẽ thương xác những tiêu tiết qui thuận. La-Long-Văn cũng thay mặt HỒ-TÔN-HIẾN bảo-dảm với Từ rằng triều-dinh sẽ trọng dụng chàng.

Liền đó, La-Long-Văn phi ngựa về doanh-trại quân Minh. Từ Hải cũng giữ lời hứa, ánh-binh bất-động, cho giải tỏa vòng vây Đồng-Hương, chờ tin tức của La-Long-Văn.

Tuần-vũ NGUYỄN NGẠC được giải vây rất mừng, đến yết-kiến HỒ-TÔN-HIẾN và cung chủ-trương chiêu Từ hàng, dặng tránh nạn can-qua.

La-Long-Văn kiến-nghị buộc Từ phải bắt nạp những thủ-lành giặc lùn là Ma-Diép và Trần Đông làm quà qui-thuận, được HỒ-TÔN-HIẾN đồng ý.

HỒ-TÔN-HIẾN e ngại Từ phản hối, sai LA-LONG-VĂN đem châu báu, lễ vật đến tặng Từ. Từ-Hải không mất tiếng là một hảo hớn, những việc mà chàng đã hứa, tuyệt nhiên chẳng sai lời. HỒ-TÔN-HIẾN bảo chàng qui thuận trước, sau sẽ xin phong thưởng. Từ cũng ưng thuận. Liền ngay, Từ lập kế bắt Ma-Diép và Trần Đông, báo tin cho Hồ-Tôn-Hiến, xin làm lễ qui thuận tại thành Đồng-Hương.

Đến kỳ, HỒ-TÔN-HIẾN, TRIỆU-VĂN-HOA và các nhơn viễn đều tập trung tại Đồng-Hương, quân Minh cũng tập trung tại ngoại thành, việc bảo an tại nội thành do Tông-Binh DU-ĐẠI-DO đảm trách.

TÙ-HẢI chẳng nghi kỹ Hồ-Tôn-Hiến, nên chỉ đem theo 10

người tùy tung nhập thành, VƯƠNG - THÚY - KIỀU lại diễm trang thật đẹp và thết tiệc tiễn đưa chàng.

Lúc ấy, Triệu-Văn-Hoa, Hồ-Tôn-Hiến và Nguyễn Ngạc đồng chủ tọa trên thính đường. La-Long-Văn dẫn Tù-Hải vào yết-kien xin tội. Tôn - Hiến đối với Tù rất nhả - nhặn, đứng lên nói rằng : Triệu-dinh đã tha tội cho chàng, khuyên chàng chờ được phong thưởng. Triệu-Văn - Hoa cũng ban rượu úy-lao.

Lệ yết-kiến xong, Tù Hải cáo từ.

Nhưng, trong nháy mắt, Triệu-Văn-Hoa bỗng hạ lệnh xuất binh, một mặt cho nà-tróc Tù - Hải, mặt khác cho đánh úp doanh trại của Nhựt; HỒ-TÔN-HIẾN tuy không muốn giết người qui hàng, song TRIỆU-VĂN-HOA không chịu. Vả lại, mỗi việc đều được bố trí xong xuôi, chỉ một tiếng lệnh của Triệu-Văn-Hoa là được thi-hành ngay.

TÙ-HẢI ra khỏi thành, thấy quan binh tấp - nập, binh - khí nghiêm chỉnh, biết có biến, và thấy mấy kiện - tướng bộ-hạ của Hồ-Tôn-Hiến đã hươí dao đến xáp chiến, Từ kinh hải chẳng biết cách nào ứng-phó, chỉ đá ngã

một người, giựt dao dương cự, nhưng thế của quan binh mạnh, Từ địch không nồi, nhảy xuống sông định lặn trốn.

Cùng lúc ấy, bộ-đội của Du-Đại Do đã tấn công doanh - trại giặc lùn, giả danh ủy - lạo nhập nội; trong nồi lửa, ngoài hiệp công, binh lính Nhựt chẳng kịp đè phỏng, bại-bại chạy tứ tán.

TÙ-HẢI nhảy xuống sông lặn trốn, không dè quan quân cũng đã bùa lưới dưới mặt nước, nên chàng bị bắt sống.

Bọn TRIỆU - VĂN - HOA mưu binh được giặc và được phong thưởng, đem TÙ HẢI và bọn giặc bị bắt được, đều trảm thủ cho công chúng xem.

Người rất mực chủ trương cho Tù Hải ra qui hàng là VƯƠNG THÚY KIỀU cũng bị sanh cầm. Trong lúc nàng muốn cứu Tù Hải, nhưng trái lại hại chàng, vạn sự ước mong đều tiêu ra tro bụi; nàng tìm La Long Văn nhưng La tránh không cho Kiều gặp mặt.

THÚY KIỀU thề phải giết LA LONG VĂN để báo thù cho Tù, vì mục đích này, nàng giả vờn và với các tướng Minh triều. HỒ TÔN HIẾN vốn chẳng trọng dải Thúy Kiều, mặc

dầu sự dụ Từ Hải ra hàng là do công lớn của nàng, nhưng một khi một mục-dịch đã đạt thì sự tôn trọng cũng chẳng còn.

Trước một tiệc ăn khao thằng trận, Hồ-Tôn - Hiển bảo Thúy-Kiều ca vũ giúp vui, Thúy-Kiều vì mục-dịch muốn báo thù, nuốt lệ khóc chửu. Giọng ca miền Ngô (Giang-Nam), nhịp với điệu vũ, vang tung trước buỗi tiệc, THÚY - KIỀU dâng rượu thỉnh mời các tướng tá, nhưng bóng La-Long - Văn vẫn bắt, không thấy chàng xuất hiện giữa buổi tiệc khao.

Nghệ - thuật và nhan - sắc của Thúy-Kiều trong lú<sup>c</sup> ấy, quán tuyệt miền Nam, trên từ Hồ-Tôn-Hiển, dưới chí các tướng tá, thảy đều say mê; tất cả, trong lúc tưng bừng, hoan ca khoái lạc, thậm chí Hồ-Tôn-Hiển cũng không tài nào kềm chế được sự nghiêm chỉnh của chính mình, Hồ đứng lên vén tay áo và cầm giáo, tham gia thao-vũ và thường liếc mắt đưa tình với Thúy-Kiều.

Trong buổi tiệc ăn khao, huyên-náo khác thường, phải giải - tán trước giờ mãn tiệc, vì ai nấy đều quá chén. Thúy-Kiều đêm ấy bị Hồ-Tôn-Hiển lưu tại quán-dịch.

Ngày hôm sau, khi HỒ-TÔN-HIỂN tỉnh rượu, rất ăn năn sự làm đêm qua; đồng thời, Hồ cũng nghe biết thân thế của Kiều, nếu Hồ lưu-luyện nàng, tất sẽ phải mang họa về sau, bởi THÚY-KIỀU trước kia là nhơn tình của LA-LONG-VĂN, và La-Long-Văn lại là người rất thân với TRIỆU-VĂN-HOA, Hồ không vì một nữ lưu, để hư đại sự.

Hồ là người thạo việc quan trường, tuy mến tài sắc Thúy-Kiều, song vì tiền-dồ của cá-nhơn mình, dành ép lòng dứt bỏ Thúy Kiều.

Chẳng qua, Hồ-Tôn-Hiển tự hiều không thể giữ được nàng Kiều, chàng lại cũng không muốn nàng lọt về tay ai khác, liền đem Kiều ban thưởng cho một đầu dọc nhỏ người Nhựt, tên là VĨNH-THUẬN vừa qui hàng và bảo Vĩnh-Thuận đem Kiều xuống thuyền, đến ở CHÂU-SƠN.

Việc này làm cho THÚY-KIỀU rất đau buồn, vì trước nàng đã khuyên TÙ-HẢI qui hàng là có quan-niệm vì quốc-gia, sau lại nhẫn nhục ca múa trước buổi tiệc là cố ý muốn thừa dịp hạ sát LA-LONG-VĂN, dặng

báo thù cho TÙ-HÀI, bởi vì Từ bị hại, truy cǎn nguyên, cũng tại vì sự du thuyết của La-Long-Văn

Thúy-Kiều chẳng có chút cảm tình với tên đầu độc Nhựt, nàng ưng theo VĨNH-THUẬN là việc bắt-dắc-dĩ, nàng cũng không muốn vì một mối tư thù, mượn tay giặc khau quấy nhiễu tờ-quốc, nên khi cùng Vĩnh-Thuận đi ghe ra đến sông TIỀN-ĐƯỜNG, nàng nhảy xuống sông tự ái.

Trận giặc kéo dài gần 10 năm của quân Nhựt, nơi miền duyên-hải Trung-Quốc, mà chủ-lực quân của bọn giặc này lại là người Trung-Hoa và Từ-Hải lại là một yếu nhơn quan-trọng, nếu như Triệu-Văn-Hoa và Hồ-Tôn-Hiển biết chiêu dụ Từ-Hải, dè chàng cầm binh chống giặc lùn, thì mấy năm sau, miền duyên-hải phía Đông-Nam Trung-Quốc, khôi bị người Nhựt khuấy-nhiều và Du-Đại-Do và Thích - Kế-Quang là hai tướng thuộc hạ của Hồ-Tôn-Hiển khôi phải nhọc công chinh chiến.

VƯƠNG-THÚY-KIỀU là nhân vật chánh trong vụ chiến tranh Hoa-Nhựt này, nếu không có nàng, chưa chắc LA-LONG-VĂN đã du-thuyết được TÙ-HÀI. Còn tý-nữ theo Thúy-Kiều là nàng Lục-Châu, sau theo La-Long-Văn, về ở Kinh-Đô.

Song, La - Long - Văn nhờ dù giết được Từ-Hải dè tiến thân, nên hậu quả không tốt, vì chàng

theo phò con Nghiêm - Sung là Nghiêm - Thế - Phiên, đến năm Gia-Tịnh thứ 41 (1562), Nghiêm Sung bị chì - trích, bài chúc, Nghiêm-Thế-Phiên và La-Long-Văn đều bị hạ ngục, đến năm Gia-Tịnh thứ 44 (1565), cả hai đều bị trảm thủ.

### BẠCH-THỦY



*Lời tòa soạn : Những tài liệu mới (q.về « TRUYỆN THÚY-KIỀU ») đến đây chưa phải là hết. Một nhà học - giả Nhựt, giáo-sư Toshio Hatakenaka, & Đại-học đường Koshiwara, có hứa sẽ gởi đăng trong tạp-chí Phò - Thông những tài - liệu về một « Truyện Thúy-Kiều » của một nhà Văn Nhựt-Bồn xuất bản cùng một thời đại với Nguyễn-Du. Giáo - sư Halaké-naka sẽ so - sánh 3 quyền « Truyện Thúy-Kiều » của Hoa, Việt, Nhựt.*

*Hiện nay, các bạn đã có thể nhận thấy nhiều điểm khác nhau hẳn giữa quyền « Truyện Thúy-Kiều » của Nguyễn-Du và quyền « Vương Thúy-Kiều Truyện » của Tùu do ông BẠCH-THỦY vừa dịch tóm-tắt như trên, theo quyền « Lịch Đại Danh - nhơn Dật - sử » của Nhà Văn - sĩ Trung - Hoa : NAM CUNG BẮC.*

*(Tài liệu riêng của tạp - chí Phò-Thông)*

N.V.

# TRÁI BOM NỔ TRONG *buổi bình minh*

## NGƯỜI THƠ XUẤT HIỆN

(Tiếp theo P. T. số 27)

### \* MẶC - THU

**D**ÙNG vào ngày mùng 6 tháng 8 năm 2.000 Tây Lịch, nghĩa là đúng 49 năm tròn sau ngày trái bom Nguyên tử đầu tiên nổ trên thành phố Hiroshima (Nhật), tại ngay lòng Thủ Đô Việt Nam, vào một buổi sáng mùa Xuân, một trái bom khác được nổ tung ra làm kinh động khắp thế giới.

Trái bom này có phần mãnh liệt hơn trái bom ở Hiroshima gấp triệu lần, vì trái bom Hiroshima chỉ mới làm xoay đổi lại một chiến cuộc—mà chiến cuộc thì vẫn có thể tiếp diễn dưới hình thức một chiến cuộc khác—trái bom nổ trong lòng thủ đô

Việt-Nam thay đổi hẳn được cả nếp sống của nhân loại.

Trái bom này không gây ra một sự chết chóc cho bất cứ một sinh vật nào, kể từ con ruồi. Ngược lại, nó làm cho cây cỏ thèm tết tươi, lá non trổ búp, nụ hoa bừng nở. Hương thơm của hơi bom bốc ra thơm ngào ngạt, tản漫 khắp không khí, rải theo gió tám hướng chuyển đi khắp nơi.

Tất cả mọi người đều đỗ xô ra ngoài đường. Họ đều ngây ngất như vừa nhấp vào men rượu ngon. Mùa xuân đậu trên ngọn lá măng tơ vẫn không sáng bằng mùa Xuân về trong lòng họ.

Một nguồn nhựa mới rạt rào chảy trong huyết quản mọi người, từ đứa trẻ thơ da hồng trái đào, đến những cụ già vóc hạc, thản mai.

Mọi người đều vui một niềm vui mà lời không thể tả. Tiếng nói, giọng cười đều như có rung, theo một ý nhạc nào. Bước chân rộn rã khắp nẻo đường như đồn về một đại hội. Trái bom ấy là bản tuyên - ngôn của năm nhà thơ Việt-Nam — những nhà đại thi-hào của thế hệ mới — sau khi đã hội ý với nhau suốt bảy ngày trời, bảy ngày cách biệt hẳn với xã-hội bên ngoài, trong một trại hoa, dưới bầu trời xanh chỉ có rodom hoa và lá. Họ không dùng những thức ăn mặn-muối thường mà sống bằng những cánh hoa, uống cũng bằng một thứ nước cất bằng men của hoa và của lá.

Ngày thứ nhất, các thi-nhân hội ý với nhau về sự có mặt của loài người trên mặt đất.

Ngày thứ hai, hội-ý về mối tương-quan giữa con người và con người.

Ngày thứ ba, về ranh-giới giữa các quốc-gia và quốc-gia, biên-thùy giữa các chủng-tộc và

các tôn-giáo.

Ngày thứ tư về những nguyên nhân đã thúc đẩy loài người lao vào những cuộc chiến-tranh liên-tiếp suốt hai ngàn năm nay.

Ngày thứ năm, về bản chất tình yêu-thương và tính - thiện trong con người từ nguyên-thủy.

Ngày thứ sáu, về nhu-cầu vật-chất và nhu cầu tinh-thần của con người trước thời-đại mới.

Ngày thứ bảy về trật-tự mới, nếp sống mới của con người trước chu-kỳ lịch-sử mới.

Sau đó bản tuyên-ngôn được tạo thành và được gửi đi khắp thế-giới trong một ngày bằng mọi phương tiện tiên-bộ nhất của khoa-học viễn-thông.

Bản tuyên-ngôn đó không mang tính-chất giáo-điều, không nhuốm màu sắc chính-trị, mà tràn đầy tình Người, cõi-động như những giọt mật ẩn trong đài hoa, bằng những lời đẹp nhất của Thơ, khiến cho tất cả mọi người, bất cứ thuộc về ngôn-ngữ nào, chủng-tộc nào, già hay trẻ, trí-thức hay không trí-thức, khi đọc lên đều thấy có một tiết-tấu của Nhạc, như một bài ca.

Người ta thấy khắp mọi nẻo đường, ở thủ - đô Việt - Nam, cũng như & Mạc-Tư-Khoa, Bá Linh, Ba-Lê, Đông-Kinh, Nữ-Uơc, Bắc-Kinh, Đoài-Loan v.v... từng đoàn trẻ thơ nắm tay nhau ca hát theo từng lời trong bản tuyên ngôn ấy. Chân non nhún nhẩy như những bầy chim. Đứng ngoài vòng, có những ông già, bà cả vỗ tay, đậm chán làm nhịp phụ họa theo giọng hát.

Tất cả những nhạc-sỹ trứ danh nhất của thế hệ trên khắp mọi quốc-gia đều hăm hở phô nhạc vào bản tuyên ngôn ấy. Chỉ trong có một ngày sau, hầu

hết các dân tộc trên thế-giới từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á đều đã biết hát bài ca « Bản tuyên ngôn mới của Nhân-Loại » bằng chính tiếng của nước họ.

Đó là ngọn gió hồi sinh cho cây cỏ úa khô vì đại hạn, làm cho sa-mạc cháy nắng Sahara có suối chảy, có cỏ non, cây đàm bông, trổ trái làm cho miền Băng-Cực có ánh nắng chan hòa.

(còn nữa)



Kỳ sau : Bản tuyên ngôn đó nói gì ?

Nếp sống mới của nhân - loại ra sao ?



## \* CẢNH SÁT VIÊN LỊCH SỰ

Thấy một người hì hục đầy chiếc xe hơi 4 c. v., một viên cảnh sát nhanh nhẹn chạy lại hì hục đầy hộ và hỏi :

— Xe ông hỏng máy ?

Chú xe cười xã giao không nói.

Đầy xong, viên cảnh sát lại hỏi :

— Xe ông hết dầu ?

Chú xe :

— Dạ cũng không phải. Chỉ vì tôi mới lái chưa có « béc-mi » nên... thấy ông, tôi xuống đầy về cho khỏi rắc rối... Cám ơn ông lắm.

# NÀNG CHINH PHỤ TRỌNG

## CHINH PHỤ NGÂM

(liêp theo P.T. số 28)

### ĐIỂM 3

#### Bài Minh của Hoa-Triêu Sinh

VÀU A U khi nàng Mạnh-Khuong chết, trải hơn 1500 năm, vào đời nhà Minh (1368 — 1644), có một thi sĩ, bút hiệu là Hoa-Triêu Sinh, giàu lòng thương xót cuộc loạn ly đau khổ. Sắc tính ngao du, chàng vung chân đi nhiều miền để tìm thi hùng. Một ngày chàng đi ngang qua gần biển đông, đến mộ nàng chinh-phụ. Chàng dừng chân, quan sát: nào cây cỏ um tùm, nào khói mây bao phủ, nào tiếng sấm xa xá vang dội hình như tiếng sầu thê lương. Chàng cảm động, viết một bài Minh, để khắc vào tấm bia dựng bên mồ :

#### \* VŨ-ĐỨC-TRINH

Đất đai xưa của mẹc Triệu-Tiêu;  
Biển giao cũ của mẹc Cô-Trúc.  
Đời nhà Án có hai hiền sĩ;  
Đời nhà Tần có nàng Mạnh-Khuong.  
Hiền đức của nàng chỉ có Trời chiếu soi, thấy rõ.  
Dung mạo của nàng sáng như trăng mọc.  
Nàng làm nội tướng cho chàng Phạm-Thực.  
Phù hợp với thời vận đến như thế.  
Chàng kia sáng dạ và đẹp tráng như cây quỳnh.  
Chàng phong xe hai ngựa lên miền bắc.  
Nàng kia có hương tiết như cây đỗ lan.

Nàng cho bánh xe cuộn vòng, đi về  
phía tây.  
Nàng đã đầm thắm mà lại cung  
kính thờ chồng.  
Nàng còn thông minh và quả quyết  
như ra.  
Nàng không thấy sách ở viện bảo  
tàng.  
Nàng biết riêng điều bí mật của  
tình giao kết  
Ông tiễn dân chim phượng mbi  
hát đầu thôi;  
Ông sáo chậm hoa đào vẫn chưa  
thay đổi.  
Từ khi Trưởng-Thanh được xây  
cất,  
Dân quê ở chín châu phải xiên bạt,  
tan rã:  
Con ra khói nhà, mẹ đau đớn;  
Chồng đi khỏi quê, vợ than thở.  
Husband lồ nàng phải phụng dưỡng  
mẹ chồng đã luống tuổi.  
Nàng chưa nô đùa vui con thơ.  
Nàng cắt rau đỡ, dài gib dầm  
sương;  
Nàng hái rau tần rau phiền trên  
bờ khe giữa hai núi.  
Nàng siêng năng thờ mẹ chồng  
khi bà còn sống;  
Nàng rau rít đưa đầm mẹ chồng  
khi bà đã chết.  
Cây bạch du và cây thanh dương  
nàng trồng ở mộ đã già;

Hạt mộc & cây huyền đã tan mốc.  
Tuy thế, nàng liếc mắt xem chòn  
bay;  
Nàng cũng gặp cả thỏ đen nura.  
Nàng chui mốc mít, đi lén quanh  
chung quanh thành.  
Nàng thương cảnh, hỏi đđ.  
Nàng nguyện kết bạn với lương  
nhân;  
Nàng cùng về đất tối tam ở suối  
vàng.  
Hồi ôi!  
Vòng tròn này không phải là cây  
khuynh;  
Nét thẳng này không phải là cây  
đo.  
Nàng có thể vận dụng kinh khi  
thường, quyến khi biến.  
Dân bị nghiêng ngửa, nàng cũng  
không đổi rdoi.  
Thuở còn sống, nàng gặp con lận  
đận;  
Hồi đã chết, nàng đượm về quang  
minh.  
Chỉ nàng xúc cảm đến phẫn thiêng  
của núi;  
Lòng thành của nàng thông cảm  
đến luồng sóng ở bên đđ.  
Trong cõi người ta có kiếp nô  
như thế?  
Đây biến có mấy nỗi trần ai?  
Chiếc nồi nỗi không bao giờ mất.  
Pho tượng đá của nàng để lại vốn  
còn mbi.

Tiếng trong sạch của nàng ví như  
sông Tương với sông Nguyễn.  
Tôi làm rạng rỡ cho mà nàng bằng  
một bia đá  
Cao chót vót ngang với núi Côn  
Luân.  
Tôi tặng nàng xâu chuỗi tua tủa  
thay vì dây cương;  
Tôi cũng nàng đĩa đậu to hạt đẽ  
nàng còn hương mài;  
Anh mặt trời đưa đèn soi xuồng.  
Làn hơi mây lớn vẫn bắc lên.  
Ban đêm nàng cõi rồng có hai sừng  
với thường luồng;  
Ban ngày nàng dựng cờ pháo bin trên  
chim công với chim trâu.  
Vầng hơi của mây gió chẳng lúc  
não thôi,  
Đời nay và thuở xưa, che phủ  
ngôi mộ này.  
(Hoa-Triệu Sinh bút ký).

những lời thơ khéo léo. Muốn  
giảm bớt phần nào nỗi bi thương  
của câu truyện, ông thác ra một  
khúc ngâm dài do nàng chinh  
phụ viết, gửi chàng chinh phu.  
Trong đó ông dùng nghệ thuật  
tinh vi mà nêu cao một lời sống  
gương mẫu. Gặp buổi quốc gia  
lâm vào cơn gió bụi, các trật  
tự trong gia đình, ngoài xã-hội  
hỏa đảo đên, vì tinh thần bị  
khủng hoảng, ông xử dụng văn  
chương để chỉnh đốn nếp luân  
thường và phục hưng nền văn  
hóa. Ở mọi nước, nhất là  
những nước Á-Đông, người đàn  
bà vẫn chiếm một chỗ rất can  
hệ trong đureng luân lý. Thế nên,  
dưới ngòi bút tài tình của ông,  
nàng chinh phụ chân thành đã  
giữ trọng cả niềm trung, hiếu,  
tiết, nghĩa.

### Điểm 1

#### Nàng chinh phụ với chữ Trung

Về chữ trung, nàng Mạnh-Khuê nói :

*Giã nhà, đeo birtc chiến bào,  
Vứt roi cầu Vị, áo ào gió thu.  
(Các câu 23-24)*

Trước buối ra đi muôn dặm  
để tuân lệnh nhà vua, chàng

Phạm-Thực, chinh phu, từ biệt  
mẹ già với vợ trẻ. Chàng phải đi  
hợp tác trong việc xây cất Vạn-Lý  
Trường-Thành và ngăn đón  
giặc ngoại xâm. Công trình ấy  
đòi hỏi biết bao điều vất vả, khó  
nhọc, biết bao nỗi nguy hiểm,  
gian-nan, biết bao niềm đắn đo,  
thác mắc. Một chuyến chàng  
trẩy đi, biết đâu mà dám hẹn ngày  
về? Trong suốt quãng thời gian  
xa-vắng, chàng không biết nhở  
ai gìn giữ mẹ già với vợ trẻ...

Tuy thế, chàng cũng quyết  
tình từ giã hai kẻ thân yêu, rồi  
vận áo chiến, đi phụng sự tổ  
quốc & cõi xa muôn trùng.

Để góp phần vào việc đền ơn  
nuróc, nàng Mạnh-Khương sửa  
soạn đồ hành lý cho chồng. Nàng  
cố trấn tĩnh, gạt ngang những  
giọt lệ nóng hổi chảy vòng quanh  
và nén những tiếng thầm thê cứ  
chực bật ra khỏi cuồng họng.  
Tuy nghẹn ngào, đau khổ, nàng  
cũng gượng vui, để khuyễn-khích chồng thi hành nhiệm vụ.  
Nàng leo leo đưa chân chồng ra  
tận khúc đường chia tay.

Khúc đường đó, theo nghĩa

bóng, gọi là cầu sông Vị. Chàng  
chinh phu quắt chiếc roi kêu đèn  
đèt, ném hai gót chân vào hòng  
ngựa, thúc nó chạy thật nhanh,  
vì muốn mau tới đích.

Vị là sông rất trong ngược  
với Kinh là sông rất đục. Người  
ta thường nói: Kinh Vị, nghĩa  
là đục trong, xáu tốt. Vị tức là  
sông Vị-Thủy phát nguyên từ  
Điều-Thủ Sơn trong dãy núi  
Lũng-Hà ở địa trấn Vị-Nguyên,  
tỉnh Cam-Túc. Nó chảy ngang  
qua Lũng-Tây, Hàm-Dương và  
phía tây kinh đô Trường-An,  
rồi đổ vào sông Hoàng-Hà tại  
huyện Phong-Lăng Đô, ải Đồng-  
Quan ở biên giới tỉnh Thiểm-Tây  
và tỉnh Sơn-Tây.

Đời xưa, lúc ai rời khỏi kinh  
thành, thì họ hàng, bạn hữu  
đưa tới cầu sông Vị và trao  
tặng mấy cành liễu, tượng  
trưng của mối tình dài thướt tha. Ông Vương - Duy, đời  
Trung-Đường (756-874), có bài  
thơ tặng biệt:

*Vị Thành triều vũ áp khinh trấn,  
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.  
Khuyễn quân cảnh tận nhất bối túng*

Tây xuất Dương - Quan vô cõ  
nhân. (1)

« Thành Vị sáng sớm có trận mưa làm dẹp những làn bụi nhẹ xuống.

Quán khách trọ xem có vẽ xanh tươi vì màu liễu mới.

Trong bữa biệt ly tôi khuyên chàng uống thêm một cốc rượu nữa cho đủ ba cốc.

Bởi vì, lúc đi về phía tây mà qua khỏi ải Dương-Quan, biên thùy giữa Trung-Hoa với Tây-Vực, chàng sẽ không còn người cũ ».

Bài thơ này có âm vận khéo, nên về sau, hễ có cuộc chia phôi là người ta nhớ đến cầu sông Vị.

Trong lúc chàng chính phu quất roi, phóng ngựa, thì luồng gió thu thổi rung ngành lá ào như tiếng lòng ai rộn rã nỗi niềm yêu nước.

Sở dĩ chàng Phạm - Thực nuôi khí phách của chính phu và trượng phu như thế, một phần tại cũng nàng Mạnh-Khuông hun đúc đêm ngày. Hóa ra, về chung trung của chồng, nàng có thể viết :

Chí làm trai : đậm nghìn, da ngựa;  
Gieo Thái-Sơn nhẹ tựa hồng mao.

(Các câu 21-22)

Đường đường là một nam nhi, chàng Phạm - Thực nuôi chí cao cả đi tòng chinh ở mãi chốn biên thùy xa muôn dặm, để gìn giữ non sông và ngăn ngừa giặc cướp, vì bọn Hung-Nô vẫn nhăm nhe tràn sang lánh thổ Tàu.

Vâ lại, chàng có gan chiến đấu anh dũng, bền nỗi, nêu cần, chàng sẵn lòng chết ở bãi chiến trường, để các bạn bọc thây chàng trong da ngựa thay vì vải lìem với áo quan. Chàng coi việc đó là một công danh lừng lẫy.

Đời nhà Đông-Hán (25-220) có Mã-Viện, một người vốn hoài bão chí lớn. Trước ông làm nghề chăn nuôi, sau đầu quân, giúp vua Quang-Vũ Đế (25-58) đánh dẹp giặc Vương-Mãng. rồi đi Bắc-Việt giao chiến với hai chị em Trưng-Trắc và Trưng-Nhị, rốt cuộc lâm bệnh chướng khí mà chết ở chiến-trường Man-Khê, gần tỉnh Quý-Châu lúc đánh.

(1) Bài thơ này phải ngâm theo điệu « Dương-Quan tam điệp », nghĩa là : câu thứ nhất ngâm một lần, rồi ngâm lại ba chữ cuối ; câu thứ hai cũng vậy ; câu thứ ba ngâm hai lần, rồi ngâm lại ba chữ cuối ; câu thứ bốn cũng vậy.

## NÀNG CHỊU PHỤ

nhau với những người Mèo. Sinh thời, khi ông đã luống tuổi, các bạn thân hay nhủ ông xin nghỉ dưỡng lão và mệnh chung trong gia đình, ông khảng khái đáp :

*Trường phu đường mà cách khôn thi;  
Ninh khà từr ur nhi nūr từr chí thă  
hồ?*

« Kẻ có tinh thần nên dùng da ngựa bọc thây;

Sao lại ưng chết ở trên tay vợ con được ? »

Chồng nàng Mạnh-Khuông, vì mang trách nhiệm nặng-nề, hóa ra coi bản thân nhẹ bỗng. Chàng xem sứ mạng lớn lao, xem tinh mệnh nhỏ bé. Dãy Thái-Sơn với mầu hồng mao được đem làm biểu hiệu.

Thái-Sơn là dãy núi lớn ở tỉnh Sơn-Đông về hưu ngạn Hoàng - Hà, phía đông nam

thành Tề-Nam, cao độ 1.539 thước. Hồng mao là lòng chim hồng, một thứ chim thiên nga thường bay cao vời vợi có mồng đỏ, mắt đỏ, chân đỏ, lòng dài mà trắng.

Thi hả Lý - Thái - Bạch gieo vẫn :

*Yên-Nam trắng sī, Ngô-Môn hào,  
Thái-Sơn nhất trich khinh hòng  
mao.*

« Tráng sī & Yên-Nam, hào kiệt & Ngô-Môn

Ném núi Thái nhẹ như lòng hòng ».

Tư-Mã-Thiên cũng nói :

*Nhân cổ hưu-tử ; tử hoặc trọng ur Thái-Sơn hoặc kinh ur hòng mao :*

« Người ta vẫn chết; nhưng chết hoặc nặng như núi Thái, hoặc nhẹ như lòng hòng ».

(còn nữa)



» 62 Câu chuyện về các danh nhân Việt Nam

Bác-sĩ Wood, tại trường Đại-học Colombia của Anh-quốc, vừa tuyên bố rằng nên cho bò-cáu ăn giấy nhựt-trình cũ, vì trong giấy nhựt-trình có nhiều chất cellulose làm cho bò mau mập. Mực in thì làm cho bò nhai đi nhai lại dễ dàng.

Voi ngựa đá nếp mìn như phù-phục  
Và tim lìm trao nhũng hình nhân,  
Như xa xăm huyền bí của hung thần  
Bao quái tượng vươn lên hình man rợ.

Đây là chỗ khách du nhìn bõng  
Nền văn-minh phál-triền một thời qua  
Phải chăng đây còn in nét đậm đà  
Tinh dân-lộc nói lên từ thế-hệ...

Đây, nhũng nét dưới vương-triều CHẾ dẽ  
Nuốt căm hồn than khóc đất Ô, Ri  
Đầu quân roi, lay động bóng kính kỳ  
Gươm dung-tướng nghiêng mình ôi khuất-phụ !

Hòn vong-quốc đồi đồi trong mai một  
Chí phục-hưng túi hồ với non sông,  
Đồ-Bàn đâu, nơi xương máu chật-chồng  
Cơ-nghiệp báu dưới màu tro uất-hận.

Đây từ thuở Chiêm-hoàng xưa mai vạn  
Đã dâng mình dưới ngựa, xếp tàn y  
Nhìn Phi-Tần, Cung-nữ bước khuynh-nguy  
Và thành quách tan tành trong túi nhục !

Thôi đâu nữa giải trời mây LÂM-ẤP  
Đâu trường-đồ sau mây độ giao-chinh  
Rộn bước voi, khua chiêng trống rap-rinh  
Tô sắc thăm cho nền cờ kiêu-hanh.

Nghìn thu hối ! phủ-phàng trong vắng lạnh  
Đâu tiếng cười đượm thăm nét non-vu  
Và đêm đêm trong sương khói tỏa mù  
Còn đâu nữa khúc nhạc tình hoang-dã.

Quê hương cũ bóng ngàn năm xa lạ  
Khói lam chiêu xoa mịt bóng biền-cương  
Núi rừng thiêng rít mạnh trong đêm trường  
Như tên rì tiếng Mỵ-kiều nương-hậu.

Đây lưu dấu của Chiêm-Thành vong quốc  
Một giỗng nói ôi vạn thuở phân-ly !  
Và nơi đây mãi mãi vẫn còn ghi  
Thời oanh-liệt lui dần trong dĩ-vãng.

*«Chém cha cái sô...»*

# *...HOA ĐÀO»*

## **★ LƯU-TRÙNG-HƯNG**

Một Văn-sĩ Trung-Hoa,  
ở LƯU-TRÙNG-HƯNG,  
nghiên-cứu truyện Kiều của  
Nguyễn-Du, đã tìm ra được  
trong quyển ấy có 32 lần tác  
giả nói đến Hoa Đào.

Dưới đây là bài của ông  
bạn Trung-Hoa.

P. T.

nàng Kiều mỏng manh. Ngài Nguyễn-Du viện ra lý thuyết đó khéo đặt để những câu văn-chương bóng bẩy linh hoạt ngụ trong mỗi hoàn cảnh sự vật của nàng Kiều và luôn cả những vai phó trong truyện.

Tôi ra chút công mọn tìm tòi, lượm lặt những văn thơ có quan hệ đến chữ «Đào» để xin hiển trình các bậc Đại nhà cùng thường thức về một cuộc thanh tao. Khi Kiều mộng Đạm-Tiên :

«Rước mùng đón hối dò la :  
«Đào nguyên lạc lối đâu mà đến  
đây ?»

Nhập đề câu truyện Kim-Trọng ngộ Kiều.

Cách trường phái huối êm trồi,  
Đuối đào như dòng cỏ bóng người  
thuốt tha.

 À O là một thứ hoa  
thẩm ánh tươi đẹp thơ  
yếu thoát tha, tượng trưng cho  
mảnh hòng nhan sống cuộc đời  
thơ mộng. Trong quyển truyện,  
bà viền ngoại mộng điềm hoa  
đào rồi sanh ra nàng Kiều.  
Cành đào ấy nẩy trổ ngón  
ngang hơi vê tàn tạ. Thành thử  
tạo hóa săn sắp đặt vận mệnh

## SỐ HÒA ĐÀO

Chàng Kim lượm được cành  
kim thoạ :

Lần theo tương gác dạo quanh,  
Trên đài nhác thấy một cành  
kim thoạ.

Mở màn cho cuộc tình duyên:  
Sản tay mờ khéo động đàm,  
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên  
thai.

Trang hoàng trong viện sách  
Kim Trọng.

Vội mừng làm lỗ rước rào,  
Đài sen nồi sáp, lò đàm thêm  
hương.

Kiều tự sánh một đóa yêu đàm :  
Vẽ chi một đóa yêu đàm,  
Vườn hồng, chi đám ngắn rào  
chim xanh ?

Sân đàm của Kim-Trọng :  
Nồng thi vội trót hương thêu,  
Sinh thi đao hước sân đàm vội ra,  
Khi thắt thân cho Mā-giám-Sinh, Kiều ngõ lời hối tiếc :  
Biết thân đến hước lạc-loài,  
Nhị-đàm thù bê cho người tình  
chung !

Khi đọa đày sa tay phàm tục :  
Đao tiên đã bén tay phàm,  
Thìvin cành quất cho cam súp đàm.  
Viên ngoại gối gấm thân Kiều  
cho Mā-giám-Sinh :  
Chút thân, yêu liễu, thơ đàm,  
Rập nhè đến nỗi mặc vào tôi người.

Đạm Tiên báo mộng Kiều hay :  
Số còn nặng nghiệp má đàm,  
Người dù muốn quyết trời nào đã  
cho.

Tú bà an ủi nàng Kiều.  
Lỡ chân trót đã vào đây,  
Khéo hương xuân, để đợi ngày đào  
non.  
Màn đầu tiên dập điệu lá gió  
cành chim.  
Lẵng xanh mèo rủ trướng đàm,  
Càng treo giá ngọc, càng cao phảm  
người !

Khi Thúc-kỳ-Tâm tìm viếng.  
Trướng tỏ giáp mặt hoa đàm,  
Vẽ não chưởng mạn, nét nảo chẳng  
ra !

Hai đàng thanh-khí tương đầu.  
Sớm đàm, tối mạn lán la,  
Trướng cùn trắng giờ sau ra đá vàng.  
Kiều cam chịu phép gia-hình,  
Phận đành, chi đám kêu oan,  
Đào quen quên má, liều tan-tắc  
mày.

Cuộc tình ái ấm áp của Kiều  
với Thúc Sinh.  
Mừng vui rực rỡ sớm cờ trưa,  
Đào đà phai thảm, sen vửa nẩy  
xanh,

Nỗi ghen giận ngầm-ngầm  
của Hoạn thư, nhưng bè ngoài  
tô vè.  
Buồng đàm khuya sớm thành thời,

## SƠ HOA ĐÀO

Ra vào một mực, nỗi curdi nhir  
không

Khi gió thu hiu-hắc Kiều  
thấy trăng mới nhớ tưởng  
Thúc-Sinh.

Đêm thu gib lọt song đao,  
Nhà vành trăng khuyết, ba sao  
giữa trời.

Kiều bị tẩm thuốc và bì bợn  
Ung-Khuyên bắt đi.

Vực ngay lên ngựa tức thì,  
Phòng đao, viễn sách, bốn bề lửa  
giọng.

Kiều sa vào Hoạn môn bị tối  
tàn khổ sở.

Xót cho đao-lý một cảnh,  
Một phen mưa gió tan tành một  
phen !

Khi Kiều bị lâm cảnh gió bụi  
lần nữa.

Chém cha cái số hoa đao,  
Gỡ ra, rồi lại buộc vào nhir chơi !

Từ Hải ngõ lời tâm phúc.

Bảy lâu nghe tiếng má đao,  
Mắt xanh chung để ai vào phái  
không ?

Lúc báo ân báo oán ngọn cờ  
đào phết-phói, rực-rỡ.

Ba quán trả ngọn cờ đao,  
Đạo ra vồ tích, đào vào Lâm truy.

Khi Hồi tôn Hiển ép duyên to  
cùng thò quan.

Nàng càng ủ liễu, phai đao,  
Trán phẫn, nào có phần nào phần  
tươi.

Nàng tuyệt vọng với cuộc  
tình éo-le cay-nghiệt.

Duyên đâu ai dứt tơ đao ?  
Nợ đâu ai đã dứt vào tay ?

Về sau chàng Kim viếng chõ  
cũ, nếm mùi thắt-vọng.

Trước sau nào thấy bóng người,  
Hoa đào uất ngoài còn curdi giỗ  
đóng.

Đến khi nàng Vân chấp môi  
tình duyên và mộng thấy nàng  
Kiều.

Phòng xuân tricing rù hoa đao,  
Nàng Vân nằm, bồng chiêm bao  
thấy nàng.

Chàng Kim Trọng trùng-phùng  
được Kiều nhưng vẫn  
chưa muộn.

Quả mai ba bảy đuờng vừa,  
Đao non sùm liệu xe tơ kịp thi.

Rốt cuộc đêm đến cảnh đoàn  
viên mặn mà.

Những từ sen ngó đao tơ,  
Muối làm nấm, mồi bảy giờ là  
đây.

Kiều từng trải cuộc sống  
long-dong mười lăm năm trời  
nhưng vẫn tươi đẹp.

Canh khuya bóc gầm rủ thao,  
Đuôi đèn tỏ rạng má đào thêm  
xuân.

Một câu khen ngợi phẩm  
chất cao cả của Kiều.

Cho hay thực nết chí cao,  
Phải người sùm mận tối đào nhir  
ai.

HOÀNG  
THẮNG

# Bạn tôi

## LẤY VỢ

Cứ nghĩ tới Hải tôi lại buồn cười, cố nhịn cười cũng không được. Anh rất nhát khi đứng trước các cô gái đẹp thế mà anh có thể yêu hai người: đẹp cùng trong một thời gian. Yêu say đắm, yêu mê mệt chứ không phải yêu hời hợt, miễn cưỡng. Thế mới lạ! Tôi thấy anh luôn luôn khóc sobs vì mỗi tình đầu với cô Minh hàng xóm cũng như bắn khoan, theo đuôi cô thâu ngân một tiệm tạp hóa lớn ở đường Lê-Lợi.

Tôi thấy cần phải nói rõ về tính nhát gái của anh. Anh thường bị các bạn thân cười mũi khi thấy anh run run trước một cô gái, lúc đó mặt anh đỏ gay

như mặt trời mọc lúc ban mai nơi biển cả.

Đã một lần, chúng tôi bàn nhau “ghẹo” Hải một “mách” cần thận, và cũng vì câu chuyện đó mà tính nết Hải đổi hẳn.

Sau khi thảo-luận kỹ càng để cho Hải vào tròng, Thảo — bạn tôi và cũng là bạn của Hải — dặn dò cô Mai — người yêu của anh, những điều cần thiết, chúng tôi bắt đầu đóng kịch. Chúng tôi đến nhà Hải dù anh đi chơi. Sau khi thả bộ dọc đường Lê-Lợi, chúng tôi đổi hướng ra bến Bạch-Đằng hóng mát.

Đang đi chợ Thảo dừng lại chỉ bằng đá trước mặt rồi thì thầm vào tai Hải:

## BẢN TÔI LẤY VỢ

— Cậu có nhìn thấy cô gái mặc áo màu xanh nhạt ngồi một mình ở băng đá kia không? Nàng ngồi nghiêm nên chỉ thấy một phần khuôn mặt của nàng, nhưng với chiếc sống mũi dọc dừa, trông cũng hay dấy chứ. Chắc nàng phải đẹp.

Tôi gật gù tán thưởng :

— Ủ, chắc là đẹp lắm.

Thảo đề nghị :

— Người đẹp ngồi một mình ở đây chắc chỉ có một việc là chờ người yêu dấy thôi, vậy chúng mình nên đến thay chân chàng ta đề nàng khỏi tủi vì chờ đợi.

Hải vội súa tay :

— Thôi thôi, làm thế mất âm đức đi.

Chúng tôi trao đổi nhanh một cái nhìn và cùng thầm nghĩ " Mất âm đức cái gì. Nói toẹt ra là sợ cho xong chuyện lại còn đạo đức giả cầy nữa ". Nhưng cả hai chúng tôi cùng không nói ra và tiếp tục diễn kịch.

Thảo đánh đòn tâm lý :

— Cậu thử nghĩ xem, một người con gái đẹp đi cô đơn trong đám đông người thì không sao, nhưng ngồi cô độc nơi « thiên thời địa lợi » cho những cuộc trao đổi yêu đương như đây thì tội

nghiệp cho nàng quá. Chúng ta cứ lại đi.

Nói xong Thảo kéo nhành Hải tới chỗ cô gái ngồi. Tôi cũng rảo bước theo. Nghe tiếng động, người con gái quay lại nhìn rồi nghiêm nét mặt nhìn ra bờ sông.

Thảo nói bô bô :

— Mỗi chân quá rồi các cậu ơi. Chúng mình ngồi nghỉ tạm nơi đây một chút đã.

Chẳng đợi xem có ai đồng ý không, Thảo ngồi luôn xuống ghế và kéo Hải ngồi xuống theo. Cô gái vội kéo tà áo lên rồi ngồi nhích ra đầu ghế. Chúng tôi nháy nhau khi thấy Hải ngồi thuận ra như đang nghe giáo sư giảng toán.

Thảo bảo tôi :

— Này Thuận ơi, cậu còn thuốc lá không ?

— Hết từ lúc nãy cơ mà, tôi trả lời Thảo.

— Nếu vậy chúng mình chạy đi kiếm xem, có hàng thuốc lá nào không đi.

Quay sang Hải anh tiếp :

— Hải ngồi chờ bọn mình một chút nhé.

Nghe thấy thế, Hải đứng dậy :

— Tôi... tôi cũng đi với.

Nhưng Thảo đã ăn tay Hải ngồi xuống rồi mỉm cười xã giao

## BẠN TÔI LẤY VỢ

với cô gái ngồi bên bạn anh :

— Chúng tôi xin gửi cô anh bạn tôi đây một lái, cô làm ơn giữ hộ. Chỗc nữa chúng tôi quay lại sẽ xin lánh về. Hải nó nhất lầm cô ạ.

Nghé Thảo giới thiệu “chết người” như vậy, mặt Hải đỏ bừng lên như nhuộm phàm.

Cô gái mỉm cười ý nhị rồi đáp lời rất tự nhiên :

— Vâng các anh cứ đi. Bạn của các anh vẫn còn nguyên vẹn.

Nghé cô gái bạo dạn nói thế, Hải càng ngượng chín người. Anh cắn chặt môi dưới, hàm bánh ra, bàn tay nắm chặt lại như muốn đập phá cho ell... bức.

Không thấy Hải nói gì, cô gái lân la hỏi chuyện :

— Tôi thấy anh có vẻ không được tự nhiên trước đàn bà. Tại sao thế ? Hay anh sợ ?

Hải ấp úng trả lời :

— Kh... ông... không... chỉ tại mấy thằng bạn tôi nó hay trêu tôi vậy thôi cô ạ, chứ tôi... tôi...

Cô gái chặn lời :

— Chứ anh không sợ, có phải không ?

Nàng đổi giọng :

— Em tự giới thiệu đê anh được rõ, em tên là Lê và là bạn của anh Thảo đấy.

Hải trợn tròn con mắt kính ngạc. Anh không ngờ câu chuyện lại chuyen-huong đột ngột đến thế.

Cô Lê tiếp lời :

— Vâng, em là bạn của anh Thảo. Anh Thảo và anh Thuận có nói cho em hay về anh và muốn nhờ em “dậy dỗ”. Nói thế anh đừng giận em và hai anh ấy vội, chứ dậy dỗ ở đây là khuyên anh cứ tự nhiên khi đứng trước một người con gái. Họ có làm gì anh đâu mà anh sợ. Nếu anh cứ rút rát, họ sẽ coi thường anh và mọi việc trên đường đời cũng sẽ chẳng được kết quả như ý muốn bắt nguồn từ những chuyện nhỏ mọn về người con gái.

Hải chăm chú nghe Lê thuyết phục như một tín đồ thành kính nghe giảng đạo.

Khi thấy chúng tôi trở lại, Lê đứng dậy vui vẻ nói :

— Xin trả lại hai anh anh Hải và em chắc rằng anh Hải bây giờ không giống anh Hải khi nãy đâu.

Có lẽ Lê đã nhận xét đúng. Ngay sau hôm đó, anh đã yêu ngay cô hàng xóm xinh đẹp, nhưng cũng tinh nghịch. Từ trước tới nay, thấy anh hay e lệ, cô Minh thường vẫn cười tít mắt chào hỏi anh, nếu không thấy anh

trả lời cô ta còn chạy theo gọi tên anh nữa.

Nay thì khác hẳn, sau buồi bị cô Lệ « lên lớp », Hải thấy mình không nên e dè trước cô gái láng giềng xinh đẹp nữa. Anh sang bên nhà cô Minh chơi, đây là lần đầu tiên anh bước vào nhà cô hàng xóm. Thấy Hải vào, cô Minh đang ngồi xem báo vội bỏ tờ báo xuống ngước nhìn anh ra chiều ngạc nhiên.

Hải thản nhiên nói :

— Thấy khách vào chơi mà cô Minh không tiếp ư ?

Nữ chủ nhân vội mỉm cười xin lỗi rồi mời Hải ngồi. Sau khi được biết hai ông bà già cô Minh đi vắng, Hải sung sướng đứng dậy hít không khí đầy piềng rồi lẹ làng nắm lấy tay cô Minh và nói nhanh :

— Minh, tôi đã yêu Minh từ lâu. Tôi mong rằng Minh sẽ không làm cho tôi đau khổ thất vọng vì mối tình đầu này. Tôi biết rằng Minh cũng mến tôi từ lâu nhưng vì chưa có hoàn cảnh thuận tiện để chúng ta thồ lộ tâm tình. Giờ đây Minh nói với tôi đi, Minh nói rằng Minh cũng yêu tôi...

Nói xong Hải cũng nhận thấy

mình nói rất trôi chảy và anh cũng tự ngạc nhiên hết sức. Riêng cô Minh cũng ngạc nhiên không kém. Cô nhíu đôi lông mày nhỏ một cách rất điệu, đôi môi mọng mím lại như suy nghĩ lời nói của Hải. Nàng chỉ ghế cho Hải ngồi xuống rồi dõng dạc hỏi anh như chủ khảo hỏi thí sinh vào vấn đáp :

— Anh Hải, anh nói thật với em đây chứ ?

I Hải mơ màng :

— Minh không tin tôi ư ? Tôi đã yêu Minh từ lâu rồi, khi già đình em mới dọn tới đây. Tôi đã từng mất ăn mất ngủ vì nụ cười, khoé mắt của em.

Tay Minh nắm lấy tay Hải. Anh cũng vội ủ tay mình lên tay nàng.

— Anh bảo anh yêu em từ lâu vậy tại sao mọi lần cứ trông thấy em là anh lại vội rảo bước như chạy trốn ? Nhưng mà thôi, đó là chuyện đã qua rồi. Anh à, em cũng rất sung sướng được anh đê ý tới em, yêu em. Còn như anh hỏi em có yêu anh không thì em hãy... xin khất anh đã nhé vì hiện nay em... chưa nghĩ đến điều đó.

Nếu có ai dội cả một thùng nước lạnh vào người Hải vào

một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, rết mướt anh cũng không ớn bằng câu nói vừa rồi đó. Trả lời như vậy khác nào bảo “em không yêu anh đâu”. Như vậy «lúa» rồi còn gì nữa.

Hài ấp úng hỏi lại Minh :  
— Tại... tại sao lại thế hả em?  
Hay là em chê anh nghèo?

Không thấy Minh trả lời  
nhưng nhìn thấy nàng hơi gật  
anh cũng nhận thấy số phận đen  
đủi của mình rồi.

Kè ra thì Hài cũng không giàu  
gì nhưng anh cũng chưa đến nỗi  
ngàn. Nhưng theo sự nhận xét  
của Minh thì anh vào «cõi» nghèo  
rồi.

Kè như là đã thất vọng anh  
không về nhà mà đi lang thang  
ngoài phố cho voi bót mối sầu  
thiên thu. Lúc này anh mới thật  
thông cảm với mấy vần thơ bắt  
hủ của thi sĩ Xuân-Diệu :

“Yêu là chết ở trong lòng một ắt,  
Vì mấy khi yêu mà đã được  
yêu”.

Cứ nghĩ đến chuyện thất bại  
anh lại thấy nhói nơi tim như  
bị người yêu cầm dao ngoáy vào  
vết thương lòng. Mắt hoa lên và  
một chút nữa thì vấp phải chiếc  
ô tô vừa phóng tới.

Kết ! Kết ! Tiếng phanh rít

lên. Anh chỉ còn kịp nhảy phóc  
lên hè và chiếc dây lưng... bị  
ứt đôi. Nguy hiểm ! Và cũng  
may làm sao !

Và cũng may làm sao khi anh  
nhìn thấy một tiệm tạp hóa ngay  
trước mặt. Anh vội chạy nhanh  
vào tiệm để mua một chiếc giày  
lưng khác, thay thế cho chiếc bị  
ứt đôi.

Khi ra quầy trả tiền, anh thấy  
một cô gái đang loay hoay viết  
những con số trong quyền sò. Dù  
nàng đang cúi xuống, nhưng với  
chiếc trán trắng, thoái mái, anh  
cũng cho là đẹp rồi. Tự nhiên  
anh thấy tim mình đập mạnh như  
lần anh thốt lời yêu đương cùng  
cô Minh.

— Một chiếc giày lưng ? Một  
trăm lẻ năm đồng... Ông có năm  
đồng lẻ chứ ?

—Ồ năm đồng lẻ thì anh có  
hắn đi rồi. Anh còn có một trái  
tim vỡ vụn vì thất vọng và nó lại  
bắt đầu thồn thức...

Hài vẫn đứng yên lặng trước  
quầy không trả lời, vì cô thâu  
ngân vẫn chưa ngắc đầu lên  
nhìn anh. Anh muốn được nghe  
giọng nói trong trẻo của cô ta  
một lần nữa nhưng dang sau anh  
còn có mấy người khách hàng  
đang chờ đợi tới lượt mình để

## BẠN TỎI LẤY VỢ

trả tiền. Anh dành trả tiền rồi bước đi mà lòng tiếc ngẩn ngơ. Chợt một ý kiến loé trong óc, anh vội quay nhanh trở lại. Anh chọn mua một chiếc giây lưng nữa rồi lại chồ quầy trả tiền.

Vẫn giọng nói cũ cất lên mà anh đang mong đợi.

— Một chiếc giây lưng? Một trăm lẻ năm đồng... Ông có năm đồng lẻ chứ?

Lần này thì anh không có tiền lẻ. Không có lại hóa may. Khi cô thâu ngân ngừng đầu lên thì... ôi! đôi mắt đẹp làm sao!

Trái tim Hải một lần nữa lại đập mạnh. Thế là anh đứng ngần người ra nhìn người đẹp quên cả trả tiền. Cô thâu ngân thấy thế vội mỉm cười e lệ.

Khi ra về, hình ảnh cô thâu ngân xinh đẹp cứ lần quẩn trước mắt anh. Và từ hôm sau, hôm sau nữa, anh lại tới nhà hàng. Anh mua bất cứ một thứ gì: áo sơ-mi, khăn tay, xà bông thơm, nước hoa, tất, miễn là có một thứ hàng trong tay để anh tới quầy tiền nghe giọng nói của người đẹp. Hải mua nhiều hàng quá rồi. Nếu anh muốn, anh có thể mở một tiệm bazaar nhỏ nhở rồi đấy. Kề cũng điện thật.

Cô Xuân — tên cô thâu ngân —

lúc đầu cũng không đề ý tới ông khách quý, nhưng lâu dần, lâu dần cô cũng phải chú ý tới. Cô cười rồi cô bắt chuyện:

— Hình như Ông mua hàng về... chơi?

Hải không biết trả lời thế nào cho xuôi dành gật đầu thú nhận. Cô thâu ngân đưa chiếc bút chỉ nguyễn từ lên môi cắn, đôi mí mắt chớp nhanh rồi khẽ hỏi:

— Anh đã yêu một người ở đây?

Được đà Hải nói nhanh như sợ sự can đảm của mình vụt biến mất.

— Tôi đã yêu cô, Xuân ạ.

Lần này Hải tin chắc mình sẽ thành công trên trận tuyến tình ái. Anh mân mê lọ nước hoa Tabu chờ đợi tiếng lòng. Nhưng đau khổ thay cho anh. Một bản từ hình nữa đã gắn vào đúng trái tim nứt rạn.

— Em cũng biết anh yêu em, nhưng anh ạ, em đã có bạn rồi. Chỉ độ hai tháng nữa là chúng em lấy nhau.

Lần này trời có nỗi cơn phong ba bão táp, đất có nứt toác ra cũng không làm anh giật mình kinh sợ bằng lời nói đó. Thôi thế là hết rồi.

Thế là :

«Tình duyên trôi thôi trôi cả  
mộng,  
Mộng tàn rồi hy vọng tan rồi..»  
(thơ trong Đồi Thông Hai Mộ).

Nhìn bộ mặt dâu dàu như đứa  
đám của anh, cô Xuân vội an ủi :

— Đừng buồn vì mối tình đặt  
không đúng chỗ anh à. Em cũng  
rất tiếc nhưng anh đã đến sau thì  
còn biết làm sao được. Thôi  
được, em sẽ vì anh em giới thiệu  
cho anh một cô bán hàng đẹp  
nhất ở đây, đẹp hơn cả em nữa.  
Cô ta là bạn thân của em đấy.  
Anh bằng lòng chứ.

Hải chỉ lắc đầu. Anh chẳng  
thiết gì bây giờ nữa.

— Bây giờ chúng ta coi nhau  
như bạn. Khi có đám cưới em  
sẽ mời anh tới dự tiệc mừng của  
chúng em.

Hải gật đầu rồi lặng lẽ quay  
về. Anh còn thoảng nghe thấy  
tiếng thở dài của cô Xuân.

Khi về qua nhà cô Minh,  
thoảng thấy Ông già cô ta đang  
ngồi uống nước, Hải tạt vào chơi.  
Lâu nay anh thường sang chơi  
đàm luận với ông cụ về thời thế,  
tình hình trong nước cũng như  
ngoại quốc và rất được ông cụ  
quý mến. Cứ nghĩ tới cô XUÂN  
anh lại thấy vui hẳn lên và anh đã

san bớt cái vui đó cho cô Minh.  
Anh coi như là đã quên chuyện  
cũ, Minh không yêu anh nữa, anh  
cũng không cần. Nhưng mỗi lần  
thấy Minh cười với mình anh lại  
rộn lên một niềm vui thích. Anh  
lại cảm thấy mình vẫn yêu Minh  
và yêu hơn trước cũng như anh  
vẫn hằng theo đuổi cô thâu ngân  
xinh đẹp.

Ông già cô Minh than thở với  
anh :

— Dạo này khan hiếm hàng  
quá. Sáng nay tôi phải lùng mãi  
mới kiếm mua được một chiếc  
áo Arrow. Họ còn nói dù đắt  
gấp đôi cũng không có nữa,

Đang buồn vì chuyện cô Xuân  
nên anh cũng từ từ không tiếp  
chuyện: Cô Minh cũng nói :

— Con nghe nói nước hoa  
không được nhập cảng nữa nên  
giá cũng đắt gấp đôi đấy ba à.

Nhìn người yêu cũ Hải chột  
nghĩ tới cái « kho » hàng của  
mình ở nhà. Vì cô thâu ngân mà  
anh đã phải dành riêng một căn  
phòng nhỏ để chất những hàng  
mua được. Bây giờ hàng khan,  
giá cao vọt lên, kho hàng của anh  
thành giá trị. Anh sẽ lời nhiều  
nếu anh đem bán đi và anh sẽ  
giàu. Giàu một cách thẳng thắn,

## BẠN TÔI LẤY VỢ

dàng hoàng vì anh có ý định tích trữ đầu cơ lâu.

Anh chợt nghĩ tới một câu trong kinh thư có dạy rằng : « Công tâm vi thượng, công thành vi hạ » nghĩa là phải đánh cái lòng người là thượng sách rồi mới tấn công vào thành trì sau. Vì một khi đã chinh phục được lòng người rồi thì việc hạ thành rất dễ. Anh chợt hiều thầm thía. Anh hớn hở nói :

— Nếu vậy mời ông sang bên nhà cháu, cháu xin biểu ông mấy chiếc dùng đở.

Không cần chú ý tới sự ngạc nhiên của ông già cô Minh, Hải quay về cô Minh nói thêm :

— Cả cô nőa, nếu cô cần thứ nước hoa nào tôi cũng có. Nuit de Chine, Chanel, Lanvin, hay Nuit de Noel chẳng hạn, tôi sẽ biểu cô một chai.

Cả hai bố con cô Minh ngạc như ở trên cung Trăng

rót xuống. Hải vội đứng dậy mời hai người sang nhà mình.

Chỉ dỗng sơ mi và « khu » nước hoa trong kho, anh thản nhiên nói :

— Đó, ông và cô muốn dùng thứ gì cũng có.

Ông già cô Minh thốt lên :

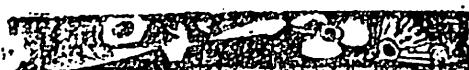
— Sao anh có nhiều thế? Chà, phen này anh giàu to rồi.

Cô Minh cũng ngạc nhiên không kém. Nàng reo lên như trẻ con được mẹ di chợ về cho quà :

— Trời, anh có nhiều nước hoa quá, lại có cả phẩn nước nőa này. Em đang tìm mua mãi mà không được.

... Các bạn cũng đoán được đoán kết rồi chứ?

« Bạn tôi đã chạy đi báo tin với cô bạn mới — cô Xuân thâu ngân — anh sắp lấy vợ và vợ chồng anh sẽ mở một tiệm tạp hóa nhỏ bán đủ mặt hàng như nơi tiệm của cô Xuân ».



## \* TOÁN GIỎI \*

Giờ toán, trong một lớp « bét », thầy giáo hỏi trò Năm.

— Mẹ bé cho bé hai chiếc kẹo lần đầu và lần thứ hai cho thêm ba chiếc nőa, vậy thì bé có mấy chiếc kẹo cả thảy?

Trò Năm :

— Thưa thầy, có bốn chiếc kẹo cả thảy.

Thầy giáo trợn mắt.

Trò Năm tiếp luôn :

— Đạ, vì bao giờ mẹ con cho con kẹo, con cũng dấu một chiếc để xin thêm một chiếc nőa là đủ.

# Một giờ với **SUJONO**

người thanh-niên  
NAM - DƯƠNG  
đi du lịch vòng  
quanh Thế - giới

\* NGUYỄN THU MINH

**V**ới mục đích tìm hiểu và giới thiệu các nước bạn cũng gây tinh thần hữu nghị 11-2-1960 vừa qua, sau khi nhận được lời mời của ông lãnh sự Nam-Dương, chúng tôi đã đến gặp ông Sujono, người đã đi vòng quanh thế giới vừa ghé Saigon hôm 10-2-1960.

Không cần phải nói nhiều, hẳn các bạn cũng như chúng tôi khi nghe tin : « có một thanh niên nước bạn du lịch vòng quanh



thế giới vừa ghé V. N. » đều có một ấn tượng tốt đẹp, một niềm vui mừng về kết quả mà người ấy đã đạt được, chứ chưa nói đến chuyện gấp gáp, lại càng mến phục hơn nữa.

Ông Sujono, người Nam-Dương, năm nay vừa được 30 tuổi, tuy còn thiếu năm tháng nữa, nước

## HÀNH NIÊN NAM ĐƯƠNG

da ngǎm-ngǎm, đeo kiếng trắng, dáng người không cao không thấp nghĩa là vào khoảng 1 thước 75, 76 gι đó.

Sau những lời xã giao thông thường, câu chuyện đang vui-vui với tôi cùng vài người bạn Việt-Nam chúng ta đến chào mừng, ông tươi cười nói với tôi :

— Tôi đến Saigon vào lúc 4 giờ 25 chiều 10-2 ông ạ, tính từ khi rời nước tôi đến nay vừa đúng 5 năm 6 tháng, và đã viếng qua các nước như : Singapour, Mã-lai, Thái-lan, Miến-diện, Ấn, Hồi-quốc, Afganistan, Ba tư, Irak, Syria, Liban, Jordanie, Arabic Séoudite, Somalie, Soudan, Ai-cập, Libya, Hy-lạp, Bulgarie, Nam tư, Ý, Thụy-sĩ, Áo, Đức, Lục-xâm-bảo, Bỉ, Pháp, Y-phania, Bồ-dào-nha, Ái-nhĩ-lan, Anh, Hòa-lan, Đan-mạch, Phần-lan, Thụy-diển, Na-uy, Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Mẽ-tây-cơ, Guatemala, Honduras, Siinvador, Nicaragua, Costa Rica, Panama, Colombia, Equator, Pérou, Bolivia, Chile, Argentine, Uruguay, Paraguay, Brésil, Cuba, Hawai, Nhật, Nga, Ba-lan, Tiệp, Hung, Lỗ, Thổ-nhĩ-kỳ, trở lại Án qua Thái-lan, Cao-miên và đến Việt-Nam.

— Sau thời gian ở Việt-Nam, ông còn dự tính đi nước nào khác nữa hay trở về nước thôi à ?

— Tôi còn qua Phi-luật-lan rồi mới trở về nước.

Giữa lúc đó, ông bạn tôi sau mấy cái gật-gật đầu hỏi tiếp :

— Xin lỗi ông, ông có thể cho chúng tôi biết sơ qua về mục đích của cuộc hành trình này không ạ ?

Ông Sujono với mỉm cười, nhẹ cười rất đầy duyên dáng, chỉ tiếc hôm ấy không có một thiếu nữ nào người Việt chúng ta cả, để đáp lại :

— Không ngoài mục đích viếng/tắm và gây cảm tình với các dân tộc trên thế giới, giữa người và người. Nhưng, người nước nào cũng đều giống nhau cả, đến đâu, tôi cũng được tiếp đón nồng hậu và giúp đỡ trên mọi phương diện trong công cuộc hành trình này của tôi.

Riêng về Việt-Nam không phải tôi nói để vị tình trước mặt các ông, chứ khi tôi vừa đến biên giới Việt-Nam thì liền được đồng bào quý ông tiếp đãi ăn cần lẩm, tôi có ghé vào một tiệm ăn, lúc đứng dậy trả tiền đè ra đi, họ

đã từ chối, không nhận khiếu tôi và cùng cảm động.

Qua một phút trầm ngâm đầy cảm tình, tôi hỏi :

— Ông có thể cho chúng tôi biết sơ qua những chuyện bay bay, là-lạ trong cuộc hành trình của ông không ? Nhất là về mặt tình cảm !

— Lúc ra đi, chúng tôi có cả thảy ba người, một người tên ABDULLAK, một người tên LAWALATA, và tôi. Cuộc đi đang vui vẻ, ấm cúng cho đến khi đặt chân tới Deustchdor thì dùng một cái, ông bạn LAWALATA của tôi, tuyên bố xin rút lui cuộc hành trình vô điều kiện để lập cuộc đời mới bên cạnh người thơ Đức quốc kiều diễm và ở luôn với nàng tại Đức. Thế là chúng tôi còn có hai, hy vọng hôm sớm có nhau, nhưng một thời gian, sau khi đến Hoa-thịnh-Đốn, ABDULLAK gặp một người đẹp Hoa-kỳ rồi cũng dành từ giã tôi để theo gương Lawalata mà ở luôn tại Mỹ với người yêu lý tưởng. Duy còn một mình tôi là còn đeo đuổi.

Tôi cười hỏi đùa :

— Ông vì quá kén chọn chứ

gi ? Liệu có hứa hẹn với người đẹp Việt-Nam nào của chúng tôi không ?

Ông Sujono tươi cười vội đáp:

— Tôi đâu có kén chọn cho cam. Ông nói vậy thì oan tôi quá, tôi không hy vọng gặp người đẹp của Việt-Nam...

Chúng tôi đồng nhau cười một cách vui vẻ, lì lợt. Ông Sujono lại tiếp :

— Còn mấy chuyện nữa là khi tôi đi qua sa mạc Sahara gặp bão cát, Suýt chết đói luôn ở đấy, vì bị lạc mất hướng, lại thêm lương thực đem theo tinh có ba ngày thôi, đằng này mất sáu ngày chưa tìm ra, nên bị đói ngất xỉu giữa sa mạc. May thay có người trông thấy, đưa về nhà cứu giúp. Tưởng thế là qua được nạn, nhưng không, đến Nam Mỹ tôi lại gặp một tai nạn thứ hai nữa là giữa đường núi cheo leo, khi trèo lên một đỉnh núi thì bị núi lở, lấp nhào xuống vực sâu đến chết giặc và gãy đầu gối mặt nằm liệt ở đấy đến hai ngày sau, gặp mọi Da Đỏ, họ liền đưa tôi về làng băng bó vết thương và cứu sống lại.

— Mạng ông thế là to lắm đấy ! Tôi đùa .

Sujono vẫn nụ cười niềm nở và khả ái :

— Vâng, mạng tôi còn “to” lắm. Ông tinh không to sao được, trong 5 năm tháng tôi xài mất 24 đôi giày cơ mà!

— Ông có thể cho biết tổng số ông đã di hết bao nhiêu ngàn cây số không? Và đi bằng phương tiện nào khác ngoài đi bộ không?

— Tổng cộng là 70.000 ngàn dặm anh. Trong đó đi chân hết 15 ngàn dặm anh, 4.000 đi xe đạp, 1.000 đi bằng lừa và lạc-dà khi qua các sa-mạc, còn thì đi nhờ các xe vận tải và máy bay...

Nhận thấy câu chuyện lời đây cũng đã khá lâu và làm mất thì giờ của ông cũng khá nhiều, nên tôi chỉ hỏi vài chuyện nữa như lưu trú ở Việt-Nam trong bao lâu và những nơi nào ông ta lưu

trú lâu nhất thì được ông cho biết ông ở lại Việt-Nam trong vòng một tuần lễ và muốn được tiếp xúc với các thanh niên Việt-Nam để tổ chức những buổi đi chơi xa cùng viếng những thắng cảnh của Việt-Nam. Còn những nơi ông lưu trú lâu nhất là ở Mỹ đến 8 tháng, ở Nga 2 tháng.

Về dự tính của ông sau khi về đến nước nhà, ông sẽ ra làm báo, viết sách, nhất là sẽ viết một cuốn sách nói về cuộc đi này của ông và hy vọng sẽ được dịch ra tiếng Đức và Mỹ để bán đi khắp thế giới...

Cuối cùng ông không quên nhở chúng tôi chuyên lời chào mừng và cảm ơn đồng bào Việt-Nam chúng ta đã tiếp đón, giúp đỡ ông trong những ngày lưu trú tại Việt-Nam.



## • MÃ TIỀN QUÁ MỨC

Một ông triệu-phú rất đỗi hào-liện, một hôm đi xe lửa ngồi toa hạng nhứt mà chỉ mua giấy hạng ba. Kiểm-soát-viên bắt ông trả đủ tiền giấy hạng nhứt. Ông không chịu. Hai người cãi lộn. Từ mình, kiềm-soát-viên xách va-li của ông định quăng xuống đường. Ông vội-vàng la lên :

— Ấy đừng! Có thằng con 5 tuổi của tôi ở trong va-li.

Ngã-ngã câu chuyện, thì ra ông ấy mua thêm một vé nữa cho con ông, nên ông dấu nó trong đồ hành-lý.

T. P.

*những đêm của cõi*

tại nhà

VICTOR HUGO

\* TÂN-PHONG

**A**I cũng biết rằng nhà Thi-hào Pháp, Victor Hugo, đã bị đày ra đảo Jersey của Anh-quốc, tháng 8 năm 1852; sau khi bị Pháp-Hoàng Napoléon III trực-xuất ra khỏi xứ, vì ông nhiệt-liệt phản-đổi chính-sách của hoàng-đế.

Ông ở trên hòn đảo bé nhỏ và buồn bã ấy trong 18 năm, cho đến năm 1870 Napoléon III bị sụp đổ, nhà Thờ mới trở về quê hương.

Trong thời-gian bị lưu-dở, Thi-sĩ ở thuê một căn nhà trước kia bỏ hoang, tên là *Marine Terrace*, hẻo lánh trên một cánh đồi tro-trụi, giữa chân trời mặt bể. Nơi mấy trang đầu quyển *William Shakespeare*, Thi-sĩ Victor Hugo có tả cảnh nhà đó thật là buồn-não, tiêu-diều, như một cảnh nhà ma. Tuy nhiên, thi-sĩ ở đó rất vui-vẻ với người yêu, cô Thư-ký Juliette Drouet của ông, và thỉnh thoảng bà

## NHỮNG ĐÊM CẦU CƠ

Victor Hugo cũng ra đảo để thăm... hai người, & chung một thời-gian rồi bà lại về.



Tại đảo JERSEY, và sau đó đi sang đảo GUERNSEY, Thi-sĩ Victor Hugo chỉ có hai công việc ham-mê suốt ngày đêm : làm thơ để xuất bản, và cầu Cơ gọi hồn ma về nói chuyện.

Các tài - liệu xác - thực về những đêm cầu Cơ của Victor Hugo, ông EDOUARD HERRIOT, ở Hòn-Lâm-Viện Pháp, có tìm được rất nhiều tại Thư-kho quận Saint-Lô & trên đảo. Các nhà văn ROGER VERCEL trong quyển « *Les îles anglo-normandes* », JEAN MISTLER trong « *Les Annales* », MAURICE LEVAILLANT trong « *Crise mystique de Victor Hugo* » đều có thuật lại rất thường tật.

Đầu tiên, hồi năm 1840, Victor Hugo đã học khoa thôi miên và có lần con trai của ông là François bị bệnh khó ngủ, ông đã dùng phép thôi-miên để cho cậu ngủ được. Năm 1847, Thi-sĩ có làm quen với một người lạ thường, tên là ALEXIS DIDER & Paris, đang được dân-chúng khâm phục vì chàng ta có cặp mắt « Thần-nhờn ». Một hôm Thi-sĩ

Victor Hugo gặp chàng ở nhà bà Bâ-tước de Saint - Mars. Thi-sĩ đang cầm trong tay một gói đà, gói kín bằng giấy dày, cột giấy nhợ thiết chắc và đã gắn xi. Victor Hugo hỏi chàng :

— Anh có thần-nhờn, vậy tôi hỏi anh có vật gì trong gói này ?

Alexis nghĩ một chút xíu, rồi trả lời ngay :

— Politique (Chính-trị.)

Quả nhiên, cái gói của Thi-sĩ đựng một quyển sách mà nhan đề là « Politique » !

Victor Hugo hết sức ngạc-nhiên và phục tài của Alexis Dider. Nhưng cuộc thí-nghiệm ấy, kể ra rất là tầm-thường, vì hiện nay, VIỆN THẦN - LINH-HỌC của Pháp, (Institut Mé-tapsychique de France) đã thí-nghiệm vô số những điều xác-thực còn linh - ứng hơn nhiều. Dù sao, hồi thời Victor Hugo, cách nay hơn 100 năm thôi, một sự tiết-lộ linh-nghiệm như thế cũng đã làm cho nhà Đại Thi-sĩ Victor Hugo cảm phục vô cùng.

Thế rồi một đêm, tại phòng khách trong căn nhà của Thi-sĩ, có một cuộc cầu Cơ, trên chiếc

bàn mặt chôn. Đó là đêm **11** tháng **9** năm **1853**.

Tôi xin thuật lại đêm cầu Cơ này, mà cả gia đình Thi sĩ đều cảm động rơi nước mắt, đúng theo tài liệu lấy trong quyển nhật-ký của Victor Hugo, và có ghi rõ trong quyển sách *"Crise mystique de Victor Hugo"* của MAURICE LEVAILLANT, và cả trong quyển *"Les tables tournantes de Jersey"* của GUSTAVE SIMON (1923).

Trước hết, chắc các bạn ai cũng đã học thuộc lòng bài thơ *"A Villequier"* của Victor Hugo, bài thơ kiệt-tác, vô cùng bi ai, vô cùng mãnh-liết, mà đọc lên ai cũng phải xúc-động. Chắc Bạn còn nhớ bài thơ khởi đầu bằng mấy câu :

*Maintenant que Paris, ses pavés et  
ses marbres,  
Et ses brumes, ses toits, sont  
bien loin de mes yeux,  
Maintenant que je suis sous les  
branches des arbres,  
Et que je puis songer à la beauté  
des cieux...*

... . . . . .

v.v...

Bài thơ ấy, Thi-sĩ Victor

Hugo khóc người con gái của ông, LÉOPOLDINE HUGO chết ở Villequier, với chồng.

Hôm ấy, Victor Hugo với người yêu là cô JULIETTE DROUET, thư ký của ông, rủ nhau đi chơi trên dãy núi Pyrénées. Lúc trở về Paris, hai người nghỉ chân ở làng Soubise, gần Rochefort, trong một tiệm cà-phê. Cô Juliette Drouet thay trên bàn nước có một tờ báo, *Le Charivari*, Cô lấy đưa cho ông coi. Bỗng dung ông tái mặt, choáng váng cả người rồi khóc òa lên : Juliette lấy tờ báo xem có chuyện chi, thì té ra báo ấy có đăng tin con gái của Thi-sĩ là Léopoldine và người chồng bơi thuyền trên sông Seine bị thuyền lật, cả hai đều chết chìm.

Chuyện đau đớn này đã xảy ra năm 1843. Và do đó Victor Hugo làm ra bài thơ tuyệt-tác : *A Villequier*.

10 năm sau, đúng ngày 4 tháng 9 năm 1853, ở Đảo Jersey bỗng dung Thi-sĩ nhở thương con gái, bồi-hồi đau xót.

Nhân tiện có một bà bạn già, Delphine de Girardin, ở Paris

## NHỮNG ĐÊM CẦU CƠ

vừa mới ra đảo Jersey ngày hôm trước để thăm Thi-si. Bà nầy biết cách thức cầu Cơ, (đang thịnh hành ở Paris) nên đề nghị tổ-chức thử một lần tại nhà Thi-si. Dự cuộc, có Victor Hugo, bà Hugo, cô Juliette Drouet, hai người con của ông là Charles và François Victor, bà bạn già Delphine de Girardin.

Nhưng đêm đầu, 6-9-1853, đặt Cơ trên chiếc bàn vuông bốn chun, cầu mãi không được. Đêm sau, đi mua chiếc bàn tròn một chân tại nhà một anh thợ mộc: Cầu Cơ cũng không thành. Ba đêm sau nữa cũng không được. Bỗng đêm 11, mọi người đều kinh ngạc. Chiếc Cơ đặt trên bàn tròn tự dừng nhúc-nhích. Chính Thi-si Victor Hugo hỏi:

— Ai đấy?

Có ba tiếng gõ trên mặt bàn tròn một chun, rồi Cơ chỉ từng chữ cái, ghép thành hai tiếng:

— *Fille morte* (con gái chết). Ai nấy đều tin rằng Léopoldine hiện hồn vía. Nhưng người con trai của Hugo, Charles, có mặt

ở đó, liền hỏi cho chắc chắn:

— Con gái đã chết, là ai?

Cô trả lời, một nửa bằng tiếng Pháp, một nửa bằng tiếng La-tinh:

— *Ame soror* (*Âme sœur*: hồn chị em).

Theo quyển nhật-ký của Thi-si Victor Hugo, thì nghe đến đây, không những ông, mà cả mấy người trong gia đình đều xúc cảm, rung rung nước mắt, muốn khóc hết. Thi-si Hugo cố nén lòng, để hỏi tiếp:

— Es-tu heureuse? (con có hạnh phúc không?)

— Oui. (có)

— Où es-tu? (con ở đâu?)

— Lumière (ánh-sáng)

— Que faut-il faire pour aller à toi? (Làm thế nào để đến gặp con?)

— Aimer (yêu)

Bà Girardin hỏi:

— Qui t'envoie? (Ai cho cháu về đây?)

— Bon Dieu (Thượng-Đế)

Chỉ nói có bấy nhiêu rồi hồn thiêng của con gái Thi-si biến mất.

Thi-si Victor Hugo gục đầu xuống bàn, khóc nức-nở.

(Kỳ sau tiếp)

CHÀ TÔI

# Ô. PHAN-KHÔI

\* PHAN THỊ MỸ-KHANH

Bà PHAN - THỊ MỸ-KHANH là con gái của ông Phan-Khôi, hồi thiếu-thời được ông cưng nhất. Hiện nay bà sống nơi đồng-áng, ở thôn Kỳ-Lý, quận Tam-Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Trong bài ký-ức sau đây, bà PHAN THỊ MỸ - KHANH ghi chép lại cả một thời dĩ-vãng mà bà được sống bên cạnh ông Thân-sinh, trong đó bà nhận-xét rất vô-lư và đầy-đủ về tính-tình và nhân-cách của nhà Văn-nho ấy. Chúng tôi xin thành-thật cảm ơn bà Phan Thị Mỹ Khanh đã gửi tài liệu rất có giá-trị này cho tạp-chí PHÒ-THÔNG.

N. V.

**T**i Ô I chỉ sống gần Thầy tôi (chúng tôi quen gọi cha bằng thầy) trong quãng thời gian myrồi một năm thôi, nhưng trong trí tôi giờ đây còn ghi không biết bao nhiêu kỷ-niệm, là hình ảnh của người yêu kính đã lặng ngũ bên kia bờ vĩ tuyến.

Tôi bắt đầu biết thầy tôi từ năm tôi đúng sáu tuổi. Không phải là từ năm sinh tôi ra đến năm ấy, Thầy tôi không bao giờ về nhà đâu, nhưng vì tôi còn bé quá mà mỗi năm Thầy tôi chỉ về ít hôm trong dịp Tết Nguyên đán rồi lại ra đi. Trí óc non nớt của tôi lúc bấy giờ không đủ nhớ một cách vội vàng dù chỉ là hình ảnh một người cha. Vì thế, năm tôi đúng sáu tuổi, tôi mới bắt đầu sống

chung với người đã có công như núi Thái-sơn sinh ra tôi, và cũng bắt đầu từ đây, tôi biết thế nào là tình cha con, dù cái biết ấy chỉ trong phạm vi một đứa trẻ.

Năm ấy là năm 1933. Thầy tôi đương làm cho tờ *Phụ-nữ Tân-Viện* ở Saigon với Ông Bà Bà Nguyễn - đức - Nhuận. Tôi không biết rõ về công việc của Thầy tôi lúc ấy trong tòa soạn là gì nữa, trợ bút hay chủ bút tôi cũng chẳng biết phân biệt, nên chỉ dùng một dòng từ rất mơ hồ là «làm báo». Thế theo lời một bức thư thầy tôi gửi về nhà, tháng sáu năm ấy Ông nội tôi cho phép Mẹ tôi đem các con vào Saigon «du-lịch», một chuyến. Hồi ấy chúng tôi cả thầy là bảy anh chị em nhưng chỉ đi theo Mẹ tôi có năm, còn ở lại hai. Trong số năm người con được đi chuyến ấy, có tôi. Đến đây tôi phải nói thêm rằng trong các con, cả trai lẫn gái, hình như bao giờ thầy tôi cũng thương yêu tôi nhất. Điều ấy về sau này khi lớn lên tôi mới nhận thấy, nhưng không hiểu rõ duyên cớ cho lắm. Tôi không phải bé út, vì sau tôi, còn hai đứa em nữa. Về học hành và hạnh kiểm, tôi cũng không có gì là vượt mức các anh chị em tôi. Nhưng cái điều mà người nhà quê hay nói, có lẽ đúng là tôi «hợp nhãn» với Thầy tôi.

Chúng tôi ở Saigon chơi được vài mươi ngày thì phải lo thu xếp trở về Quảng-Nam, vì ở nhà còn có tông lđi già yếu không ai săn sóc. Trong khoảng thời gian ngắn ở Saigon, Thầy tôi đã đưa chúng tôi đi xem các nơi thắng cảnh của «Hòn ngọc Viễn-động» thời bấy giờ, mà nay tôi còn nhớ mãi là Vườn Bách Thủ và häng Charner. Lại còn đi ăn chả cá, đi Học-môn thăm vị lương y Nguyễn-an-Cư nữa.

Mẹ tôi trở về Quảng với ba con, còn hai được ở lại với Thầy tôi: tôi và một người chị, lúc bấy giờ mới mười một tuổi. Tôi còn quên kè ở đoạn trên là trong chuyến đi ấy, Mẹ tôi dẫn vào cho Thầy tôi một người đàn bà với địa vị là nàng khăn sửa tráp cho Thầy tôi những khi người sống một mình nơi đất khách. Sau này, theo tôi biết đó là do lời yêu cầu của Thầy tôi. Thế là hai chị em tôi ở lại Saigon với bà «dì Sáu» mới là ấy. Nhưng rồi một tháng sau, dì cũng cuốn gói về Quảng vì dì đã không vừa ý Thầy tôi từ dung nhan cho đến lối cư xử. Nghe đâu dì ấy về có tìm đến Mẹ tôi khóc lóc, trình bày sự lạnh nhạt của Thầy tôi và xin rút lui về xứ.

Thế là chỉ còn tôi và chị N. Chị tuy còn bé thế mà đã tỏ ra đảm đang như người lớn. Hồi

ấy ba cha con ở một căn nhà  
kế chợ Tân-Định. Nhà ở lùi  
vào trong, đi ra phố phải qua  
một cái công dài. Chị N. mỗi  
bữa đi chợ rồi về nhà tự nấu  
nướng lấy, thế mà cơm hôm  
nào cũng được Thầy tôi khen  
ngon. Ngày hai buổi, Thầy tôi  
đến tòa Báo, chị em tôi ở nhà  
quán quýt lấy nhau. Chỉ đêm  
đêm, khi Thầy tôi nằm bên cạnh  
bàn đèn, chị tôi thích cảnh tôi,  
hồi hả tôi, tôi mới rón rén đến  
bên, vòng tay rụt rè thưa : « Thưa  
Thầy cho con và chị N. ra phố  
choi một chút ». Lần nào Thầy  
tôi cũng từ một tiếng to. Cái  
tiếng từ ấy, đến bây giờ tôi vẫn  
còn như nghe rõ bên tai, lúc  
nào cũng di theo một cử động  
riêng biệt của Thầy tôi, hoặc  
đang nằm lấy hai tay vòng dưới  
gối cất mạnh người ngồi dậy,  
hoặc với tay lấy bát nước chè  
uống vài hớp. Thế là chúng tôi  
đi chơi. Nói là đi chơi phố cho  
oai chứ thật ra chỉ lẩn quẩn  
cách nhà vài chục bước rồi lại  
vào vì chúng tôi bấy giờ ngồi  
nghêch, nhà quê chúa. Có một  
đêm, nghe hàng phố bảo đêm  
Noël, chúng tôi theo họ đi quá  
một chút. Đến trước một  
nhà thờ, tôi cũng không biết là  
nhà thờ nào, chúng tôi mãi say  
mê mẩn muôn ánh đèn rực rỡ  
như gần cả chung quanh  
ngôi nhà ấy, từ dưới đất lên nóc,  
nên quên cả về. Lúc đã về đến

trước cửa, chúng tôi rụt rè mãi,  
vì Thầy tôi tuy thương con  
nhưng nghiêm khắc lắm. May  
saو, Thầy tôi chỉ hỏi : « Tại  
sao hai con đi lâu hơn mọi  
hôm ? » Tôi có lý do, trả lời  
ngay : « - Đã, bữa ni Noël »  
Thầy tôi « à » một tiếng. Rồi  
thôi. Tình Thầy tôi vẫn ít nói  
chuyện thân mật với con, do  
đó chúng tôi lúc nào cũng hình  
như sợ hãi khi phải tiếp xúc  
với người. Giọng nói của Thầy  
tôi lúc nào cũng to, sang sảng  
và oai nghiêm. Tôi ít thấy ở  
mỗi người thốt ra một câu bông  
đùa, dù là với con nhỏ. Thầy  
tôi chẳng thắn, thường là rầy  
bất « từ » một ai không vừa ý  
người, « chẳng nè nang, vị tình  
vị nghĩa ai cả ». Cái tình ấy,  
chính chúng tôi làm con, gấp  
sự bộc lộ nhiều hơn cả và  
khi chung sống với Thầy tôi,  
chúng tôi có cảm tưởng mình  
đương bị dày ái trong một nơi  
khắc khô lắm. Nhưng đó là ý  
nghĩ thời thơ ấu. Sau này, riêng  
tôi, tôi rất cảm phục Thầy tôi.  
Mà, than ôi, khi hồn non này  
biết suy xét điều hay lẽ phải  
thì đã không được cùng người  
gần gũi, và nay người đã an  
giấc ngàn thu, tôi còn bao giờ  
được thấy sự khắc khô ấy để  
má cảm phục nữa !

Ngược lại, cũng có lúc Thầy  
tôi dịu dàng. Một hôm tôi được  
người cho phép cùng đến tòa soạn

chơi. Thầy tôi làm việc phòng trên gác nên tôi cũng theo lên. Bàn Thầy tôi ngồi giữa, chung quanh có kê hai dãy bàn giấy.

Thịnh linh, tôi ngồi giữa sàn gác mà đi tiểu tự nhiên như ở dưới đất. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy hỏi đó tôi không biết mắc cỡ và còn dại hơn trẻ con bây giờ nhiều. Tôi dại vì tôi không biết hỏi người lớn dẫn đi, vì lần đầu tiên lên trên lầu một tòa Báo, tôi cứ lính quýnh tim không ra nèo xuống để đi tiểu-tiện. Bà chủ-nhiệm nhìn tôi mà cười xòa. Thầy tôi cũng cười mà bảo tôi : « Chà, con làm ướt nhà bà rồi ! » Thế rồi thôi. Về nhà, tôi, cũng không hề bị la mắng gì nữa. Có lẽ vì tại tôi còn bé quá cũng nên.

Tết năm ấy, Thầy tôi đến chung tôi về Quảng.

Tháng mười một năm sau tức là năm 1934, cô tôi đưa tôi ra Hà-nội vì bấy giờ Thầy tôi viết cho tờ Phụ-Nữ Thời-Đám. Thế là lần này, tôi lại được hưởng « đặc ân » sống với Thầy tôi tại Hà-thành hoa lệ. Khi mới ra, Thầy tôi còn ở chung một nhà với cô tôi, là Bà Lê-Dư (1), nhưng sau lại thuê riêng một gian nhà bên cạnh, cũng ở phố Hàng Bông vì có thêm anh cả tôi ở học, và một người Quảng nấu ăn cho ba cha con. Ăn Tết tại Hà-nội xong, tôi được đi học vở lòng tại trường tư thục Hoài Đức. Tôi đi học như thế, lấy

lòng vui, vì ở nhà không có bạn. Thầy tôi thì nghiêm nghị, anh cả tôi thì trầm tĩnh, ít nói. Cả ngày, nếu tôi không sang chơi với con cô tôi thì lại lùi thủi với chú Ba, người Quảng làm bếp nấu ăn cho thầy tôi. Thành niên cũng ít người có tính tình như anh cả tôi. Anh ít nói, ít cười đến nỗi Thầy tôi cũng phải kêu. Nhìn anh, lầm khi cũng khó biết anh đương vui hay buồn, nhưng thật ra, anh tôi hiền, lầm. Chúng tôi, đứa nào cũng mến anh vì không khi nào anh la rầy đánh mắng em. Nhưng, giữa cha con có không khí lạnh lùng, một phần cũng vì tính tình của anh. Một hôm, ăn cơm xong, Thầy tôi bảo :

— « Con sao lạ quá, nó đối với mình như người dung. Hễ mình thấy nó ăn không được cơm thì hỏi han săn sóc nó, còn nó thấy mình thế nào cũng mặc kệ ! » Thế mà anh cũng chẳng nói chẳng rằng, thật đúng với cái danh hiệu « Phật » mà chúng tôi đã tặng cho anh vậy.

Trước khi tôi ra Hà-nội, Thầy tôi có kết duyên với một cô ở đào xóm Khâm Thiên, sau này thành vợ lẽ của Thầy tôi thật sự cho đến bây giờ. Thỉnh thoảng, vào buổi chiều, người thường cùng tôi đi xe tay xuống Khâm Thiên nói chuyện, nghe đàn hát

(1) Mẹ vợ Vũ-ngọc-Phan

rồi về. Cuộc tình duyên ấy cứ như thế kéo dài mãi cho đến năm 1935, Thầy tôi mới đưa dì ấy về ra mắt Mẹ tôi và gia đình.

Tôi đương ở Hà-nội, thì vào khoảng tháng 4 năm 1934, có giây thép ở quê nhà báo tin ông nội tôi đau nặng. Thế là Thầy tôi thu xếp về Quảng, đồng thời cũng thời giúp cho tờ P.N.T.Đ. Thầy tôi về nhà được mươi hôm, ông tôi vì mắc bệnh ung thư khò chĩa, từ trần vào ngày 12-4-1934.

Năm 1935, Thầy tôi viết cho tờ Trảng-An tại Huế. Lần này, tôi cũng có được ở với Thầy tôi, song chỉ trong thời gian non hai tháng, vì tôi đương học lớp tư tại quê nhà, dịp tôi ra Huế là dịp nghỉ hè. Nhà ở phố Gia-hội, thuê của vợ chồng ông chủ cũng tên Hội. Nhà ngăn làm hai: bên kia, vợ chồng ông Hội và mấy ông công chức còn trẻ tuổi, bên này, Thầy tôi, dì tôi và tôi. Một hôm, Thầy tôi vắng nhà, bà Hội sang rủ tôi đi chơi về một miền quê hình như An-Cựu thì phải. Tôi thích quá, nói với dì tôi rồi ra đi lỏng hân hoan vì được đạo chơi đây đó. Nhưng chiều đến, về nhà là cả một sự sợ hãi. Thầy tôi gọi lên bên cạnh bàn đèn, bắt quì vì tôi đi chơi lung lạc, không xin phép. Tôi úa nước mắt mà không dám khóc, vừa quí vừa cùi đầu, không hề ngoặc mặt lên nhìn trộm Thầy tôi. Một chốc, có tiếng Thầy tôi nói như

truyền lệnh: « Thôi, Thầy tha cho đó ! » Tôi đứng dậy, rón rén lùi xuống bếp.

Năm 1936, Thầy tôi sáng lập tờ Sông-Hương. Tôi vì đương bận theo học trường quê nhà thành ra chưa có dịp trở lại Huế mà Sông-Hương đã chết. Thầy tôi lại thu xếp về quê, tạm lánh cuộc đời bôn tầu với nợ văn chương, sống như một kẽ ẩn-sĩ. Nhưng rồi cái chân hay đi không dừng một chỗ được, khi nó còn muốn đi nữa. Thầy tôi lại là giáo sư Việt-Văn cho trường Chánh-Thanh Saigon, cho đến năm 1941, khi rục rịch phong trào Nhật, người mới lại về quê nhà. Lần này bà dì người Bắc của tôi sinh được em trai, đầu lòng của dì mà là con thứ 9 của thầy tôi.

Từ đây, Thầy tôi bắt đầu sống gần gũi chúng tôi hơn cả. Tôi có dịp tiếp xúc người, hiểu người nhiều hơn đề ngày nay có thể ngồi viết nên trang ký ức này. Chao ôi ! Tôi muốn kêu to lên rằng: « Thầy ơi, con muốn sống trở lại thời xưa cũ ».

Năm 1942, sau khi học xong lớp đệ nhị ban Trung học, tôi từ gã ghế nhà trường vì nền kinh tế gia đình không vững nữa. Tôi tuy còn luyến tiếc sự học song bản tính rụt rè, lại từ lâu uốn nắn trong khuôn khổ giáo dục nghiêm khắc của Thầy tôi, nên không dám tỏ bày ý kiến mình, chỉ biết cùi đầu vàng dạ xuối mà thôi.

## CHA TÔI ÔNG PHAN KHÔI

Một hôm, Thầy tôi bảo chúng tôi — tôi và một đứa em gái vừa đỗ Tiêu học — phải học một ít Hán văn nữa. Thầy tôi nói : «— Nhà ta vốn thanh bạch, Thầy chẳng có gì để lại làm vốn cho các con sau này, chỉ muốn đem một ít chữ nghĩa dạy các con thôi, vì chữ nghĩa sẽ giúp các con nhiều về sau, nhất là chữ Hán. Em tôi nghĩ gì, tôi không biết chữ riêng tôi, tôi cho đó là một dịp may hiếm có lắm và là một điều thích thú nhất vì chỉ ham học săn có của tôi. Hồi ấy tuy đã mười sáu tuổi, cái tuổi cập kê, dáng lý ra tôi phải học ăn học nói, học gói học mở, theo nề nếp con gái nhà nho giáo để rồi về làm đầu tiên hạ, trái lại tôi rất chênh mang vẫn đè trên, mà chỉ thích xem sách, báo, tiêu-thuyết. Cả chuyện kiêm hiệp tôi cũng chẳng từ. Tôi ham mê nhiều khi quên cả công việc trong bếp, quên cả ăn nữa. Thầy tôi chẳng hề mang tôi điều ấy. Duy có mạ tôi và các chị thỉnh thoảng cũng «chỉnh» tôi vì cái lý do rất dễ hiểu là sợ tôi hư hỏng, sau này về nhà người ta làm đầu thì rầy rà lắn.

Vì vậy, «được lời như cởi tấm lòng», tôi hăng hái cứ đêm đêm (Thầy tôi chỉ dạy ban đêm; ban ngày thì giờ chúng tôi bận dệt vải) ngồi một bên bộ ván, cạnh khay đèn thuốc phiện, nghe

Thầy tôi giảng giải. Phương pháp dạy của Thầy tôi rất giản dị : người viết bằng ngòi bút sắt vào những trang vở giấy tay một bài học, rồi bắt chúng tôi đọc theo và sau cùng người cắt nghĩa từ chữ rồi từ câu.

Trong khi dạy chúng tôi người chỉ dùng cái miệng còn hai tay chỉ để dùng vào cái, việc cần thiết của người : lúc thì đưa mũi tiêm lên ngọn đèn, lúc thì lăn lăn nó nhanh thoăn thoắt trên cái mặt tàu. Nhưng lúc người quay cái đầu dọc tàu vào miệng và cái tiếng ro ro trầm buông dang kéo dài, là tiếng nói người hoàn toàn im bặt. Chúng tôi cũng lặng im, đợi cái phút mà từ hai lỗ mũi người bay ra hai jan khói xanh quyện vào nhau rồi tan mác trên không, người bắt đầu giảng tiếp. Các cử động của người vẫn được tôi say mê nhìn như thế trong hàng giờ và đã từ lâu lắm, nên mãi đến ngày nay có gần hai mươi năm qua, tôi vẫn hình dung được.

Đầu tiên, Thầy tôi dạy bộ «*Tân quốc văn*» của Tàu, rồi *Tam tự Kinh*, *Châu bá Lư trị gia cách ngôn*, các bài thơ Đỗ-Phủ, Lý-Bạch, Bạch cư Dị... Tôi thích nhất là khi giảng nghĩa rồi, Thầy tôi bắt đầu ngâm lại toàn bài những bài thơ hay ho ấy. Không hiểu sao, tôi mê những câu :

## CHÀ TÔI ÔNG PHAN KHÔI

*Thực giang thủy bích Thực sơn  
thanh,*

*Thánh chúa triều triều mồ mồ  
tinh ;  
và ;*

*Oan ương ngoã lành sương hoa  
trọng*

*Phi thủy khám hàn thủy giữ  
cộng...*

(Trong bài *Trưởng hạn ca*)  
tả nỗi lòng của Đường minh  
Hoàng nhớ nàng Dương quý  
Phi.

Thầy chúng tôi học chầu và  
chóng kết quả, Thầy tôi rất  
bằng lòng. Nhưng tiếc thay ước

vọng của con người và chí  
nguyễn của tôi nữa chừng dành  
bỏ dở vì lúc sau này người cai  
thuộc phiện và bị đau ôm luộn  
trong mấy tháng trời, không còn  
dù sức dậy nữa. Rồi hai năm  
qua, vắng lời Thầy tôi, tôi xuất  
giá. Thế là hết. Hồi trưởng lại  
việc ngày xưa, tôi thấy tôi đã  
yếu ớt và dại dột vô cùng. Tại  
sao với một người cha chủ  
trọng đến tương lai con cái như  
Thầy tôi — chúng tôi nghĩ thế —  
đã khiến chúng tôi nên rụt rè,  
sợ hãi khi phải trình bày một  
diều gì khác ý kiến người.

(Còn nữa)



## \* HAI THỨ LƯƠNG

### ÔNG THANH TRA :

Thầy dạy giỏi lắm ! có lương tâm lắm ! vậy trước khi tôi và  
tình thầy có điều gì thắc mắc muốn trình bày với tôi không ?

### THẦY GIÁO :

Thưa ông thanh tra, tôi có một điều thắc mắc về việc lương.  
Trong khi các thầy giáo khác được hai thứ lương thì tôi chỉ có  
được một thứ.

### ÔNG THANH TRA (ngạc nhiên) :

Sao lại hai thứ lương ?

### THẦY GIÁO :

Thưa ông thanh tra, hai thứ lương ấy là lương tiền và lương tâm à

### ÔNG THANH TRA :

Tế thì thầy cũng có đủ cả hai thứ rồi chứ gì ? Tôi xem thầy dạy  
như thế là có lương tâm nhiều rồi.

### THẦY GIÁO :

Vâng, nhưng tôi chỉ có độc một thứ lương tâm, còn lương tiền  
thì không có vì tôi dạy theo lời yêu cầu của dân làng mà thôi.

TRẦN VIỆT-TRINH



## ĐÊ KẾT-THÚC CHƯƠNG MỘT ★ NGUYỄN-VŨ

**N**HƯ dã nói từ lúc khởi  
đăng loạt bài này, tôi chỉ  
có ý định trình bày cùng quý Bạn  
một chứng dẫn của thời  
đại vừa qua, thòi đại mà tôi  
đã được may - mắn sống chung-  
đụng cùng một số các bạn làng  
Văn ở Bắc-Việt.

Nếu hiện nay các bạn ấy còn  
sống đông đủ ở Miền Nam, thì  
loạt bài này rất là vô ích, hoặc  
chưa hợp thời.

Nhưng, than ôi, một số rất đông

đã là nạn - nhân của mười năm  
chiến-cuộc vừa qua ! Nhiều bạn  
đã chết hoặc vì súng đạn, gươm  
đao, hoặc vì bệnh hoạn. Nhiều  
bạn còn sống nhưng chúng ta  
không sao gặp lại được nữa, vì  
một đường ranh máu đã rạch đôi  
Non Nước Lạc-Hồng.

Kẻ ngồi chép lại những ký-ức  
này may mắn còn sống ở Miền  
Nam nước Việt, cùng với một  
số bạn cũ rất hiềm-hoi không quá  
năm bảy người.<sup>1</sup>

Các bạn kia đã mất, tuy vậy, còn để lại cho Thế-hệ ngày nay một danh thơm với ít nhiều di - sản quý báu : Thơ, tiểu-thuyết, chuyện ngắn, khảo-cứu, phê-bình... Một số đông các bạn ngày nay đang thừa hưởng gia - tài văn-học ấy, muốn bảo tôi, là một kẻ sống sót, kè lại chút ít kỷ-niệm của hồi nào. Thè theo ý muốn của các bạn, và nhớ lại các bạn xưa, (20 năm, nay đã xưa rồi !) tôi cầm bút chép loạt bài này với tất cả nhiệt-thành lưu luyến của một kẻ đã ở, đã thấy, đã sống... Một kẻ làm chứng của thời đại đã qua, không hờn, không kém.

Cho nên tôi chỉ viết một quyển 'HỒI-KÝ', gồm toàn những ký-ức xác-thực, trong đó dù tác-giả muốn gạt bỏ cái thằng-tôi khà-ő này ra ngoài cũng không làm sao được, chính vì lẽ đây là một quyển Hồi-ký cũng như tất cả những hồi-ký của bất-cứ tác-giả nào ở bất-cứ nước nào từ xưa đến nay.

Một vài bạn đọc phê-bình rằng không nên nói đến chữ « tôi », vì chữ « tôi » là khà-ő. Nếu các bạn ấy đọc các quyển hồi-ký, các « mémoires » của hầu hết các Văn-sĩ, Nữ-sĩ Ngoại-quốc và các nhân vật trong các giới khác của Âu-Mỹ và Á-Đông, — có đến hàng muôn vạn quyển, — thì chắc là các

bạn cho các tác - giả kia đều là « khà-ő » hết sao ?

Nếu vậy thì Descartes, J.J. Rousseau, Chateaubriand, Mme de Staël, Pierre Mille, Gœthe, Dostoevsky, Lamartine, D'Annunzio, Rabindranath Tagore, Gandhi, Nguyễn - khắc - Hiếu, v.v. « nói dốc » biết bao nhiêu ! « Khà-ő » biết bao nhiêu ! Đó là chỉ kè năm bảy người ở Âu-Á đe dọa chúng mà thôi. Trong Văn-học sử Đông-Tây kim-cô còn hàng nghìn hàng vạn quyển « Hồi-ký về đời sống cá-nhân » của mỗi nhà Văn, nhà Thơ, nhà Chính-trị, nhà kỹ-nghệ, nhà nghệ-sĩ, nhà Thể-Thao, Nhạc-sĩ, Bác-sĩ, Luật-sư, v.v... đọc sao cho xiết ! Và những quyển hồi-ký của « cái tôi » ấy bồ-ích xiết bao cho sự học-hỏi của đoàn hậu-sinh chúng ta ngày nay !

Huống chi, trong quyển « Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền-Chiến », cái thằng tôi rất tăm thường này chỉ nhắc lại một vài mẩu chuyện về đời sống của các bạn làng Văn Tiền-Chiến, kè lại một vài ký-ức riêng của nó với các Văn-sĩ Thi-sĩ kia, theo những chuyện nó biết, đe các bạn càng hiểu họ hơn. Vậy mà có một vài bạn không bằng lòng cái thằng tôi ấy, vậy thì bảo

nó làm thế nào cho vừa lòng các bạn được?

Tôi đã thú thật rằng tôi viết loạt bài « Thi-sĩ Văn-sĩ Tiền-Chiến » là theo lời yêu-cầu của một số đồng bạn đọc thân-mến của *Phò-Thông Tạp-Chí* muốn biết thêm chút ít về các Văn-sĩ của thời vừa qua. Đến nay, chương Một của tập *Hồi-ký* này chấm dứt, tôi đã nhận được rất nhiều thư của quý Bạn bày tỏ cảm-tình. Tôi xin cảm ơn. Nhưng tôi cũng có nhận được một hai bức thư của vài bạn học-sinh chỉ trích theo như tôi đã trình bày thẳng-thắn trên kia. Tôi cũng cảm ơn các bạn ấy, vì các bạn đã cho tôi cơ-hội để minh-xác một quan-diểm văn - học, chung của tất cả các văn - học-sử Thế-giới.

Nhiều bạn lại muốn tôi viết nhiều hơn, như nói cả ngày sinh tháng đẻ và quê-quán, đời tư của các văn Thi-sĩ Tiền chiến, trong đó các bạn muốn tôi nói cả về đời sống của tôi nữa. Nhưng tôi không thể làm công việc ấy được vì tôi xin nhắc lại một lần nữa: đây là một quyền *Hồi - Ký* về *Văn Thi-Sĩ Tiền - Chiến*, chứ không phải một quyền *Văn - Học - Sử*. Quyền « *Văn - chương* và *Tư*

*Tưởng Việt-Nam*, qua các Thời đại » đã khởi đăng được bốn năm kỵ trong tạp-chí này, đó mới là một quyền Văn - Học Sử. Trong quyền này, dĩ nhiên là tác giả sẽ hoàn-toàn đúng về phương diện nhận xét các tính - chất của lịch-sử tiến-triển của văn-chương và tư-tưởng Việt - Nam, không có xen vào những ký-ức cá-nhân. Còn đã viết *Hồi - Ký* thì không làm công việc tham-kảo tài-liệu lịch sử được.

Văn-Sí Thi-Sĩ của Việt-Nam hồi Tiền - chiến còn đông lắm. Nhưng tôi chỉ nhắc đến 18 người là những người mà tôi đã hiểu, biết nhiều, hoặc chơi khá thân, hoặc tiếp-xúc khá lâu. Còn nhiều bạn khác rất quen mặt, quen tên, nhưng vì ít có dịp gần-gũi, thân-thiện, nên tôi không thể nói đến.

Những anh bạn rất đáng mến như NGUYỄN - ĐỨC - QUỲNH, THÂM - TÂM, ĐÁI - ĐỨC-TUẤN (TchyA), NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, TAM-LANG v.v... vẫn thường gặp nhau luôn, nhưng ít có dịp chơi chung với nhau, hoặc ăn chung, ngủ chung, hoặc cùng nhau trò chuyện dong-dài, lang thang đây đó, nên tôi không biết gì nhiều về các anh ấy.

Bạn học cũ của tôi ở Trung-Việt như QUÁCH-TÂN, hoặc quen biết một dời lần như CHÉ-LAN-VIÊN, HÀN-MẶC-TỬ, tôi cũng không biết viết gì được về các anh, vì kẻ ở Bắc người ở Trung, xa-xôi muôn dặm, có được tiếp xúc với nhau mấy khi đâu.

Một trường-hợp đặc-biệt nhứt là anh LÊ-VĂN-SIÊU. Chúng tôi quen với nhau lâu lắm, chơi với nhau rất thân, có thè nói chúng tôi là bộ ba, vì Lê-văn-Siêu là bạn thân của TRƯƠNG-TÚU (cùng trường kỹ-nghệ Hải-phòng, và do Trương-Túu mà tôi thân với anh,) nhưng suốt thời gian gần gũi với nhau ở Hà-Nội Lê-văn-Siêu không hề có viết văn bao giờ. Anh không hề nói đến văn-chương. Xuất thân ở trường kỹ-nghệ Hải-Phòng, anh về Hà-Nội mở tiệm bán đồ thêu rồi anh buôn bán các thứ khác, bị lỗ lả thất-bại luôn luôn. Anh là người rất tốt, tính-tình rất hiền lành vui-vẻ, và khéo xoay-xở buôn bán, nhưng bị xui-xẻo trong các việc sinh kế, làm đâu hỏng đó, chật-vật quanh năm.

Bỗng dưng từ khi anh vào Saigon anh viết văn. Lần đầu tiên tình-cờ tôi thấy ở một tiệm sách

Saigon có bán một quyển sách về σ Vă̄n Hoc Việt-Nam dời nhà Lý” của Lê-văn-Siêu, tôi hết súc ngac-nhiên. Đến dời tôi cứ tưởng là một Lê-văn-Siêu nào khác. Té ra chính là anh bạn Lê-văn-Siêu của tôi thật !

Thành thử, Lê-văn-Siêu là người của thời Tiền-chiến, mà lại thành ra nhà Văn của thời Hậu-chiến !



Muốn có những chứng-dẫn đầy đủ về tình-hình tòng-quát của Văn-hoc Việt-Nam từ 1930 đến 1945, tôi sẽ nói đến, trong mấy chương sau, một số anh em ký-giả chuyên nghề viết báo, những anh bạn mà tôi quen biết nhiều như LÊ-TRÀNG-KIỀU, THƯỢNG-SÝ, TIÊU-VIÊN NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH, HOÀNG-TÍCH-CHU, BÙI-NGỌC-ÁI, TRẦN-HUY-LIỆU, TÔN-THẮT-BÌNH, v.v... và các ông CHỦ-BÁO. Ngoài ra, tôi sẽ nói đến các nhà Xuất-bản .dối-với các nhà văn như thế nào, như NAM-KÝ, VŨ-ĐÌNH-LONG, (TÂN-DÂN) MINH-PHƯỢNG, LÊ-CƯỜNG, BẢO-NGỌC, v.v...

Quý Bạn thân-mến sẽ đọc kế tiếp từ số sau, trong mục này :

\* CHƯƠNG HAI

1.— Đời sống tinh-thần và vật chất của các Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền-chiến.

2.— Các nhà xuất-bản.

\* CHƯƠNG BA

1.— Các Ký-giả.

2.— Các Chủ-Báo.

\* CHƯƠNG BỐN

1.— Chút ít kinh-nghiệm trong

• Làng Văn : Phương - diện tâm lý và phương diện thực-tế.

\* CHƯƠNG NĂM

1.— So-sánh giá-trị của Nhà Văn Việt-Nam hồi tiền chiến và Nhà Văn ngoại-quốc.

2.— Công-chúng Việt - Nam. hồi Tiền - chiến đối với các nhà Văn.

3.— Vinh và Nhục của nhà Văn Việt-Nam.

\* CHƯƠNG SÁU

Kết-luận : Dĩ-vãng, Hiện-tại, và Tương-lai.



\* NHÀ THI-HÀO BỰC NHỨT CỦA THẾ-GIỚI

*Thi-sĩ Gabriela d' Annunzio* của nước Ý là một nhà Thor có tiếng tăm lừng lẫy khắp Thế-giới. Điều đó, ai cũng biết. Nhưng ông là người kiêu-hanh nhứt Thế-giới, và điều đó ai cũng biết. Một hôm, có một bức thư từ bên Mexique gởi đến ông, đề ngoài phong-bì chỉ có hai câu như sau đây :

Kính gởi ông Gabriela d'Annunzio,

Nhà Thi-hào bực nhặt nước Ý.

*Khi người phát thơ đem đến ông phong thư ấy, ông từ chối, bảo :*

— *D'Annunzio không phải là nhà Thi-hào bực nhặt của nước Ý.*

*Anh phát thư trả mắt ngó ông. Ông trả mắt ngó lại anh :*

— *D'Annunzio là nhà Thi-hào bực nhặt của Thế-giới.*

*Rồi ông không nhận bức thư.*

MỸ-HỒNG-CÚC

Vai nhạn xét về Văn-Hóa và

## Văn-tự Nhựt-Bồn<sup>(1)</sup>

\* Tsuyoshi SUGIYAMA

Cử-nhơn Văn-chương, Giáo-sư  
Đại-học Osaka (Nhựt-Bồn)

**T**HƯA quý Bạn, mấy tháng trước đây tôi có đọc một quyển sách do một người Pháp viết, nhan đề là « *J'ai vu vivre le Japon* », và tôi đã thấy trong đó có nhiều lời khen tặng nước Nhựt, khiến tôi rất lấy làm vinh-hạnh.

Nhưng người Pháp ấy cũng không quên quan-sát với cặp mắt của một nhà phê-bình nghiêm-khắc. Ông ấy hỏi ý-kiến của một ký-giả Trung-Hoa ở Hồng Kông về nước Nhựt thì theo ông người nhà báo Trung-Hoa đã nói như sau đây : « Nước Nhựt bốn là gì ? — Là chẳng có gì cả. Hết thảy những cái gì của Nhựt bốn mà người ngoại-quốc trầm trồ khen-ngợi, đều là

bất churc của ngoại-bang, nhứt là của Trung Hoa. Chữ viết của Nhựt làm cho hắp dân người ngoại-quốc chỉ là mượn lối viết của chữ Tàu và tráo-đổi, biến-hóa, từ Thể-kỷ thứ VI. Kiến-trúc và các mĩ-thuật của Nhựt cũng không phải là của người bốn-xứ. Nói về đồ ăn, lúa gạo và tào-hủ cũng là nhập-cảng từ bên Trung-quốc qua. Còn như các tiễn-bộ về co-khí và đời sống thực-tế của Nhựt, bốn hiện nay, chẳng qua là bất

1) Bài này, đã diễn thuyết bằng tiếng Pháp, tại Pháp-văn đồng-minh Hội, và bản Việt-ngữ dành riêng đăng trong tạp-chí Phổ-Thông, Việt-nam.

chước theo Âu - Mỹ mà thôi. Người ngoại - quốc tìm thấy ở Nhựt các máy ảnh của Đức, các máy vô-tuyến-diện và vô số các dụng cụ bằng điện của Mỹ, rượu Whisky của Úc-cốt, rượu Vin của Pháp, Sô-cô-la của Thụy-sĩ, hết thảy đều làm dưới nhân-hiệu Nhựt, và bán với giá rẻ-rẻ bởi vì nhân-công rất hạ. Như vậy thì người Nhựt có gì hay, giỏi đâu ? Trước hết chỉ là một tánh tò-mò thích thú về các sự vật, khiếu cho người Nhựt muốn tìm hiểu mọi thứ, học-hỏi, thu-nạp, đồng-hóa. Rồi nhờ họ rất can đảm, rất khinh ghét sự lười biếng. Tóm lại, họ là những người thợ sáng-suốt, tận-tụy, nhưng không có ý-thức về giới-hạn khả năng của họ. Lịch-sử đã chứng tỏ điều đó.

Đó là ý-kien không phải của một người nhà báo Trung Hoa & Hong Kong mà là của nhiều người ngoại quốc bước chân đến Nhựt-Bản.

Tôi thành - thực nhìn nhận rằng những lời nhận-rết trên kia có chứa đựng nhiều sự thật. Nếu tôi không phải là người Nhựt, tôi cũng sẽ công - kích nước Nhựt như người ký - giả

Trung Hoa kia, và tôi cũng sẽ hỏi : « Nước Nhựt bốn là gì ? Cái gì là riêng-biệt của Nhựt bốn ? Cái gì là đặc - tính của Nhựt-bốn đâu ? v.v... » Nhưng, bởi tôi là người Nhựt, nên tôi thấy rằng ý-kien trên kia, dù cho là xác - đáng và hấp - dẫn đi chăng nữa, cũng có hơi sai-lầm, tương - đối với ý-nghĩa của danh từ « đặc - tính ».

Đành rằng Nhựt - bốn không phải một nước đã có một Lịch - sử lâu đời thăm - nhuần một nền văn-minh cổ xưa như Hy-Lạp, Ai-cập, Án-dô, Trung-Hoa, v.v... Nhưng nếu người ta dùng danh-từ « đặc - tính » theo nghĩa đen của nó, thì chắc chắn là người ta phải đi đến kết - luận rằng trên tất cả Thế-giới này, có dân-tộc nào là có những « đặc - tính » không ?

Khi một quốc - gia tiếp - xúc với một quốc - gia khác, hùng - cường hơn và văn-minh hơn, thì lẽ dĩ-nhiên là quốc - gia kia sẽ bị ảnh-hưởng của quốc - gia này. Lịch-sử nhân - loại đã cho ta nhiều thí-dụ về hiện - tượng ấy, mà người ta có thể so-sánh như giòng nước từ trên chảy trút xuống.

Nhưng cần phải biết một xú bị ảnh - hưởng như thế sẽ có ở trong tình trạng lè - thuộc mãi chǎng, mặc dù xú ấy đã hǎp-thụ được văn-hóa hất đồng kia ? Cần phải biết khi một quốc-gia đã bị sức mạnh của một giòng văn-hóa cao hơn trút ngập xuồng nó, thì nó sẽ mất hết những ưu-diểm đặc tính của nó chǎng ?

Tôi tin rằng không. Nhưng nói thế không phải là tôi dám nói chắc rằng nước Nhựt có nhiều ưu - điểm, và xú Phù-Tang là một đất mĩ - miều của nơi Mặt Trời mọc. Tôi không nói quyết như thế.

Tôi chỉ muốn xác-nhận rằng nước Nhựt-Bản, trong những điều-kiện đặc-biệt của nó hiện nay, đã bắt-buộc phải chịu, mặc dù nó không muốn, và còn lật lẩy, nhiều ánh-hưởnг của ngoại-bang, và Lịch-sử của nó tuy đổi với cặp mắt của ngoại-quốc chỉ là lịch sử của một dân tộc hay bất chươnс, nhưng nó cũng đã chứng tỏ rất nhiều nỗ-lực, và nhiều sự buồn thǎm, nhiều điều-dại dột.

Vậy thì, các Văn-hóa ngoại bang đã để lại trong tâm não

của Dân-tộc Phù-Tang những di-tích gì về tinh-thần ? Và các bậc tiền-bối của chúng tôi đã phản ứng cách nào chống lại các Văn-hóa ngoại bang ?

Tôi muốn cho sáng tỏ vấn-de này ra, đổi với Văn-tự của Nhựt, và đổi với Văn-Hóa của Nhựt. Trước hết tôi xin tìm các biến đổi đã xảy ra trong từ ngữ của Nhựt, trải qua Lịch-sử của nó.

Một số người thoáng thấy rằng chữ Nhựt và chữ Tàu giống hệt như nhau. Đúng rằng chữ Nhựt nguyên-thủy là do noi chữ Tàu, và lối chữ HIRAGANA và KATAKANA, tuy là riêng biệt của Nhựt, và tiêu-biểu một âm-thanh, nhưng hai lối chữ ấy đã đặt ra cũng là do theo hình thức của gần năm chục chữ Hán. Nhưng phải biết rằng về phương diện từ-ngữ-học, hai thứ Văn-tự Nhựt và Tàu khác nhau xa lắm.

Cứ thử một thí dụ : Tiếng Việt nói : « Tôi đọc một quyển sách » Tiếng Pháp là : « Je lis un livre ». Tiếng Nhựt : « Watasasi wa hon o yomi masu. »

*Watasasi* : tôi.

*Wa* : tiếng đệm của *Sujet*.

*Hon* : quyền sách.

*O* : tiếng đệm *complément direct*

*Yomi* : đọc (Verbe Yomu chia ra.)

*Masu* : tiếng động-từ lẽ-phép.

Như thế, trong câu tiếng Nhựt : *Sujet* đứng trước, *Complément* đứng giữa, rồi sau mới đến *verbe* : (*Tôi quyền sách đọc*) Trong câu tiếng Tàu thì cách sắp xếp lại gần như câu tiếng Pháp, hay tiếng Việt : (*Tôi đọc quyền sách*). Vả lại, trong câu tiếng Tàu chỉ có 3 chữ để nói : *tôi đọc sách*, còn trong câu tiếng Nhựt phải có 6 chữ : 3 chữ gốc (*Watasi, hon, yomu*) và 3 chữ đệm (*Wa, o, masu*). Luôn luôn trong một tiếng gốc của Nhựt đều có một vài tiếng đệm.

Như thế thì chữ Tàu và chữ Nhựt khác nhau xa lắm.

Tuy nhiên, ảnh - hưởng của tiếng Tàu trong tiếng Nhựt rất là sâu rộng, cho đến đổi khó mà phân biệt rõ ràng.

Nhà Bác-học HUMIHIKO OTAKI, Tiến-sĩ Văn-chương, tác-giả bộ *Tự-diễn Genkai*, xuất bản năm 1891, đã tính ra tỷ số như sau đây :

Tiếng Nhựt chính - tông gọi là *YAMATO KOTOBA*, có

21.817 tiếng, (tức là 60, 80%) tất cả Nhựt - ngữ), còn tiếng Tàu lân - cận vò, gọi là *Kango*. (Hán-tụ) có đến 13.546 tiếng (tức là 37, 70%), các tiếng ngoại quốc khác có 549 tiếng (tức là 1, 50%). Ấy là tài liệu về tỷ số hồi cuối thế kỷ XIX. Vừa rồi, một nhà Bác - học khác, ông MINORU UMÉGAKI, năm 1944, có xuất bản một quyển sách tựa đề là « *Sưu tầm về các tiếng Nhựt lấy của ngoại ngữ* », tính rằng có :

40% Hán tự

10% các ngoại - ngữ khác, trong đó 9% là tiếng Anh-lè. Không cần nói, các bạn cũng biết rằng từ sau chiến - tranh thứ Hai, Nhựt-bản thất trận và bị Đồng-minh chiếm - đóng thì tiếng Mỹ nhập - tịch vào tiếng Nhựt một cách mau chóng vô cùng.

Bây giờ xin nói đại khái về 3 yếu - tố trong tiếng Nhựt. Trước hết, tiếng Nhựt chính - tông, gọi là *YAMATO KOTOBA*, có rất nhiều nghĩa, nên không có nghĩa nào xác - định cả. Ngoại - ngữ, nhất là tiếng Pháp, tiếng Anh, v.v... rất là hợp - lý, minh - bạch, phong - phú

và giảng-giải rõ-ràng, còn tiếng Nhựt thì nhiều tình-cảm và so-sánh, cho nên có tính-chất tượng-trưng hơn là thực-tế. Thí dụ như trong một bài thơ *Waka*, hoặc *Haikai*. Khi Thi-sĩ Nhựt-bản muốn tỏ tình yêu với một thiếu-nữ Nhựt, trong lúc cùng nhau đi dạo mát, dưới sáng trăng, thì chàng nói với nàng : « Trăng đêm nay đẹp vô cùng ! » chứ không nói thẳng-thắn như người Pháp hay người Việt : « anh yêu em ».

Vì nói câu « trăng đẹp » như trên kia, là đã có ý nghĩa thầm-kín rằng : « Anh yêu em đến đỗi anh không thể dấu được nỗi niềm vui sướng được ở gần em đêm nay, cho nên mặt Trăng mọi đêm khác thì không có gì đẹp, mà đêm nay thì anh thấy Trăng đẹp vô ngần, em à. »

Vì vậy, trong loại thơ *Haikai*, hoặc *Waka*, Thi-sĩ không nói : « anh yêu em » theo lối nói thiết-thực, mà chỉ nói tượng-trưng : « Mặt trăng đêm nay sáng đẹp vô ngần, em ơi ! »

Thưa các bạn, không phải chàng tình nhơn Nhựt-Bản nào cũng tỏ lòng yêu đương thơ mộng với cõi tình nhân của mình bằng lối nói xa xôi bóng dáng như thế đâu. Nhưng trong loại thơ *Haikai* và *Waka*, thì phải nói thế, vì loại thơ *Waka* chỉ được dùng có 31 tự-âm (Syllabes) và thơ *Haikai* chỉ có 17 tự-âm, ngắn quá như thế nên nghệ thuật của nhà Thơ là phải nói sao cho khéo một vài chữ bóng bẩy tượng-trưng thôi, mà để diễn tả được rất nhiều tình ý.

(ký sau tiếp)

## \* DANH NGÔN

*Người ta đọc sách để giải trí, để biết tin tức, để mơ mộng, để thoát-ly, để kích-thích, để học hỏi, người ta chỉ quên đọc sách để tự xây-dựng.*

**G. TRUC.**

# Buồn đêm mưa

Rồi rả ngoài sân nharsing giọt buồn,  
Màn trời giăng măc nỗi cô đơn.  
Heo may nhẹ lọt qua khe cửa,  
Mang đến lòng ta nỗi nhớ buồn.

Hiu hắt đèn khuya tỏa khói mờ,  
Cối lòng cay đắng khóc trong mơ.  
Nỗi sầu muôn hướng trào ngun ngút,  
Lệ đọng trên mi, lắng đợi chờ.

Bên song lá rụng, hạt mưa rơi,  
Như tiếng lòng ai khẽ thở dài.  
Mảnh hồn tan nát, sầu mong nhớ,  
Cầu xé lòng ta đã tả rơi.

Không gian tràn ngập hạt buồn rơi.  
Như mảnh hồn ta lạc hướng đờ.  
Lầm lũi đi trong trời sóng gió,  
Trước làm gió lạnh lệ sầu rơi.

Lá rụng làm chi ! Gọi nhớ nhung,  
Mưa gió làm chi ! lạnh cố lòng.  
Rá rách đêm thâu hồn đắm lệ,  
Cô hồn hiu hắt lướt qua song.

Rơi rớt về đâu nharsing giọt buồn,  
In trường vắng lặng : bóng cô đơn.  
Thạch sùng than thở trên trần vắng,  
Hòa nhịp cùng mưa đượm nỗi hờn.

Chan chúa lòng ai lệ mẩy hàng,  
Đau buồn tưởng nhớ gió miền man.  
Làm tê buốt lạnh thân cô lử,  
Lầm lũi trong mưa đạp lá vàng.

Cối lòng se thắt nhớ vu vơ,  
Những mảnh hồn ai lắng đợi chờ.  
Khi thu đêm lá gieo thềm vắng,  
Khi gió thu về lạnh giắc mơ.

Mưa vẫn đều rơi tấm lá vàng,  
Điu hiên vắng gió tung tăng,  
Trời như thấp xuống buồn ghê nhỉ,  
Đêm vắng canh trường lạnh chiếu chăn.

**HOÀI HƯƠNG**

# CÔ GÁI ĐIỀN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU    ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐÁC

(Tiếp theo P. T. số 28)

Thiệt là một sự vô cùng đột-  
ngột và bất thường, vì, dã có  
thêm ba tháng trời nay, mỗi khi  
ra ngoài, tiều thư Thê-tư-Lãng  
đều trót hẹn với Hải-Lan và đem  
cô đi theo. Như tôi đã từng nói,  
nhiều khi, cả tôi cũng được mời  
đi. Ấy thế mà, bỗng nhung, hôm  
nay, tiều thư phá bỏ cái lệ đó  
và một mình, lón đi, bỏ rơi  
chúng tôi như vậy? Tôi không  
thể nào không lấy làm lạ, nhưng,  
tôi cố chấn-tĩnh và hỏi Hải Lan:

— Ô ! Thế sao Hải Lan không

báo trước cho tôi rõ ?

— Thị nào em có hay biết gì  
đâu, kia chứ ?.. Em đang ngồi  
ở ghế sô-phá, ở phòng bên ngoài,  
bỗng, em nghe thấy tiều thư trờ  
dậy, rồi, đi ra... Em vội hỏi  
xem tiều-thư đi đâu, tiều-thư  
chẳng trả lời em, và, cũng chẳng  
thèm đề ý gì đến em, và, đúng  
đúng bỗ em đứng đấy, đi thẳng...

— Thế, tiều thư có đả động gì  
tới cái màn kịch mà chúng ta  
vừa đóng, không ?

## CÔ GÁI ĐIỀN

— Không, tuyệt nhiên không. Tiêu thư cơ chừng như vớ vội lấy cái áo ngoài, khoác lên vai rồi đi, với một vẻ mặt lầm hầm giận-dữ thì phải ... Em đã nghĩ tới việc đi gọi anh, nhưng, không có thi giờ.

— À, thế sau khi anh đi xuống buồng, thì ở trên ấy, Hải Lan làm gì ?

— Ôi, nào em còn làm gì được nữa, em chỉ thấy lòng buồn rười rượi, và, em ngồi thử người ra ở chiếc ghế sô-pha ...

— À, thế ra, cô cũng ngồi thử ra, ở sô-pha, y như tôi vậy ...

Tôi vừa nói xong, thì ngoài cô nhìn lên bức ảnh của tiêu thư Thê-tư-Lăng, treo ở trên tường, tôi mới sực nhớ ra sự hành động mà hai người chúng tôi cần phải thi-thố ngay tức khắc. Tôi liền bảo Hải Lan :

— Chúng ta phải mau mau đuổi theo tiêu thư, mới được !

Ngồi trên xe và cho xe chạy, tôi hỏi tưởng lai cái lần trước, Hải Lan và tôi, cùng nhau đi tôi quán rượu Mân Côi, và sau đó mấy tháng, lần đi nào cũng có Bạch Tân đi kèm, nhưng tôi nay, thì khác hẳn, chúng tôi lại ngồi sát bên nhau, mà chẳng ai nói với ai nửa lời. Một nỗi ngượng ngùng xâm chiếm cả tâm hồn chúng tôi mà làm cho chúng tôi, cơ hồ như, hé môi ra những thẹn thùng. Hải Lan, khác

hẳn lần trước, cô chẳng còn là một cô gái vui tươi, thông-minh, linh-lợi, cô không dám chính-nhận nhìn tôi. Tất cả dâng điệu thiêu tự-nhiên đó đã đầy tôi vào một thứ trầm-mặc rất khó chịu. Tôi cố tìm một cách gì, để đả phá cái không khí ưu-sầu, ngượng ngáp đó, mà chẳng tìm ra. Mãi sau, tôi mới gọi cô :

— Hải-Lan ?

— . . . .  
Cô không đáp và cũng chẳng quay lại nhìn tôi. Tôi hỏi :

— Hải-lan đương suy nghĩ cái gì đó ?

— Tôi chẳng suy nghĩ gì cả.

Lúc đó, cô không thể không quay lại, nhìn tôi. Bốn con mắt gặp nhau. Cô hé môi cười nụ miếng, mặt hồng ửng hồng vì thiện, thì phải. Cô lại quay đi ngay, và chú thị nhìn về phía trước xe.

— Hải-lan ạ, không biết tôi đã làm điều gì để Hải-lan mắt vui, đầy nhỉ ?

— Không, không, anh có làm gì đâu...

— Hay cái công tác này đã làm cho chúng ta quá mệt mỏi.

— Có làm gì đến nỗi mệt mỏi đâu. Em chỉ cầu mong làm sao cho tiêu-thư chóng lành mạnh, có như vậy em mới yên tâm.

— Đúng đấy, và lúc đó, tình

thần của tôi mới cũng được cởi mở.

— Tại sao anh qua quan tâm về Bạch-Tần như thế nhỉ ?

— Ô kia, Hải-lan chẳng vừa nói, chỉ khi nào Bạch-Tần lành mạnh hẳn, em mới yên tâm, sao ?

Cô lại lặng thinh.

Trời vẫn mưa và mưa cả ở trong lòng chúng tôi. Tôi cảm thấy tâm hồn tôi nặng chề một nỗi tru tư, sầu muộn. Tôi cố tìm không ra một lời nào, để nói, tôi dành nhận chân vào cần ga, để cho xe phóng mau lên, y như để chạy trốn ra cái cảnh tình u thảm này !



## XII

Nhân tôi dự đoán rằng, thế nào Bạch-Tần cũng chỉ dò tôi quán rượu Mân-côi, để tìm lại cái lũ bạn phóng-dâng, mà nàng đã bỏ rơi trong mấy tháng trời nay. Bởi vậy, tôi lái xe về phía đó. Quả nhiên, ở bên lề đường đã có chiếc xe màu xanh đậu ở bên lề đường. Tôi bảo Hải-lan hãy ngồi đợi tôi trong xe và tôi, một mình, bước vào trong quán rượu.

Ở chung quanh quầy thu-ngân, có một số đồng nam, nữ, trong đó có cả cái gã có râu mép, và đủ mặt những thanh niên, trai, gái, bạn cũ của Bạch-Tần. Tôi

đoán chắc, thè nào nàng cũng có mặt ở đó. Tôi ngồi ở một phia xa và ung dung dở thuốc lá ra hút. Một lát sau, cả bọn cất tiếng hát lên inh ôi, rồi họ công - kênh Bạch - Tần lên khỏi đầu họ, tay nàng cầm một bồi rượu, nàng vừa gio nó lên, vừa hô to :

— Uống đi, các bạn !

Người nào, người ấy đều rầm rắp nốc cạn bồi. Tôi bèn chạy lại, bình tĩnh gọi :

— Bạch Tần !

— Há, há, há...

Nàng lớn tiếng cả cười như phát điên, phát cuồng, rồi nàng quay lại bão bạn kia :

— Cái anh chàng này làm như quen với tôi ?

Cả bọn đều chủ thị vào tôi và coi bộ như hùa nhau để chế-diễu tôi, không nề mặt tôi một chút nào cả. Bạch Tần đã nhảy xuống đất, nàng vừa cười ngặt nghẽo, vừa tiến đến trước mặt tôi :

— È ! cái anh người đồng phuơng, anh cũng muốn uống một bồi rượu chẳng ? Ta đương mời khách đây, ở đây toàn là bạn thân của ta cả.

— À ! Bạch Tần, Hải Lan đương đợi ở ngoài kia, cô ấy cùng đi với tôi đến đây, xin ra ngoài ấy nói chuyện.

Nàng cười cười, đáp :

— Hải Lan, há, há, há, nó đương đợi gã tinh-nhân của nó,

## CÔ GÁI ĐIỀN

thì có, anh hãy cút ra ngoài đó đi.

Tôi xem chàng nàng đã chênh-choáng hơi mèn, tôi phải; trong tình cảnh này, tôi cũng khó lòng mà giảng giải nổi một điều gì? Tôi tưởng, tốt hơn hết, là tôi phải cố đưa nàng ra ngoài kia, tôi liền dang tay, ôm lấy vai nàng và nói :

— Tiêu-thư bắt thầm bỏ nhà đi như thế, làm cho Hải-lan sợ hãi, chàng còn hồn, còn vía, nào nữa... Thôi xin tiêu-thư hãy đi ra đây với chúng tôi đi.

Tôi có ngờ đâu, nàng đãy mạnh tôi ra, và, xăng giọng, bảo tôi :

— Làm cái trò gì thế?

— Bạch-Tần!

— Cút đi, xéo đi, cho rảnh mắt người ta!

Nói xong, nàng đi ra phía ghế sô pha, hai tay bưng lấy mặt, ngồi phịch xuống đó, đầu tóc rũ rượi.

Thế là cả bọn kia kêu àm lên;

— Cút đi! Xéo đi! Xéo đi!

Rồi, có mấy người a lại, đẩy tôi ra lối cửa,

Tôi như một kẻ mất hồn, bước ra khỏi quán rượu và tôi chẳng hề đe ý tới những người họ theo dõi tôi ở đằng sau. Không biết tại sao, trong lúc đó, tôi

chẳng nghĩ tôi sự tự vệ. May mắn tôi dày sấp, dày ngửa tôi, tôi ngã chui ngotrời đi, vì mất thăng bằng; họ lại bồi thêm vào đầu, vào mặt tôi, mấy quả đấm như trời giáng, tôi ngã quay ra trên mặt đất, đầy bùn, rồi tôi ngất lịm đi, bất tỉnh nhàn-sự. Tôi không còn có cơ hội nào để đánh lại họ. Ai dám kích tôi một cách phi - tự như vậy? Tuy tôi chẳng rõ, nhưng tôi có thể dự đoán, lại cái anh chàng có râu mép chứ không phải ai khác, vì tôi biết, anh ta vẫn thâm-thù tôi. Mắt hắn tri-giác, tôi cũng không biết tôi nằm quay dơ ra đó bao nhiêu lâu, nữa?

— Anh! Anh! Anh!

Tôi mơ hồ nghe rõ tiếng của Hải-Lan lay gọi tôi, và, khi thấy tôi mở mắt, hồi tỉnh lại, còi vẻ an tâm. Tôi khẽ reng rí kêu :

— Nhức đầu quá!

Bỗng cô kêu rú lên:

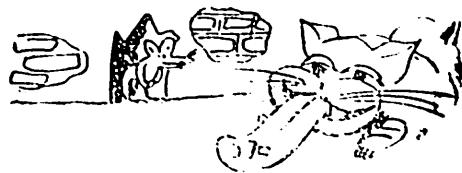
— Trời ơi! máu!

Tôi giơ tay, sờ lên đầu, tôi mới hay, tôi bị thương ở phía sau đầu và vết thương dương rơm rớm máu. Hải-Lan đỡ tôi dậy, cô lấy khăn tay lau vết máu, rồi dùng cái vải lụa quấn cổ của tôi mà buộc lại cho tôi.

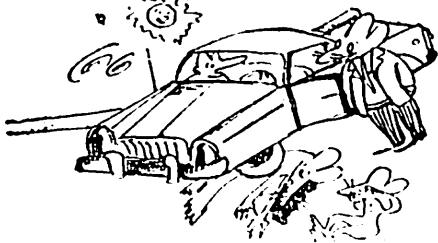
(còn nữa)

# ĐỜI MỚI

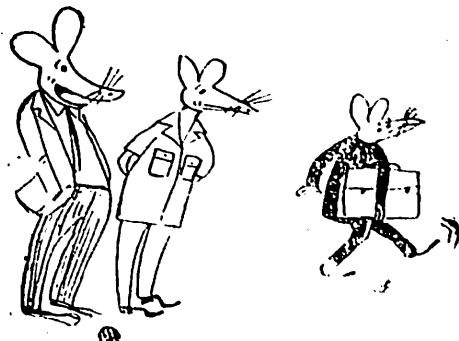
dưới ngòi bút của  
hoạ sĩ GYAO



Tôi đã nói là bắt đầu  
từ bây giờ chúng mình  
thực hiện chính sách  
«Sống chung Hòa Bình»  
mà !



Ô khõng có sao Em à,  
chúng mình chỉ cần phải  
con chuột thôi mà.



— Được đi dự Hội.  
Dồng Chuột, cu - cậu lấy  
lẽ lắm !

*Minh ơi!*

**GIẢI THƯỞNG**

**QUỐC TẾ**

---

**NOBEL**

..... LÀ GÌ ?

**C**Á buối chiều nay, bà Tú cứ bị ba chữ « *giải thưởng Nobel* » ám-ảnh hoài. Bà cứ lẩn vẫn trong đầu mẩy câu hỏi : « Giải thưởng Nobel là giải thưởng gì nhỉ ? Ai đặt nó ra ? Đặt ra từ hồi nào ? Ý-nghĩa gì ? Mục đích gì ? » Đã có tính tò-mò, chuyện gì cũng muốn biết, vẫn đề gì cũng muốn học-hồi, mà lại lười biếng không đọc sách mấy khi. Bởi chưng đã có sẵn ông Tú ở bên cạnh nách, hễ có chuyện gì thắc-mắc thì bà chỉ cắt giọng oanh thô-thô hai tiếng : « *Mình ơi !* » thế là không nhiều thì ít bà Tú nhà ta cũng được thỏa-mãn phần nào rồi.

Ý-y có ông chồng, cho nên bắt cứ gấp câu chuyện gì ám-ảnh trí-óc của bà, là bà nheo-nhéo bên tai ông Tú. Ai đói hai vợ chồng ngồi coi ci-nê, mà cứ chốc chốc bà lại hỏi nhỏ :

— *Mình ơi, giải thưởng Nobel là giải thưởng gì hả Minh ?*

Bà nhõng-nhèo y như đứa trẻ nít đòi cho được cục kẹo vậy.

Ông Tú có lẽ bức mình lắm, nhưng ông vẫn ngoan - ngoan cười, khẽ nởm kề vào tai vợ :

— Để xem ci-nê, xong rồi chốc nữa về nhà té sê nói cho mà nghe.

— Em không ưa cái tuồng này rồi. Cả một cảnh Han Suyin về thăm nhà ông Chú ở Mạc-cao, là giả-tạo quá lố, coi chán. Chán là... Tày không phải Tày mà Tàu không phải Tàu. Còn anh chàng William Holden muốn tỏ tình yêu cho nàng biết mà héto lên : « *Mais je vous aime, quoi !* » thì thật là hát bậy, hả Minh ? Thà Minh nói chuyện giải thưởng Nobel cho em nghe, em còn thích hơn.

— Ủ, nhưng để xem hết phim coi ra sao đã chớ.

Phim vừa hết, ngay trước khi đứng dậy ra về, bà Tú lại hỏi :

— Giải thưởng Nobel là giải thưởng gì, nói cho em nghe đi, Minh !

Đợi ra ngoài đường; hai vợ chồng đi bách bộ, ông Tú mới nói :

— Giải - thưởng Nobel là do ông Nobel lập ra.

— Nobel là ai, hả Minh ?

— ALFRED NOBEL là một nhà bác - học về môn hóa - học, người Thụy-điển (Suède), sinh tại kinh-thành Stockholm năm 1833, chết tại San Remo năm 1896. Ông là người đã phát-minh ra cách dùng nitroglycérine làm chất nổ để chế-tạo ra

đạn. Song vì nitroglycérine nhạy lửa quá nên ông trộn thêm silice amorphe cho chất nổ bớt một đôi phần hiệu lực. Năm 1864, trong lúc ông đang thí-nghiệm về nitroglycérine thì bị chất ấy nổ dữ-dội bắt ngờ làm tiêu tan cả phòng thí-nghiệm của ông.

Cũng chính ông là người phát minh ra chất dynamite (cốt mìn) mà hiện nay cả thế-giới đều dùng. Nói tóm lại, Nobel là người đã chế ra các thuốc nổ dùng làm đạn-dược, và trong các kỹ-thuật kỹ-nghệ Nhờ đó, ông đã có được một gia-tài 40 triệu đồng vàng Thụy-điển. (couronnes).

— Làm giàu nhờ bán chất nổ ?

— Ủ. Nhưng trước khi chết năm 1896, Nobel có để lại một di-chúc tặng hết số của kết-xù ấy cho chính-phủ Thụy-điển để lập ra 5 giải-thưởng Quốc-Tế hàng năm. Đó là nguyên-thủy của 5 giải-thưởng Nobel.

— 5 giải-thưởng về các môn gì, hả Mình ?

— Theo di-chúc, thì ông Nobel muốn cứ mỗi năm chính-

phủ lấy món tiền huê lợi khai-thác của số vốn 40 triệu đồng couronnes ấy mà tặng thưởng « các vị ân-nhàn của nhân-loại » Món tiền lợi-túc hàng năm được chia ra 5 phần đồng đều, tặng các nhà bác-học nào trên Thế-giới mà được thành công những phát-minh quan trọng trên các địa-hạt văn-hóa :

1) lý-hóa học, 2) sinh-lý học  
3) Y học, 4) cho nhà Văn-Si nào trên Thế-giới viết được một tác-phẩm có lý-tưởng cao-siêu,  
5) cho một nhân-vật nào trên Thế-giới hoạt-động có hiệu-quả nhất cho Hòa-Bình nhân-loại.

Tóm-lại, mỗi năm có 5 giải-thưởng Nobel : lý-hóa học, sinh-lý học, y học, văn-chương, Hòa-bình.

— Ai đứng ra trao tặng các giải-thưởng ấy ?

— Về vật-lý học và hóa-học, thì do HÀN - LÂM - VIỆN KHOA HỌC THỦY - ĐIỀN quyết định. Về sinh lý học và y-học thì do Y - VIỆN CARO-LIN ở Stockholm quyết định; về Văn-chương thì do HÀN - LÂM - VIỆN VĂN - HỌC THỦY - ĐIỀN; về công-tác

Hòn - bờn thì do một Ủy - ban giám - khảo gồm có 5 hội - viên của QUỐC - HỘI xứ NA-UY (Storting norvégien) định - đoạt.

— Xứ Na-Uy là xứ nào ? & đâu ?

— Na-Uy, (Norvège) là xứ láng giềng của Thụy - Điển (Suède) và cùng một hệ - thống văn-hóa với Thụy - Điển.

— Từ lúc mới thành lập giải Nobel cho đến ngày nay, đã được mấy lần tặng giải, hả Mình ?

— Giải Nobel được lập từ năm 1896, nhưng 5 năm sau, khởi đầu từ 1901 mới tặng các giải thưởng đầu tiên, và từ đó tiếp-tục đều - đều mỗi năm cho đến ngày nay. Chỉ trừ ra 4 năm chiến-tranh, từ 1940 đến 1943, Thụy - Điển bị Hitler chiếm cứ, nên trong 4 năm ấy không có giải - thưởng về cả 5 ngành.

— Tổng - cộng từ 1901 đến 1959, là 58 năm, đã bao nhiêu người được giải thưởng Nobel, hả mình ?

— Tất cả 300 người.

— Mình kẽ tên của 300 người ấy cho em nghe đi.

— Kẽ sao echo xiết, vì có nhiều người không có tiếng-tăm

mấy. Nhưng chúng ta có thể biết những bậc vĩ - nhân Thế giới đã được giải quốc - tế Nobel như :

### Về vật - lý học (Physique)

Năm 1930, ÔNG VÀ BÀ P. CURIÉ (Pháp)

— 1909, MARCONI (Ý)

— 1909, F. BRAUN (Đức)

— 1921, EINSTEIN (Đức)

— 1928, O. RICHARDSON (Anh)

— 1929, L. DE BROGLIE (Pháp)

— 1930, CHANDRASEKHA RA VENKATA RAMAN (Ấn-độ)

— 1936, ANDERSON (Mỹ)

— 1939, LAWRENCE (Mỹ)

— 1949, YUKAWA (Nhật-bản)

— 1950, POWELL (Anh)

### Về hóa học (Chimie)

— 1901, VAN'T HOFF (Hà Lan)

— 1902, FISHER (Đức)

- 1908, RUTHERFORD (Anh)
- 1911, BÀ MARIE CURIE (Pháp)
- 1913, WEKNER (Đức)
- 1923, PREGL (Áo : Autriche)
- 1926, SVEDBERG (Thụy-diển).
- 1932, LANGMUIR (Mỹ)
- 1935, JULIOT - CURIE (Pháp).
- 1939, KUHN (Đức).
- 1944, HEVESY (Hung-gia-lợi)
- 1946, STANLEY (Mỹ)
- 1950, DIELS (Đức),
- 1952, SYNGE (Anh)
- v.v...

**Về Sinh-vật-học  
và Y-học**

- 1901, VON BEHRING (Đức)
- 1904, PAVLOV (Nga)
- 1905, KOCH (Đức)
- 1906, KAMON Y CAJAL (Y-pha-nho)
- 1907, LAVERAN (Pháp)
- 1908, METCHNIKOFF (Nga)

- 1923, MACLEOD (Gia-nã-Đại).
- 1929, HOPKINS (Anh)
- 1933, MORGAN (Mỹ)
- 1945, FLEMING (Anh)
- 1952, WAKESMAN (Mỹ); v.v...

**Về Văn-Chương**

- 1901, Thi-sĩ SULLY PRUD-HOMME (Pháp)
- 1907, Văn-sĩ KIPLING (Anh),
- 1911, Văn-sĩ MAETERLINCK (Bỉ)
- 1912, Văn-sĩ HAUPPT MANN (Đức).
- 1913, Thi-sĩ R. TAGORE (Ấn-dê)
- 1916, Văn-sĩ R. ROLLAND (Pháp)
- 1921, Văn-sĩ ANATOLE FRANCE (Pháp)
- 1923, Văn-sĩ YEATS (Irlande, Ái-nhĩ-lan)
- 1925, Văn-sĩ G. B. SHAW (Anh)
- 1928 Triết-học H. BERGSON (Pháp).

## MÌNH ƠI !

- 1930, Văn-si LASAINCIR LEWIS (Mỹ)
- 1933, Văn - si BOUNINE (NGA)
- 1935, Thi-si PIRANDELLO (Ý)
- 1936 Văn-Si O'NEILL (Mỹ)
- 1937, Văn-Si MARTIN DU GARD (Pháp)
- 1938, Nữ-Si Pearl Buck (Mỹ)
- 1944, Thi-Si JENSEN (Đan-Mạch)
- 1947, {  
    | Văn-Si ALBERT CAMUS (Pháp)  
    | Văn - Si ANDRÉ GIDE (Pháp)}
- 1948, Văn-Si W. FAULKNER (Mỹ)
- 1950, Văn-Si RUSSELL (Anh)
- 1952, Văn-Si F. MAURIAC (Pháp)
- 1956, Thi-Si JUAN JIMÉNEZ (Y-pha-nho), (Espagne)
- 1958, Văn-Si PASTERNAK (Nga)
- 1959, Thi-Si QUASI-MODO (Ý) v.v... .



Thi-si Nga  
**BORIS PASTERNAK**  
(Nobel 1958)

### Về Công-tác Hòa-bình

- 1906 T. ROOSEVELT (Mỹ)

- 1910, Bureau international permanent de la paix, & Berne (Thụy-Sĩ)
- 1917, Comité international de la Croix Rouge, & Genève (Thụy-Sĩ)
- 1920, Tổng - Thủ-Tướng WILSON (Mỹ)
- 1925, Thủ-Tướng CHAMBERLAIN (Anh)
- 1926, Thủ-Tướng BRIAND (Pháp)
- 1927, Thủ-tướng STRESEMANN (Đức)
- 1930, F. KELLOGG (Mỹ)
- 1952, JOUHAUX (Pháp)
- v.v...

Đó là kẻ đại - khái những người có tiếng tăm lừng - lẫy trên Thế - giới trong số 300 người đã được giải Nobel.

— Họ có xứng - đáng không, hả mình ?

— Dĩ-nhiên là xứng - đáng, vì giải Nobel tuy là do một tư-nhân, một nhà bác-học & Thụy-diển, đặt ra, nhưng nó đã thành giải - thưởng quốc-tế và nó là một vinh-dự đặc - biệt, cho nên nó phải được trao tặng những nhà Bác-học, Văn - sĩ, Thi - sĩ,

hay chính - khách nào mà công tác có ảnh - hưởng tốt đẹp và sâu xa nhất đối với Văn - Hóa, Khoa-học, và Hòa Bình của Nhân loại.

— Mình nói cho em nghe một vài bài thơ của vài nhà Thi-sĩ ngoại-quốc được giải Nobel mới nhứt, đi Mình ?

— Thí-dụ ?

— Thí-dụ như cái ông Thi-sĩ gì người Ý - đại - lợi, trúng giải Nobel năm 1959 đó.

— Hồi năm ngoái hả ?... Thi-sĩ Quasimodo ?

— Ủ, Mình nói sơ qua tiêu-sử của ông cho em nghe đã.

— SALVATORE QUASIMODO, người nước Ý, sinh tại thành - phố Syracuse, năm nay 59 tuổi. Hồi còn trẻ, ông làm sô Trắc-địa và được đài nhiều tinh. Sau cùng ông từ chúc, về ở Milan, học thêm các ngoại-ngữ, nghiên - cứu về Văn-học và trở thành giáo-sư Văn-chương Ý tại viện Quốc - gia Âm-nhạc Milan. Hiện nay ông vẫn còn làm giáo-sư ở đó.

— Em thích nghe một bài thơ của Quasimodo.

Ông Tú gãi đầu, gãi tai, nghĩ  
một phút, rồi bảo :

— Anh tạm dịch một bài thơ  
mới nhất của Quasimodo, ngắn  
nhất và... hay nhất nhé.

— Vâng.

— Bài thơ nhanh dễ theo tiếng  
La-tinh :

### ANTIQUUS HIBERNUS

(Mùa Đông thương-sợ)

*Dục - vọng của những bàn tay  
người trong-suốt  
Trong bóng tối của ngọn lửa đê  
buốt,  
Những bàn tay chuyên thảo, hàng  
gỗ cây sên, hay cây hoa hồng,  
Và quen thuộc với cái chết lạnh-  
lùng, của muôn thuở mùa đông.  
Chúng đã tìm hệt lúa, các con  
chim,  
Rồi đó đây tuyet phủ im-lìm.  
Những danh - từ cũng như thẻ  
Một chút-lí mặt trời, một hào-  
quang tuyệt-thế  
Rồi thì sương mù, cỏ cây  
Và cả chúng ta, ngáp không khí buỗi  
sớm-mai.*

Mình hiểu không ?

— Em không hiểu gì hết.

— Đây là Thi-sĩ làm nổi bật  
hai đối tượng : Bóng tối và ánh sáng,  
lửa và tuyết, mặt trời  
và sương mù, chữ và ý.

Mình hiểu không ?

— Kkông.

— Đại ý đoạn trên nói về  
ngọn lửa ấm trong lò sưởi,  
mùa Đông trong nhà, rồi ra  
ngoài là tuyết phủ. Đoạn dưới  
nói Thơ cũng thế : các danh từ  
rực-rỡ chút ít ánh thiều-quang,  
rồi thì mù-mịt... tuyet sương...  
v.v... Bà Tú cười, lắc đầu :

— Em cũng mù-mịt, không  
thấy ánh mặt trời đâu trong bài  
thơ đó cả ! Thôi mình dịch một  
bài thơ khác của cái ông Thi-si  
gi, người Út-pa-nhòn, được giải  
Nobel năm 1956 đó.

— Thi-sĩ JUAN RAMON  
JIMÉNEZ ?

— Ủ. Mình cho em nghe  
bài của cái ông Thi-sĩ đó đi.



Thi-sĩ Út-pa-nhòn J. JIMÉNEZ  
(Nobel 1956)

— Anh lấy một bài, cũng ngắn nhứt của Jiménez, nhận đe là

*TRÒI*

Ta gần nhir, quên ngirơi

Hồi vòm trời.

Do ánh sáng bao trùm lồng-lộng,  
Nhir một kiếp đời

Phù - hir ảo mộng.

Trần - gian nhìn ngirơi

Chẳng buồn suy nghĩ.

Đôi mắt mèo-mết biếng-luời,  
Thờ o tê - ti !

Ngirơi hiện ra trong tiếng nói  
Vô vị, vô hương

Và trong lòng mệt mỏi

Của khách thi phuơng

Trong chiều tà uâng rọi

Trên mặt hồ gươơng

Non nước chấp c hòn

*Trong giấc mơ vương,*

Đó là Thi-si nói với a ông  
Trời » cao-tít mù kia.kia, Mình  
thấy không ?

Bà Tú cười :

— Mấy ông Thi-si mơ-mộng  
cao xa quá, em chịu thôi... Bây giờ Mình ăn hột vịt lộn không ?

— Ăn.

— Mình nằm vông coi sách đi,  
để em đi lược hột vịt lộn ăn nhé !

Bà Tú âu-yếm đặt một nụ hôn trên vòm trán ông Tú và một nụ hôn trên môi ông, rồi đi lược s hột vịt lộn...

*Diem Vy*



\* DANH NGÔN

*Không phải với lưỡi kiếm mà tôi đã chinh-phục được thế-giới,  
song chính là với cái đầu chất chứa những gì tôi đã thu thập trong  
khi đọc sách.*

*NAPOLÉON*

# Sách Báo mới

## \* BẢN DÂN

Chúng tôi được tin ông NGUYỄN VĂN HAY, Giám đốc Trung-Tâm Tu nghiệp Trung và Cao cấp Công an Cảnh sát Việt Nam, cho biết ông vừa được cấp trên ủy thác kiêm nhiệm phụ trách xuất bản tập san tên là BẢN DÂN, một cơ quan ngôn luận, thông tin và tu nghiệp của ngành Công an Cảnh sát Việt nam Cộng Hòa. Tôn chỉ BẢN DÂN là phát huy kỹ luật chuyên môn, xây dựng tác phong đạo đức cho nhân viên các cấp và gây tình thân hữu đoàn kết giữa dân chúng và ngành Công an Cảnh sát, theo chủ trương « Công an Cảnh sát là Bạn Dân ».

Tập san Ban Dân số 1 sẽ phát hành trong thương tuần tháng 3 dương lịch này.

Chúng tôi trân trọng cầu chúc BẢN DÂN thành công rực rỡ trong nhiệm vụ.

## \* 龍齊詩集 (LONG TRAI THI TAP).

作者：李文雄 (Tác giả LÝ VĂN HÙNG)

Một tập thơ Tàu, toàn thơ chữ nho, bởi tác-giả, ông Lý Văn Hùng là một nhà học giả Trung Hoa vừa là một Thi-sĩ. Ông ở Việt nam lâu ngày, yêu nước Việt, yêu Lịch-sử và Văn-chương Việt, và mến người Việt, cho nên tập thơ của ông có rất nhiều bài về các nhân vật và thắng cảnh Việt nam : *Đền Hùng-Vương*, *Núi Hương-tích*, *Đền Ngọc-Sơn*, *Chùa Một cột*, *Trung-Nữ-Vương*, *Hồ Tịnh-Tâm*, *Huyền-Trân Công Chúa*, *Ngũ-Hành-Sơn*, *Võ-Tánh*; *Lê-văn-Duyệt* *Hà-Tiền Tiên-sơn tự*, v.v... Hầu hết là thơ túyệt, nhiều bài hay.

Ngoài ra, Thi sĩ Lý-văn-Hùng còn dịch ra thơ Tàu nhiều bài thơ Việt nam của Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân Hương, Ng. đình Chiểu, Bà Huyện thanh Quan, Cao Bá Quát, v.v... các bản dịch đều sát ý, sát nghĩa, có giá trị đặc biệt. Như bài thơ *cái Đu* của Hồ xuân Hương, nhà thơ Trung Hoa dịch rất khéo, như sau đây:

打鞦韆

胡春香

遊春當惜春不再將拔空時孔沒痕  
四幅紅裳飄忽展雨行玉腿震顫伸  
男搖鵝膝頻頻叩女挺蜂腰款款親  
八柱情誰妙妙陳一雙作戲美旁人

李文雄譯述

Chúng tôi xin thành thật khen Thi sĩ Lý-văn-Hùng.  
Sách dày 86 trang. In giấy tốt. Có bán tại nhà in Cawa, Chợl&n, giá 20 đồng.  
★ La plaine aux Cerfs et la Princesse de Jade,  
của THÁI-VĂN-KIỀM.

Trích trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*.  
— Nouvelle série — Tome XXXIV — № 4.

Một tập sách nghiên-cứu rất tường-tận trên phương-diện Lịch-sử và Địa-đư, về cuộc định-cư của các vị tiên-phong Việt nam hồi đầu thế-kỷ XVII tại đất « Đồng-Nai ». Trong sách có kể câu chuyện rất lý-thú của Công Chúa NGỌC.KHOA, con gái của Chúa SÃI-VƯƠNG, và vợ vua Chàm PO ROMÉ và Công Chúa NGỌC-VẠN, chị ruột của Ngọc-Khoa, và vợ vua Cao-miên CHEI CHETTA II.

*Thơ*

# LÊN RUỘT

\* DIỆU HUYỀN \*

## HY-VỌNG TRÚNG VÉ SỐ

Chúa nhựt vừa rđi, tôi dạo chơi

Qua phố Bô - Na, người là  
người !

Thiên hạ chen nhau mua vé số,

Các cô vừa bán lại vừa cười,

Một bác phu xe rách tǎ-tori,

Rán mua hai vé, xé hai nợi,

Nhin tôi, bác bảo : « Nghèo xo-  
xắc,

Tôi chỉ cầu may, thử vận choi! »



Tôi hỏi một bà : « Bà, bà ơi !

Mua chi hai - chục vé một  
hơi ? »

Bà cười : « Đâu phải tôi dư bạc,

Bỏ vốn mua may, mong kiếm  
lời »

Tôi thấy một cô bên-lên cười,

Kề tai một cậu : « Anh, anh ơi,

Mua tờ vé số, may ra trúng,

Mới lấy được nhau, đẻ sống  
đời. »



Tôi thấy một ông ngoài sáu  
mươi

Bảo cô bán vé : « Xé giùm tôi  
Nhờ hên cô, nếu tôi mà trúng,  
Trả hết nợ nần, còn chia đôi ! »



Nhưng cô bán vé mỉa-mai cười :  
« Nợ nần tôi cũng lắm, ông ơi !  
Nếu ông trúng số ông chuồn mất,  
Tôi biết ông đâu, đến kiểm lời ! »



Tôi gặp một anh đói nón cời  
Nói-năn thảm-thiết, lệ tuôn rơi :  
« Lạy trời trúng số tôi trang-  
trái,  
Nợ thúc bên hông, thật tội đồi !



« Tôi nợ lu-bù, các bạn ơi,  
Họ đưa Thầy kiện bỏ tù tôi.  
Phen này không trúng vài ba  
vạn,

Thì chỉ còn đi tự-tử thôi ! »



Tôi gặp bạn tôi nhoèn miệng  
cười :

« Bồ mua vé số ? — Tớ mua rồi.

Tiền lương không đủ xài, bồ ạ,  
Mua số còn mong một trúng  
mười ! »



Mỗi tháng cầu may, vái lạy  
Trời,  
Mà sao trật mãi, hối Trời ôi !  
Vì nghèo nên phải đeo theo  
số,  
Đeo mãi bao giờ sạch túi thôi !

*Dieu Nguyen*



### Truyện dài của cô VĂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 28)

— Ủ phái, anh nói đúng lắm.  
Em rất cảm ơn anh.

Thanh béo vào má tôi và bảo :

— Đó là anh muốn giữ tình yêu của đôi ta : trước sao, sau vậy mà thôi.

Thanh bế tôi đi một khoảng xa. Tôi nằm trong tay chàng như nằm trong một giấc mộng đẹp. Khi thấy rặng cây sau nhà, tôi liền kêu hết đau chân rồi, chàng liền dề tôi đứng xuống đất.

— Anh có mệt không ?

— Sao thấy không có mệt, và nếu đường xa gấp đôi, càng tốt.

— Anh có biết con Bảy nô

nói với em làm sao không ?

— Con Bảy nào ?

— Con gái bác Ba, em của anh Thuận đó.

— Người ta là vai chí, tại sao kêu bằng nó ?

— À, vì hồi đó tối giờ nói chuyện kêu nhau bằng mầy, tao quen rồi. Nó nói hai đứa mình đi đâu cũng... có cặp, coi kỳ quá. Mà cũng lạ, vắng mặt anh đâu đó một chút là em lại thấy buồn buồn, nhớ nhớ làm sao ấy. Cái thứ trai với gái yêu nhau rồi đều vậy hết trọn hồn anh ? Dùm thấy mặt nhau có no béo gì đâu, mà nếu không được vậy là cả ngày như tuồng chết rồi vậy. Vậy mà nói xa nhau làm sao được ?

— Không ai muốn xa nhau hết, nhưng nghịch cảnh đưa dà đến khiến cho phải chia tay nhau thì cũng phải ráng mà chịu. Chừng ấy, ta chỉ có một cách là mãi mãi ôm ấp hình ảnh người yêu trong tâm khảm dè không bao giờ lời bồn phận đối với nhau.

— Anh đừng sợ em đòi lòng, chỉ lo anh rồi đây tham đó bỏ dăng thôi.

— Ghen rồi sao ?

— Không phải ghen bóng, giời ! Nhưng đàn ông hay thay dạ, đòi lòng, chứ đàn bà ít có ai không trọn lòng chung thủy.

Thanh hỏi bở :

— Thí dụ anh có vậy thì em làm sao ?

— Đừng bao giờ gặp mặt em trở lại, và em sẽ thù oán anh muôn đời. Khi đã nhận làm vợ anh, tất cả của em là của anh cũng như tất cả của anh là của em, không còn chia sẻ được cho ai nữa...

Thanh lêu lêu tôi :

— Ngộ dữ a ! Mới nói chơi một chút, mặt đã đỏ hầm hầm rồi...

Tôi giơ tay phát vào vai chàng, chàng né tránh và chạy vào con đường mòn bên rặng tre. Tôi đe chàng đi trước, còn tôi thủng thỉnh bước theo sau về nhà.



Tối hôm ấy, có một không khí mưu-mô, giữa bọn trẻ chiếm đa số trong nhà, trong khi tôi đi vắng, Thành, Hạnh làm gà, vịt đẽ nấu cỗ. Mấy anh Hậu, Của, Thức và em Năm tôi lo quét dọn, trang hoàng nhà cửa. Bà Phán Ba, mẹ của hai người bạn gái của tôi, thấy làm lăng-xăng, liền hỏi :

— Gi vậy, tụi bây ?

Thành và Hạnh cười cười mà không dám nói.

— Ủa, bữa nay tụi nhỏ làm gì mà bí mật vậy kia ?

Anh Chim Xanh liền nói nhỏ:

— Bác ơi, tụi nó tò chúc đám cưới của Thành và Vân đó. Bác đừng rỉ rỉ rằng gì hết nha bác.

Bà Phán Ba bật cười và bỏ đi. Về phần chị Năm, anh Tám Càng đã nói trước rồi và thêm ý kiến vào :

— Kệ tụi nhỏ làm sao thì làm, không chừng tụi nó có lý. Thời buổi loạn-lạc, khe-khắc với tụi nó, làm gì ...

Khi má tôi ở nhà bà nội về, thấy có bánh trái ê-hè liền nói :

— Chưa hết Tết mà mấy đứa nhỏ ở nhà siêng dữ he ! Tính làm lớn chuyện gì đó ?

Ca Vang, có dự trù trước, liền nói :

— Bữa nay ăn măng cho Thành đã được bác nhận gã chị Vân. Chúng cháu muốn làm một buổi lễ kỷ-niệm cho đôi bên nhớ mãi ngày này. Bác cho phép vậy.

— Hai đứa nó đi bộ về tối chưa ?

— Dạ về rồi. Anh Thành đâu, bác hỏi kia.

Thanh bước ra :

— Bác kêu chi ạ ?

Ca Vang sửa lời ngay :

— Phải gọi bằng má. Còn bác, cháu gì nữa chó.

(Còn nữa)

# BẢN ĐỌC VIẾT

## \* Công - Giáo (Religio-Catholica)

(của ông Văn - Long, Salgon)

... Trong Phô-Thông số 28 (15-2-1960), nơi mục « Đáp bẢN ĐỌC PHƯƠNG », trang 122, có giải-thích hai chữ « CÔNG-GIÁO » như sau : « Hai chữ CÔNG-GIÁO, được đặt ra trong thời Pháp-thuộc, vì Gia-tô-giáo là công-giáo của nước Pháp ».

## Công - giáo của nước Pháp ?

Thật ra, đạo Chúa Giêsu Kitô là đạo chung cho nhân loại, bất phân dân-tộc giao-cấp. Hai chữ CÔNG-GIÁO là phiên-dịch, hai chữ latin Religio Catholica. Và tinh-tù latin Catholica do tiếng Hy-lạp katholikos, có nghĩa là phổ-biển, chung cho mọi người. Vậy Công-giáo có nghĩa là đạo chung cho tất cả mọi người.

Chúng tôi gởi đến Ông những dòng này, không ngoài mục-dịch gởi ý-kiến với bạn đọc bẢN ĐỌC PHƯƠNG...

## \* Cầu Cơ

(của ông Lương-trọng-Minh, 18/22 Trương-tấn-Bửu, Salgon)

... Câu chuyện « Cầu Cơ » trong Phô-Thông số 28 nhắc tôi liên tưởng đến câu chuyện « Cầu Cơ » của Ông Thân sinh tôi hồi còn ở vùng kháng chiến chống Pháp —

Ông Thân-sinh tôi là cụ Lương-trọng-Hội (hiện nay là Niên trưởng Quốc Hội nhiệm kỳ II)

Thay còn ở chiến khu, giặc Pháp tấn công gần đến huyện nhà (huyện Quế-Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam).

Thầy tôi (ông thân sinh) bèn cầu Cơ (ở Quảng Nam thường gọi là Cầu Tiên) để xem thử quân nhà có yên không và năm nào thì định chiến —

Lúc ấy, Cơ hiện về cho 6 chữ « Quế Sơn vững như Bàn-Thạch » Thật thế, từ đó trở đi Quân Pháp không tấn công đến huyện Quế Sơn lần nào cả cho đến ngày định chiến. Cơ lại còn cho biết đúng năm định chiến nữa.

Lúc ấy, tin « Quế Sơn vững như Bàn Thạch » và tin « Định chiến » mà Cơ cho biết, đã loan rộng trong tỉnh Quảng Nam, và đã làm cho nhân tâm yên tĩnh — Lúc ấy, Ông Trần-dinh-Tri làm chủ tịch hành chánh tỉnh Quảng Nam (Việt Minh) viết thơ gởi cho Thầy tôi để chỉnh khéo, trong thư có câu :

« Cụ cầu Cơ, gây hoang mang trong dân chúng, làm yên lòng kháng chiến của « Nhân-Dân »

Thầy tôi không viết thư trả lời. Ông chỉ nói với tôi : « Đó là vẫn đề tự do tín-nghưỡng, ai cầm được tao ».

Lúc ấy, chúng tôi hồn Cơ để xin thơ chứ không xin họa thơ như ông. Cho nên chỉ đọc những câu thần chú, đọc nhiều lần cho đến khi nào Tiên hiện về. Có khi toàn thân Thầy tôi run lẩy-bẩy, có khi cầu mãi không lên. Tôi còn nhớ 4 câu thần-chú sa i đây, (chữ Hán) :

« Ba-lan nhứt vọng Động-dịnh-thu  
Nguyệt-kiến cô phong thủy thương phù  
Thần đạo Thần - Tiên bắt khả tiếp  
Tâm thùy hồ thi cọng du du »

Đọc đi đọc lại như tụng kinh, không khí huyền dịu trang nghiêm lẳng lơ bay tỏa ra không trung. Chúng tôi cảm giác như hồn ma quanh quẩn đâu đây, đôi lúc nghe mà rợn gáy vì phải đọc nhiều lần giữa hương trầm nghi-ngút.

## BẢN ĐỌC VIỆT

Thưa Ông, còn một điều tại sao Cơ không ứng nữa mà  
nằm chết một chỗ. Như trong bài ông viết chỉ ứng đến Hồ-Xuân-  
Hương mà thôi. Còn cầu hương-hồn cụ Nguyễn-Du và Tú-  
Xương thì chịu — không thành công cho nên phải dành chấm dứt  
cuộc cầu Cơ.

Thưa ông theo chỗ chúng tôi thường nhận xét, thì hẽ có  
những cái gì Ô-uê phát tiết ra, Tiền không hiện về, như bài thơ  
của Nữ-sĩ họ Hồ có vài câu vài chữ « Ô-uê » nên các hồn thiêng  
của các Thi-sĩ khác không hiện về được nữa.

Những người ăn thịt chó mà cầu Cơ, thì Cơ cũng không  
thành. Hoặc đang cầu Cơ mà nói tục-tiểu, hoặc đàn bà con gái  
đang lúc có kinh-nghuyệt mà cầu Cơ thì không khi nào Cơ linh-ứng  
nữa.

Theo như chúng tôi kinh nghiệm, Cầu Cơ mãi thì thấy rằng  
trí nhớ bị sút kém, sức khỏe bị hao mòn, cho nên tôi xin đề nghị  
là chỉ thỉnh-thoảng thôi.

Đó là những điều hiểu biết thô thiển xin góp bàn với Ông  
cho vui và đó cũng là sự thật huyền bí mà những nhà « Thần-  
linh-học » mới cảm thông nổi...



QUẢNG-CÁO :

### TÌM ĐỌC : THI PHẨM PHAN-PHUNG-VĂN

.....

Một thi phẩm dệt bằng nước mắt của  
một nàng thôn nữ khư khư ôm khói chung tình  
để rồi chịu phũ-phàng suốt 15 năm lỵ loạn.

# ĐÁP BẠN

HỘI VIỆT NAM

## PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN  
và BẠCH-YẾN

### ★ Bạn An-Tâm, Trần-hưng-Đạo, Huế.

Thành-thật cảm ơn thịnh tình của bạn, và của các bạn đối với chúng tôi.

P. T. đãng tắt cả các bài có giá-trị về học-văn. Với các tác-giả ở xa, tiền nhuận-bút gởi bằng bưu-phiếu.

### ★ Bạn Nguyễn-Sửu, KBC 3196.

1.— Chúng tôi chưa hề nghe ai nói câu : « Tiếng Việt-Nam chỉ nói với những người biết cảm và không nói với những người biết nghĩ » (?) Câu chữ Pháp chưa vào : « ... parle avec qui sent, ne parle pas avec qui pense », cũng hoàn-toàn sai-lầm.

2.— Câu la-tinh mà Galilée đã thốt ra trước tòa án buộc tội ông về ý-kien của ông nói quả đất xoay tròn, là :

*Eppur, si muove*

(Nó vẫn cứ xoay)

Dịch ra Pháp văn : *Et pourtant, elle tourne.*

### ★ Cậu Trần-văn-Nhiệm, NhaTrang

Thông-chẽ De Lattre de Tassigny có tham-dụ vào mặt trận chiến-đấu giải-phóng nước Pháp, hồi 1944. Năm 1945, ông đại-diện nước Pháp ký Hiệp-uớc đầu-hàng vô điều-kiện của nước Đức.

★ Bạn Kiều-trung-Phương, Duy-Tân, Huế

Bạn có hồn thơ dồi-dào, và bạn có gắng lắm đấy, nhưng mấy bài thơ ấy chưa đăng được.

★ Một bạn đọc ở Huế

— Sức học trung-bình của đại đa số thanh-niên các nước tân-tiến như Anh, Đức, Mỹ, Pháp, Nga, v.v... là bằng tú tài. Nếu bạn có ở Paris, London, hay Rome, Berlin, Bonn, v.v... bạn sẽ không ngạc-nhiên tí nào khi thấy những tài xế taxi, những chị « vú em », những người ở, và thợ-thuyền, buôn-bán, dân quê, có trình-dộ văn-hóa phô-thông, tương-đương với Trung-học đệ-nhị, hay đệ nhứt cấp.

\* Thi-sĩ Juan Mormonson, Saigon.

Bài thơ của bạn :

*A lawsuit for a mag cover photo* » Humorously dedicated to Miss D. H. c/o The Phổ-Thông Digest, sẽ đăng sau khi vụ ấy xù xong, để khỏi mang tiếng. Hai câu thơ sau cùng thú-vị vô kẽ :

... Too dear is that woman of Namky !

How much did the whole game cost the male yankee ?

Thành thật cảm ơn thịnh-tình nồng-hậu của bạn.

★ Bạn Văn-Giang, Dồi trà Blao

Đã trao thư ông và bài thơ đến anh Thiếu-Sơn rồi, Đặng-ý đổi chữ « *lượt* » thay cho chữ « *nuốt* » trong bài « Đại-Hội Chuột ». Xin thành thật cảm ơn.

\* Nhắn ông Bạch Thủý.

Xin ông cho biết địa-chỉ rõ-ràng. Đa tạ.

\* Bạn Trần-hữu-Dư.

Thành thật cảm ơn bức thư. Tác-giả « Ngang trái » chỉ thỉnh thoảng mới ghé thăm tòa báo. Tác-giả bài « Đừng khóc » ký tên *Hoàng-Hưng-Trang*, là một bạn ở Huế, không phải Thu-Trang.

\* Em Ng. đúc-Hoàng, Huế

— Những chữ *Tunisie*, *Moroc*, *Algérie*, chính là tên các nước ấy. Tiếng Pháp vẫn thông-dụng tại các cựu thuộc-địa Pháp ở Bắc-Phi, vì nó tiện lợi hơn chữ A-rập.

Đây là tên thiết của mấy nước em hỏi :

—	Ấn-độ	=	Hindoustan
Ba Tư	=		Iran.
Mã - Lai	=		Malaya
Miền điện	=		Burma
Cao - miên	=		Khm-r'
Ai - Lao	=		Lao.
Nhật	=		Japan
Hung gia Lợi	=		Magyar
Hòa Lan	=		Hollande
Đức	=		Deutsches Reich
Anh	=		England
Ecosse	=		Scotland
Na - Uy	=	Norge	(Pháp = Norvège)
Thụy Điển	=	Sverige	(Pháp = Suède)
Y-pha-nho	=	Espana	(Pháp = Espagne)
v.v...			

\* Ô. Ng. Tâm, sở dụng cụ, khu Công chánh Nha-Trang.

— Theo chđ hiểu biết hẹp-hòi của chúng tôi thì bđ Y-HỌC của Cụ HẢI - THƯỢNG LÂN - ÔNG biên soạn theo các sách thuốc xưa của Tàu, và châm chẽ thêm thuốc Nam của Cụ Lân-Ông, còn bđ Y-học Toàn-thiêng của Cụ NGUYỄN - AN - NHÂN xuất bản ở Bắc năm 1941-42, thì chép theo sách của Cụ Lân-Ông và có thêm chút ít phương thuốc mới. Hiện giờ chúng tôi không thấy bán ở các hiệu sách Saigon.

\* BẠN HUYỀN-LINK KBC 4041.

Bạn lựa bài nào bạn cho là hay nhất, gởi lại chúng tôi, xin hoan-nghênh. Nhưng không hứa trước là sẽ đăng trong số nào, vì bài lai-cảo của các bạn gởi về Tòa soạn còn nhiều quá, sẽ lừa đăng dần.

\* Bà Lê thị Ngọc Ánh, Bình Dương.

Vua Quang-Trung có 2 vợ. Bà vợ trước, lấy hời còn ở Bình-Định, họ Vũ, sau được tôn làm VŨ HOÀNG-HẬU, ở kinh-đô Phú-Xuân, (Huế). Bà vợ hai, là Ngọc Hân Công Chúa, con gái thứ 21 của Vua Lê-Hiển-Tôn, được tôn làm LÊ HOÀNG-HẬU.

## ĐÁP BẢN BỐN PHƯƠNG

### ❖ Ông Dân - Sinh, Giáo - sư, Saigon.

Người Pháp, dịch quyền Kiều ra thơ Pháp, tên là RENÉ CRAYSSAC, trước kia, vào khoảng 1936-37 có làm công-sứ tỉnh Vĩnh Yên, Bắc-Việt.

### ❖ Cô Diệu - Hiền, Tổng - thống - phủ.

Theo Y-khoa Âu-tây, sức nặng của mình đúng với số lè bè cao của mình, tức là sức khỏe đầy đủ.

Thí dụ, cô cao 1m50 mà nặng 50 kí, hoặc cao 1m54 mà nặng 54 kí, tức là sức khỏe dồi-dào — Nếu cao 1m54 mà cân nặng 60 kí, hoặc 49 kí, thì triệu-chứng không tốt đó : hoặc mập quá, hoặc yếu quá.

Cô cao 1m53, thì cô nên giữ cân thường mức 53 kí, là không lo bịnh-hoạn. Sức khỏe được thăng bằng. Cô không nên uống nhiều café noir.

### ❖ Cô Bạch-Lan, nhà thương Từ-Dũ, Saigon

Bà Từ-Dũ là mẹ vua Tự-Đức, vợ vua Thiệu-Trị, người tỉnh Gò-Công. Bà không có thành-tích gì, hoặc công trạng gì lớn lao, nhưng bà là một Bà mẹ gương mẫu đối với con. Bà đã cương quyết phản đối chính sách nhường 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp — Một hôm, vua Tự-Đức qua làng Kim-Luông để săn-bắn, chiều bị trời mưa dông, vua về thành không được, đành phải ở lại Kim-Luông. Bà Từ-Dũ thức suốt đêm lo ngại. Sáng hôm sau vua về, lật-đật vào chầu Mẹ. Bà quay mặt vô vách, không thèm ngó vua, và để sẵn một roi mây trên bàn. Vua Tự-Đức hiểu ý Mẹ giận, muốn đánh đòn nhưng vì ngài là vua nên bà Từ-Dũ để roi đó làm tượng-trưng cho sự trùng phat nghiêm-khắc. Vua Tự-Đức liền cúi sụp xuống lạy Mẹ, để xin chịu tội.

Khi vua Tự-Đức ký hiệp-ước Patenotre nhường đất Nam-Kỳ cho Pháp, bà Từ-Dũ bỏ ăn mày ngày, buông rèm không tiếp vua.

Chức của Bà là Từ-Dũ Thái-Hoàng Thái-Hậu.

### ❖ Ông Trần-văn-Giảng, Cán Tho.

Thưa ông, chữ *Fall*, tiếng Mỹ, còn có nghĩa là mùa Thu. Nhưng chỉ riêng người Mỹ, thì nói *Fall* là mùa Thu, chứ người Anh vẫn nói *Autumn*. Thí-dụ người Mỹ nói : *As fall is coming*, khi mùa Thu đến, còn người Anh vẫn nói : *Autumn is coming*.

### ❖ Em Hà-đức-Tâm, Phan-dinh-Phùng, Saigon.

1.— Chơi tem quốc-tế là một lối chơi riêng của những người thích sưu-tầm tem.

2.— Chúng tôi không được biết ông Ngọc-Sơn.

## TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

\* Ông Phan tương Dao — Nha trang

— Ngày 21-10 âm lịch năm Tân Tỵ = Mardi 9-12-1941 D.L.  
— Ngày 15-6 âm lịch năm Canh Thìn = Vendredi 19-7-

1940 D.L.

\* Ông Lê viết Nhương — k.b.c 3318

Ngày 27 tháng chạp năm Dần tức ngày Thứ tư 15-2-1938 D.L.

\* Ông Tôn thất Cử — Vĩnh Diện — Quang Nam

— Ngày 1-3-1934 D.L nhầm ngày 16 tháng Giêng âm lịch  
năm Giáp Tuất, tháng Bính Dần, ngày Tân Mùi.

— Ngày 27-12-1935 nhầm ngày mồng 2 tháng Chạp âm lịch  
năm Ất Hợi, tháng Kỷ Sửu, ngày Đinh Sửu.

\* Ông Hà thanh Tú — Nha trang.

— Ngày 1-6 âm lịch năm Mậu Dần, giờ Dần, là ngày Thứ  
Ba 28-6-1938 D.L. Ngày Tân Mão, tháng Kỷ Mùi (lỗi 4 hay 5  
giờ sáng).

\* Ông Nguyễn văn Sau — Quang Trị.

Ngày 15-5-1937 nhầm ngày mồng 6 tháng 4 âm lịch năm  
Đinh Sửu, tháng Ất tị, ngày Nhâm Thìn.

\* Ông Từ Khanh — Saigon.

Ngày 29-5 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Bính Ngọ, ngày  
Ất vị nhầm ngày Thứ tư 7-7-1937.

\* BẠN NGỌC LY — Đà Nẵng

Ngày 20-7-1930 D.L hời 02 giờ đến 04 giờ sáng nhầm ngày  
25 tháng 6 năm Canh Ngọ, tháng Quý Mùi, ngày Tân Mùi, giờ  
Dần.

\* BẠN LÊ THÀNH — Phan Rang.

Ngày 25-5-1931 là ngày mồng 9 tháng 4 âm lịch năm Tân  
Mùi, tháng Quý Tỵ, ngày Canh Thìn.